ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4719/UBND-KT	*Tiền Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2024*
V/v duyệt Kế hoạch thu - nộp Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	

Kính gửi: Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Tờ trình số 138/TTr-PCTT ngày 18/6/2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thu - nộp Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Qua xem xét, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với đề xuất của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về phê duyệt Kế hoạch thu - nộp Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang tại Tờ trình số 138/TTr-PCTT ngày 18/6/2024.

Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Tiền Giang (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) chịu toàn bộ trách nhiệm về mức thu, thời gian thu và đối tượng thu, đối tượng xét miễn giảm, tạm hoãn thu - nộp Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Giao Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Tiền Giang (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) chủ trì, phối hợp các sở, ngành tỉnh, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

Đính kèm Tờ trình số 138/TTr-PCTT ngày 18/6/2024; Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17/6/2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Trọng

Nơi nhận:
- Như trên;
- PCT Phạm Văn Trọng;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, P.KT (Tú.NN).

UBND TỈNH TIỀN GIANG **BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 138 /TTr-PCTT	*Tiền Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2024*

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch thu – nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang Quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang.

Trên cơ sở tổng hợp Kế hoạch thu – nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 của các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh đã hoàn chỉnh Kế hoạch thu – nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Để có cơ sở cho Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh tổ chức thực hiện thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt Kế hoạch thu – nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

Đính kèm Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17/6/2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh về thu – nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT.BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Quỹ PCTT tỉnh;
- Lưu: VT, QLĐĐ (Duy).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN
TỈNH TIỀN GIANG

Nguyễn Văn Mẫn

UBND TỈNH TIỀN GIANG **BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 137 /KH-PCTT	*Tiền Giang, ngày 17 tháng 6 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Thu - nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang Quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang.

Trên cơ sở tổng hợp Kế hoạch thu - nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 của các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (TKCN) tỉnh Tiền Giang xây dựng Kế hoạch thu - nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai (gọi tắt là Quỹ) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân đối với nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang. Phục vụ chi cho công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Việc thu - nộp Quỹ phải đảm bảo đúng quy định, không được lạm thu và chiếm dụng Quỹ. Quản lý, sử dụng Quỹ phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng mục đích, kịp thời và hiệu quả.

II. ĐỐI TƯỢNG BẮT BUỘC ĐÓNG GÓP VÀ MỨC ĐÓNG GÓP QUỸ

1. Đối tượng

1.1. Đối tượng bắt buộc đóng góp Quỹ bao gồm:

- Các Tổ chức kinh tế hạch toán độc lập (gọi chung là doanh nghiệp) đang hoạt động và đóng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Đối tượng cá nhân: là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường.

1.2. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ:

Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ được thực hiện theo Điều 13, Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

1.3. Xét miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ:

- Căn cứ các quy định tại Điều 14, Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ thì Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm xác minh, thẩm tra, xét miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ theo quy định.

- Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ được thực hiện 1 lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ.

2. Mức đóng góp

2.1. Đối với các Tổ chức kinh tế hạch toán độc lập (doanh nghiệp):

Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng tối thiểu 500.000 đồng *(Năm trăm ngàn đồng)*, tối đa là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

2.2. Đối với cá nhân: là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường:

Mức đóng góp cụ thể như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (cấp huyện), ở xã, phường, thị trấn (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

b) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp thì chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất. Mức lương tối thiểu vùng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ, Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Trong đó:

+ Vùng II gồm: thành phố Mỹ Tho và huyện Châu Thành (4.160.000 đồng/tháng);

+ Vùng III gồm: thành phố Gò Công, thị xã Cai Lậy, huyện Chợ Gạo, huyện Tân Phước (3.640.000 đồng/tháng);

+ Vùng IV gồm: huyện Cái Bè, huyện Cai Lậy, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, huyện Tân Phú Đông (3.250.000 đồng/tháng).

c) Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại điểm a, b khoản này, đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

3. Tổ chức thu và nộp Quỹ

3.1. Tổ chức thu:

- Cơ quan giúp việc quản lý Quỹ (Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh – Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT): tổ chức thu Quỹ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, lực lượng vũ trang, tổ chức.

- Cục Thuế tỉnh Tiền Giang:

+ Chủ trì, tổ chức thu Quỹ đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài (Doanh nghiệp, Cán bộ quản lý, người lao động trong doanh nghiệp) do Cục Thuế tỉnh quản lý.

+ Chỉ đạo Chi cục Thuế cấp huyện và khu vực phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Gò Công, thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho tổ chức thu Quỹ đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài (Doanh nghiệp, Cán bộ quản lý, người lao động trong doanh nghiệp) trên địa bàn cấp huyện do Chi cục Thuế quản lý.

- Cấp huyện: Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị, tổ chức thu Quỹ trên địa bàn quản lý, cụ thể như sau:

+ Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện và Phòng Kinh tế thành phố Gò Công, thị xã Cai Lậy, thành phố Mỹ Tho: tổ chức thu Quỹ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, lực lượng vũ trang, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài do cấp huyện quản lý và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn cấp huyện.

+ UBND xã, phường, thị trấn (cấp xã): tổ chức thu Quỹ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan do cấp xã quản lý và người lao động khác trên địa bàn xã (trừ các đối tượng là người lao động tại các doanh nghiệp).

3.2. Nộp Quỹ:

- Nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai bằng 02 hình thức: chuyển khoản hoặc nộp bằng tiền mặt. Việc thu - nộp Quỹ bằng tiền mặt phải sử dụng phiếu thu do Cơ quan quản lý Quỹ (Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh) phát hành.

- Tiền thu Quỹ phải được nộp vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai và được trích lại (không quá 5%) chi thù lao cho đơn vị, người trực tiếp đi thu.

- Tài khoản nộp Quỹ:

*** Cấp huyện:** Tài khoản nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp huyện được UBND tỉnh ủy quyền mở tại Kho bạc nhà nước cấp huyện sở tại, do Trưởng ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN cấp huyện làm chủ tài khoản, được sử dụng con dấu Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN huyện để giao dịch.

*** Cấp tỉnh:** Tài khoản nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang được mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Tiền Giang, do Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh làm chủ tài khoản và sử dụng con dấu của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh để giao dịch.

Tài khoản nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang như sau:

+ Nơi nhận: Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang.

+ Địa chỉ: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

+ Mã quan hệ ngân sách: **9091203**.

+ Số tài khoản: **3761.0.9091203.91049** tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang.

+ Nội dung: Tên cơ quan (hoặc đơn vị) - Nộp Quỹ Phòng chống thiên tai năm 2024.

**** Lưu ý: các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập (doanh nghiệp) và các tổ chức, cá nhân khi nộp Quỹ phải ghi rõ tên cơ quan hoặc đơn vị của tổ chức nộp Quỹ, không ghi tên cá nhân nộp.***

4. Thời hạn nộp Quỹ

- Đối với các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập (doanh nghiệp): Nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước ngày **30/8/2024**, số còn lại nộp trước ngày **30/10/2024**.

- Đối với cá nhân: Nộp Quỹ một lần trước ngày **30/8/2024**.

III. CHỈ TIÊU THU NỘP - QUỸ

Chỉ tiêu thu - nộp Quỹ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2024 như sau:

1. Tổng số đối tượng xét miễn giảm, tạm hoãn là: 656.366 người.

Trong đó:

TT	Tên đơn vị	Số đối tượng miễn giảm, tạm hoãn là:			Ghi chú
		CB, CC, VC (người)	Lao động khác (người)	Tổng cộng (người)	
01	Thành phố Mỹ Tho	26	50.616	50.642	
02	Thành phố Gò Công	5	58.744	58.749	
03	Thị xã Cai Lậy	32	41.235	41.267	
04	Huyện Tân Phú Đông	10	27.296	27.306	

05	Huyện Gò Công Đông	02	44.130	44.132	
06	Huyện Gò Công Tây	38	103.718	103.756	
07	Huyện Chợ Gạo	10	32.597	32.607	
08	Huyện Châu Thành	10	78.637	78.629	
09	Huyện Tân Phước	0	20.181	20.181	
10	Huyện Cai Lậy	2	83.027	83.029	
11	Huyện Cái Bè	19	116.031	116.050	
12	Các Sở, ban ngành tỉnh	0	0	0	
Tổng cộng:		**154**	**656.212**	**656.366**	

2. Tổng số tiền phải thu Quỹ trên địa bàn tỉnh là: 43.264.559.198 đồng.

(Bốn mươi ba tỷ, hai trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn, một trăm chín mươi tám đồng).

Trong đó:

TT	Tên đơn vị	Số tiền thu Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
01	Thành phố Mỹ Tho	3.561.285.610	Kế hoạch số 1960/KH-UBND ngày 15/5/2024 của UBND thành phố Mỹ Tho.
02	Thành phố Gò Công	668.838.571	Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 31/5/2024 của UBND thành phố Gò Công.
03	Thị xã Cai Lậy	1.339.529.895	Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/4/2024 của UBND thị xã Cai Lậy.
04	Huyện Tân Phú Đông	636.629.332	Kế hoạch số 05/KH-BCH ngày 25/4/2024 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện Tân Phú Đông.
05	Huyện Gò Công Đông	2.639.294.152	Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 30/5/2024 của UBND huyện Gò Công Đông.
06	Huyện Gò Công Tây	737.073.155	Kế hoạch số 03/KH-BCH ngày 16/5/2024 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện Gò Công Tây.
07	Huyện Chợ Gạo	1.827.612.383	Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 24/5/2024 của UBND huyện Chợ Gạo.
08	Huyện Châu Thành	1.197.620.167	Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 4/6/2024 của UBND huyện Châu Thành.
09	Huyện Tân Phước	608.083.860	Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 17/4/2024 của UBND huyện Tân Phước.
10	Huyện Cai Lậy	1.629.291.388	Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 16/5/2024 của UBND huyện Cai Lậy.
11	Huyện Cái Bè	2.881.059.597	Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 16/4/2024 của UBND huyện Cái Bè.
12	Các Sở, ban ngành tỉnh	413.626.023	Kèm theo danh sách các Sở, ban ngành tỉnh đăng ký kế hoạch thu-nộp Quỹ PCTT

			của cán bộ, công chức, viên chức (**Bảng phụ lục 1**)
13	Các tổ chức hạch toán độc lập	25.124.615.065	Kèm theo danh sách các tổ chức hạch toán độc lập **(Phụ lục 2-11)**
Tổng cộng:		**43.264.559.198**	

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI CÔNG TÁC THU - NỘP QUỸ

Chế độ báo cáo và công khai nguồn thu - nộp Quỹ được thực hiện theo Điều 20 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai thông báo các đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn và chi tiêu thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt đến các cơ quan, đơn vị, địa phương để tiến hành thực hiện thu - nộp.

2. Cục Thuế tỉnh chủ trì, tổ chức thu Quỹ đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài (Doanh nghiệp, Cán bộ quản lý, người lao động trong doanh nghiệp) do Cục Thuế tỉnh quản lý; chỉ đạo Chi cục Thuế cấp huyện và khu vực phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Gò Công, thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho tổ chức thu Quỹ của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài (Doanh nghiệp, Cán bộ quản lý, người lao động trong doanh nghiệp) trên địa bàn cấp huyện do Chi cục Thuế quản lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, căn cứ đối tượng, mức đóng góp Quỹ và các đối tượng được miễn giảm, tạm hoãn đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý, xây dựng kế hoạch và tổ chức thu - nộp; đồng thời báo cáo gửi cơ quan quản lý Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh để tổng hợp, theo dõi và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh, phối hợp Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai; đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiêm túc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

5. Việc tổ chức thu Quỹ phải đảm bảo đúng đối tượng, không thu chồng chéo, trùng lắp đối tượng nộp Quỹ giữa các cơ quan, đơn vị tổ chức thu Quỹ; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng chiếm dụng Quỹ.

6. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, lực lượng vũ trang, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, UBND cấp huyện, cấp xã, các doanh nghiệp và cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc thu - nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai và công khai kết quả thực hiện theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị và địa phương có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản về Ban Chỉ huy Phòng,

chống thiên tai và TKCN tỉnh ***(Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Điện thoại: 0273.3855108)*** để phối hợp giải quyết theo thẩm quyền hoặc xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:
- Ban CĐ QG về PCTT (thay báo cáo);
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Cục Thuế tỉnh (phối hợp);
- Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Quỹ PCTT tỉnh;
- Các sở ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các cơ quan ngành dọc tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Văn phòng TT BCH PCTT&TKCN các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, QLĐĐ.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN
TỈNH TIỀN GIANG

Nguyễn Văn Mẫn

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2024 CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC CẤP TỈNH VÀ NGÀNH DỌC

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Lương cơ sở (Lcs) : 1.800.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
I	**CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH**	**5.847**	**190.618.409**	**231.504.545**
1	**Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tiền Giang**	**37**	**1.252.955**	**1.513.636**
2	**Văn phòng UBND tỉnh**	**187**	**6.332.500**	**7.650.000**
	- Văn phòng	84	2.844.545	3.436.364
	- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh Tiền Giang	17	575.682	695.455
	- Trung tâm Hội nghị tỉnh Tiền Giang	86	2.912.273	3.518.182
3	**Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn**	**307**	**10.396.136**	**12.559.091**
	- Văn Phòng Sở Nông nghiệp & PTNT	48	1.625.455	1.963.636
	- Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp Tiền Giang	53	1.794.773	2.168.182
	- Chi cục Thủy lợi	40	1.354.545	1.636.364
	- Chi cục Phát triển nông thôn	16	541.818	654.545
	- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	15	507.955	613.636

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
	- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	18	609.545	736.364
	- Chi cục Thủy sản	24	812.727	981.818
	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y	38	1.286.818	1.554.545
	- Ban Quản lý khu bảo tồn sinh thái ĐTM	11	372.500	450.000
	- Ban Quản lý Cảng cá	44	1.490.000	1.800.000
4	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**104**	**3.521.818**	**4.254.545**
	- Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	50	1.693.182	2.045.455
	- Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	24	812.727	981.818
	- Trung tâm GDTX tỉnh Tiền Giang	23	778.864	940.909
	- Trung tâm Hỗ trợ công tác thư viện, thiết bị và giáo dục ngoài giờ tỉnh Tiền Giang	7	237.045	286.364
5	**Sở Y tế**	**1.755**	**59.430.682**	**71.795.455**
	- Văn phòng Sở Y tế	35	1.185.227	1.431.818
	- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	12	406.364	490.909
	- Bệnh viện đa khoa Tiền Giang	1.212	41.042.727	49.581.818
	- Bệnh viện Tâm thần	188	6.366.364	7.690.909

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
	- Bệnh viện mắt Tiền Giang	53	1.794.773	2.168.182
	- Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật	146	4.944.091	5.972.727
	- Trung tâm Pháp y	17	575.682	695.455
	- Trung tâm Giám định Y Khoa	21	711.136	859.091
	- Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Tiền Giang	57	1.930.227	2.331.818
	- Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	14	474.091	572.727
6	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**	**304**	**10.294.545**	**12.436.364**
	- Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và XH	51	1.727.045	2.086.364
	- Trung tâm Công tác xã hội Tiền Giang	89	3.013.864	3.640.909
	- Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	8	270.909	327.273
	- Cơ sở cai nghiện ma túy	102	3.454.091	4.172.727
	- Ban Quản lý nghĩa trang và dịch vụ mai táng, hỏa táng	19	643.409	777.273
	- Trung tâm dịch vụ việc làm	35	1.185.227	1.431.818
7	**Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch**	**309**	**10.463.864**	**12.640.909**
	- Văn phòng Sở Văn hóa - Thể thao và DL	44	1.490.000	1.800.000

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
	- Bảo tàng Tiền Giang	47	1.591.591	1.922.727
	- Thư viện Tiền Giang	19	643.409	777.273
	- Trung tâm đào tạo huấn luyện và Thi đấu TDTT	121	4.097.500	4.950.000
	- Trung tâm Văn hóa nghệ thuật	62	2.099.545	2.536.364
	- Trung tâm Phát triển DL	16	541.818	654.545
8	**Sở Tài nguyên và Môi trường**	**554**	**18.760.455**	**22.663.636**
	- Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	52	1.760.909	2.127.273
	- Trung tâm Công nghệ thông tin	13	440.227	531.818
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất	11	372.500	450.000
	- Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh	459	15.543.409	18.777.273
	- Trung tâm Quan trắc MT và TN	19	643.409	777.273
9	**Sở Nội vụ**	**78**	**2.641.364**	**3.190.909**
	- Văn phòng Sở Nội vụ	37	1.252.955	1.513.636
	- Ban Tôn giáo	13	440.227	531.818
	- Ban Thi đua khen thưởng	13	440.227	531.818

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
	- Trung tâm Lưu trữ lịch sử	15	507.955	613.636
10	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**	**46**	**1.557.727**	1.881.818
11	**Sở Tài chính**	**63**	**2.133.409**	2.577.273
12	**Sở Tư pháp**	**55**	**846.591**	**2.250.000**
	- Văn phòng Sở Tư pháp	30		1.227.273
	- Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh Tiền Giang	11	372.500	450.000
	- Phòng công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang	14	474.091	572.727
13	**Sở Công thương**	**66**	**2.235.000**	**2.700.000**
	- Văn phòng Sở Công thương	41	1.388.409	1.677.273
	- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	25	846.591	1.022.727
14	**Sở Xây dựng**	**67**	**2.268.864**	**2.740.909**
	- Văn phòng Sở Xây dựng	31	1.049.773	1.268.182
	- Thanh tra xây dựng	12	406.364	490.909
	- Trung tâm Kiến trúc - Quy hoạch và Tư vấn Xây dựng Tiền Giang	24	812.727	981.818
15	**Sở Giao thông Vận tải**	**219**	**7.416.136**	**8.959.091**

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
	- Văn phòng Sở Giao thông Vận tải	30	1.015.909	1.227.273
	- Thanh tra Giao thông Vận tải	47	1.591.591	1.922.727
	- Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Tiền Giang	16	541.818	654.545
	- Đoạn Quản lý giao thông	88	2.980.000	3.600.000
	- Cảng vụ đường thủy nội địa	19	643.409	777.273
	- Ban An toàn giao thông tỉnh Tiền Giang	6	203.182	245.455
	- Bến xe Tiền Giang	13	440.227	531.818
16	**Sở Khoa học và Công Nghệ**	**102**	**3.454.091**	**4.172.727**
	- Văn phòng Sở Khoa học và Công Nghệ	25	846.591	1.022.727
	- Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	14	474.091	572.727
	- Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ	44	1.490.000	1.800.000
	- Trung tâm Kỹ thuật và công nghệ sinh học	19	643.409	777.273
17	**Sở Thông tin và Truyền thông**	**50**	**1.693.182**	**2.045.455**
	-Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông	31	1.049.773	1.268.182
	-Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	19	643.409	777.273

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
18	**Ban Quản lý các Khu công nghiệp**	**67**	**2.268.864**	**2.740.909**
	- Văn phòng Ban Quản lý các KCN	23	778.864	940.909
	- Công ty Phát triển hạ tầng các khu công nghiệp	44	1.490.000	1.800.000
19	**Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tiền Giang**	**12**	**406.364**	490.909
20	**Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang**	**104**	**3.521.818**	4.254.545
21	**Trường Chính trị**	**49**	**1.659.318**	2.004.545
22	**Trường Cao đẳng Tiền Giang**	**188**	**6.366.364**	7.690.909
23	**Trường Cao đẳng Y tế**	**90**	**3.047.727**	3.681.818
24	**Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ**	**68**	**2.302.727**	2.781.818
25	**Trường trung học phổ thông Chuyên Tiền Giang**	**85**	**2.878.409**	3.477.273
26	**Trường trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu**	**108**	**3.657.273**	4.418.182
27	**Trường THPT Trần Hưng Đạo**	**94**	**3.183.182**	3.845.455
28	**Đại học Tiền Giang**	**381**	**12.902.045**	15.586.364
29	**Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông**	**31**	**1.049.773**	1.268.182
30	**Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình NN và PTNT**	**25**	**846.591**	1.022.727

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
31	**Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình DD và CN TG**	**54**	**1.828.636**	2.209.091
II	**CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP**	**752**	**26.447.500**	**32.031.818**
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang	23	1.320.682	940.909
2	Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Tiền Giang	21	711.136	859.091
	- Văn phòng Hội Nông dân	16	541.818	654.545
	- Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân	2	67.727	81.818
	- Quỹ Hỗ trợ nông dân	3	101.591	122.727
3	Hội Cựu chiến binh	2	67.727	81.818
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Tiền Giang	20	677.273	818.182
5	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Tiền Giang	20	67.727	818.182
	- Văn phòng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Tiền Giang	18		736.364
	- Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên Tiền Giang	1	33.864	40.909
	- Nhà thiếu nhi tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
6	Hội Chữ thập đỏ	9	304.773	368.182
7	Liên minh hợp tác xã tỉnh Tiền Giang	11	372.500	450.000

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
8	Công đoàn Viên chức	2	67.727	81.818
9	Công đoàn ngành Nông nghiệp và PTNT	1	33.864	40.909
10	Quỹ Bảo trợ trẻ em	3	101.591	122.727
11	Công đoàn ngành Công Thương tỉnh Tiền Giang	2	67.727	81.818
12	Hội Khuyến học tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
13	Công đoàn các khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang	4	135.455	163.636
14	Liên đoàn Lao động tỉnh Tiền Giang	24	812.727	981.818
15	Tòa soạn báo Ấp Bắc	31	1.049.773	1.268.182
16	Nông trường 26-6	3	101.591	122.727
17	Công đoàn ngành y tế tỉnh Tiền Giang	2	67.727	81.818
18	Công đoàn ngành giáo dục tỉnh Tiền Giang	3	101.591	122.727
19	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tiền Giang	7	237.045	286.364
20	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Tiền Giang	5	169.318	204.545
21	Hội Luật gia tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
22	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Tiền Giang	2	67.727	81.818

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
23	Tỉnh hội Đông Y Tiền Giang	2	67.727	81.818
24	Chi cục Đăng kiểm số 18	26	880.455	1.063.636
25	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang	2	67.727	81.818
26	Hội Nạn nhân chất độc màu da cam tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
27	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
28	Câu lạc bộ hưu trí tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
29	Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Tiền Giang	2	67.727	81.818
30	Ban Liên lạc cựu tù kháng chiến tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
31	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	12	406.364	490.909
32	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
33	Trung tâm Mua sắm tập trung tỉnh Tiền Giang	17	575.682	695.455
34	Trung tâm Ứng dụng khoa học kỹ thuật và Dịch vụ Bảo hộ lao động	3	101.591	122.727
35	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang	11	372.500	450.000
36	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch giao thông thủy bộ	38	1.286.818	1.554.545
37	Trung tâm Đăng kiểm tàu cá (Chi cục Thủy sản)	10	338.636	409.091

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
38	Trung tâm Bảo vệ thực vật các tỉnh phía Nam	26	880.455	1.063.636
39	Viện cây ăn quả Miền Nam	87	2.946.136	3.559.091
40	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Tiền Giang	127	4.300.682	5.195.455
41	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Tiền Giang	26	880.455	1.063.636
42	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang	23	778.864	940.909
43	Cục Quản lý thị trường	70	2.370.455	2.863.636
44	Quỹ hỗ trợ Phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang	85	2.878.409	3.477.273
45	Văn Phòng quản lý đường bộ IV.3	14	474.091	572.727
III	**CƠ QUAN ĐẢNG CẤP TỈNH**	**167**	**5.655.227**	**6.831.818**
1	Đảng bộ Khối cơ quan và Doanh nghiệp	25	846.591	1.022.727
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	24	812.727	981.818
3	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	16	541.818	654.545
4	Ban Dân vận Tỉnh ủy	10	338.636	409.091
5	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	26	880.455	1.063.636
6	Ban Nội chính Tỉnh ủy	12	406.364	490.909

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
7	Văn phòng Tỉnh ủy	54	1.828.636	2.209.091
IV	**CƠ QUAN NGÀNH DỌC**	**1.762**	**59.667.727**	**72.081.818**
1	Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang	166	5.621.364	6.790.909
2	Ngân hàng Nhà nước tỉnh Tiền Giang	73	2.472.045	2.986.364
3	Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tiền Giang	151	5.113.409	6.177.273
4	CN Ngân Hàng TMCP Công Thương Tiền Giang	148	5.011.818	6.054.545
5	Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT tỉnh Tiền Giang	73	2.472.045	2.986.364
6	Cục Thuế tỉnh Tiền Giang	616	20.860.000	25.200.000
7	Bảo hiểm xã hội tỉnh Tiền Giang	220	7.450.000	9.000.000
8	Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang	71	2.404.318	2.904.545
9	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang	76	2.573.636	3.109.091
10	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang	34	1.151.364	1.390.909
11	Kiểm toán nhà nước khu vực IV	62	2.099.545	2.536.364
12	Thanh tra tỉnh	41	1.388.409	1.677.273
13	Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang	31	1.049.773	1.268.182

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
V	**LỰC LƯỢNG VŨ TRANG**		**131.237.159**	
1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		10.463.000	
2	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh		3.896.923	
3	Công an tỉnh		116.877.236	
	TỔNG CỘNG		**413.626.023**	

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 4.160.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1800155156-010	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 622 - CƠ SỞ XI MĂNG ĐỒNG TÂM	Khu Quân sự Đồng Tâm, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang		30	500.000	2.400.000	**2.900.000**		
2	4500243128-004	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC NAM TRUNG BỘ XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC KIM SƠN	Ấp Tây, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang		8	500.000	640.000	**1.140.000**		
3	0305140259-026	TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO TỰ TẠO VIỆC LÀM	ấp Bình Thới A, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang		495	500.000	39.600.000	**40.100.000**		
4	1200663398	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC THIÊN THẠCH	Lô BI-1 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	16.859.330.264	15	3.371.866	1.200.000	**4.571.866**		
5	1200665148	CÔNG TY TNHH TONG WEI VIỆT NAM	Lô BII 1, BII 2, BII 3, BII 4, BII 5, BII 6, BII 7 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	917.225.581.458	529	100.000.000	42.320.000	**142.320.000**		
6	1200699595	CÔNG TY TNHH LONG JI	Lô A IV-11 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	73.863.044.295	6	14.772.609	480.000	**15.252.609**		
7	1201050637	CÔNG TY TNHH NHỰA VIỆT HOA	Lô AIV-12 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	122.505.130.782	223	24.501.026	17.840.000	**42.341.026**		
8	1201067775	CÔNG TY TNHH QUẢNG VIỆT (TIỀN GIANG)	Lô KI-1,2 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	824.053.629.598	6.873	100.000.000	549.840.000	**649.840.000**		
9	1201067782	CÔNG TY TNHH COUNT VINA	Lô A II-9-10-11-12 Khu Công nghiệp, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	198.409.747.411	2.031	39.681.949	162.480.000	**202.161.949**		
10	1201073419	CÔNG TY TNHH DỤ ĐỨC VIỆT NAM	Lô BIV, CI-10, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	3.308.213.449.600	15.245	100.000.000	1.219.600.000	**1.319.600.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
11	1201075381	CÔNG TY TNHH FREEVIEW INDUSTRIAL (VIỆT NAM)	Lô AII-1-8, AIII-6, AIV-1-9, AV-5,6, Khu công nghiệp Tân Hươ, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	2.005.260.382.655	23.712	100.000.000	1.896.960.000	**1.996.960.000**		
12	1201079273	CTy TNHH Túi Xách SIMONE Việt Nam TG	Lô AI, AI-1, AVI, AVII, KII-1 KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	1.098.385.056.969	10.043	100.000.000	803.440.000	**903.440.000**		
13	1201085742	CÔNG TY TNHH HANSAE TG	Lô BIII, BIII-25, BIII-26 (Viết tắt là Lô BIII), Khu công ng, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	902.325.967.249	6.118	100.000.000	489.440.000	**589.440.000**		
14	1201123959	CÔNG TY TNHH BAO BÌ CÔNG NGHỆ BELLA VIỆT NAM	Lô BI-2, Khu công nghiệp Tân Hương, Xã Tân Hương, Huyện Châ, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	178.754.502.269	102	35.750.900	8.160.000	**43.910.900**		
15	1201160100	CÔNG TY TNHH MTV KAP VINA	Lô BI-5-6-7-8, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	113.031.217.295	591	22.606.243	47.280.000	**69.886.243**		
16	1201162080	CÔNG TY TNHH MASTER C&D (VIỆT NAM)	Lô BI-3, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	57.333.385.448	200	11.466.677	16.000.000	**27.466.677**		
17	1201183796	CÔNG TY TNHH MAY MẶC KING HAMM INDUSTRIAL	Lô AI, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	186.294.895.963	1.512	37.258.979	120.960.000	**158.218.979**		
18	1201323443	CÔNG TY TNHH BAO BÌ QUỐC TẾ THUẬN PHONG	Lô AIV-14 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	139.850.189.243	222	27.970.038	17.760.000	**45.730.038**		
19	1201344700	CÔNG TY TNHH TOYONAGA (MEKONG)	Lô A VIII, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	44.959.882.551	134	8.991.977	10.720.000	**19.711.977**		
20	1201418945	CÔNG TY TNHH EMIVEST FEEDMILL (TG) VIỆT NAM	Lô AV-1,2,3,4,7 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	2.601.217.655.694	659	100.000.000	52.720.000	**152.720.000**		
21	1201449742	CÔNG TY TNHH GREEN TG	Lô AIII-11 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	149.135.243.456	1127	29.827.049	90.160.000	**119.987.049**		
22	1201485042	CÔNG TY TNHH YMUV	Lô AIII-1,5 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	611.075.903.208	5.649	100.000.000	451.920.000	**551.920.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
23	1201536843	CÔNG TY TNHH IL SUNG TG	Lô BIII-25, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	15.607.152.163	148	3.121.430	11.840.000	**14.961.430**		
24	1200650663	CÔNG TY CỔ PHẦN TEX- GIANG	Lô BII-8, đường D3, Khu Công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	830.044.367.100	3934	100.000.000	314.720.000	**414.720.000**		
25	1200686966	CÔNG TY TNHH TTG	Lô BI-4, khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	77.477.386.592	75	15.495.477	6.000.000	**21.495.477**		
26	1201626889	CTY CP ĐIỆN MẶT TRỜI TG	Lô BII-8, Đường D3, Khu công nghiệp Tân Hương, huyện Châu Thành	44.812.938.392	2	8.962.588	160.000	**9.122.588**		
27	0307216418-001	CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT SƠN ÂU VIỆT-TIỀN GIANG	Lô CII-4 KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	15.931.970.176	17	3.186.394	1.360.000	**4.546.394**		
28	1201659901	CÔNG TY TNHH SX TM&DV HƯNG LONG	ô BI-2 Khu công nghiệp Tân Hương, huyện Châu Thành, Tiền Giang	4.210.487.158	2	842.097	160.000	**1.002.097**		
29	1201496848	CÔNG TY TNHH Ô TÔ QUỐC THẮNG	ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	14.975.607.616	44	2.995.122	3.520.000	**6.515.122**		
30	1200100123	CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ TIỀN GIANG	Km 1977 Quốc lộ 1, Xã Long Định, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	260.705.669.158	423	52.141.134	33.840.000	**85.981.134**		
31	1200508593	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH TRUNG	Ấp Đông, Xã Long Định, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	19.903.724.900	8	3.980.745	640.000	**4.620.745**		
32	1200253271	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẮNG LỢI PHÚ CHÂU	Ấp 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	16.850.921.942	3	3.370.184	240.000	**3.610.184**		
33	1201604268	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI 63-03D	Ấp Đông B, Xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	6.699.237.443	0	1.339.847	0	**1.339.847**		
34	1201538551	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ VẬN TẢI THUẬN THÀNH PHONG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	93.047.601.260	44	18.609.520	3.520.000	**22.129.520**		
35	1201600658	CÔNG TY TNHH Ô TÔ XE MÁY TIỀN GIANG	Ấp 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	105.549.373.054	127	21.109.875	10.160.000	**31.269.875**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
36	0313632374	CÔNG TY TNHH BẮC KIM THANG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	23.328.739.908	0	4.665.748	0	**4.665.748**		
37	1200252302	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CỬU LONG	Ấp Hưng, Xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	7.899.690.104	33	1.579.938	2.640.000	**4.219.938**		
38	1201649741	CÔNG TY CỔ PHẦN XNK PHÂN THUỐC VÀ NÔNG SẢN SẠCH TAM NÔNG PHÁT	Ấp Thuận, Xã Dưỡng Điềm, Huyện Châu Thành, TG	94.957.595.564	0	18.991.519	0	**18.991.519**		
39	0310529019-008	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG PHƯƠNG TẠI TIỀN GIANG - CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 5	Quốc lộ 1, Ấp Đông, Xã Long Định, Huyện Châu Thành	28.284.495	0	500.000	0	**500.000**		
40	1201662703	CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ MEKONG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành	215.241.019.446	1	43.048.204	80.000	**43.128.204**		
41	1201665535	CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN TAM HIỆP LAND	Số 166 Tổ 4, Ấp Long Bình B, Xã Long Hưng, Huyện Châu Thành	29.997.000.000	0	5.999.400	0	**5.999.400**		
42	1201401116	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRẦN MINH CẦM	Ấp Hưng, Xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	10.686.321.865	5	2.137.264	400.000	**2.537.264**		
43	1200253539	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TMDV XĂNG DẦU CHÂU THÀNH	Ấp Hòa, xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	994.142.542.542	319	100.000.000	25.520.000	**125.520.000**		
44	1200437039	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG PHƯƠNG	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	97.770.269.795	19	19.554.054	1.520.000	**21.074.054**		
45	1200798606	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM PHƯỚC THÀNH	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	18.705.078.238	7	3.741.016	560.000	**4.301.016**		
46	1201070665	CÔNG TY TNHH HỮU TIỀN	Ấp Bắc B, xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	4.052.936.676	4	810.587	320.000	**1.130.587**		
47	1201670729	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TÂN THUẬN THÀNH PHONG	Ấp 1, xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	26.919.770.360	7	5.383.954	560.000	**5.943.954**		
48	1201675702	CÔNG TY TNHH SX TM DV XUẤT NHẬP KHẨU DỪA VIỆT	Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh tiền Giang	25.000.000.000	0	5.000.000	0	**5.000.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
49	1200527564	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THUẬN TIỀN	Số 207 ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	173.005.978.240	52	34.601.196	4.160.000	**38.761.196**		
50	1200541784	CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU HỒNG ĐỨC	Số 206 đường Tỉnh 864, ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	2.002.368.369.160	138	100.000.000	11.040.000	**111.040.000**		
51	1200667963	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU VẠN ĐỨC TIỀN GIANG	Ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	2.497.684.418.410	3942	100.000.000	315.360.000	**415.360.000**		
52	1200459057	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÔNG TIỀN	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	65.075.104.340	38	13.015.021	3.040.000	**16.055.021**		
53	1200648505	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY NƯỚC ĐÔNG TÂM	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	587.450.282.940	38	100.000.000	3.040.000	**103.040.000**		
54	1200571203	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THỰC PHẨM Á CHÂU	Ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	170.019.920.250	853	34.003.984	68.240.000	**102.243.984**		
55	1200657958	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỮU BIÊN	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	254.311.616.540	134	50.862.323	10.720.000	**61.582.323**		
56	1200670740	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN NGỌC XUÂN	Ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	104.827.821.890	148	20.965.564	11.840.000	**32.805.564**		
57	1201079435	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỦY SẢN ĐẠI ĐẠI THÀNH	Ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	239.248.213.530	571	47.849.643	45.680.000	**93.529.643**		
58	1200631935	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI THÀNH	Ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	1.910.152.533.180	1215	100.000.000	97.200.000	**197.200.000**		
59	1200469792	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN DŨNG	Ấp Hội, Xã Kim Sơn, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	62.003.419.430	106	12.400.684	8.480.000	**20.880.684**		
60	1200536671	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ	Ấp Hội, Xã Kim Sơn, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	332.394.968.370	185	66.478.994	14.800.000	**81.278.994**		
61	1200739216	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHƯỚC ĐẠT	ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	172.146.307.160	19	34.429.261	1.520.000	**35.949.261**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
62	1200731545	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI HƯNG	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	165.331.068.710	13	33.066.214	1.040.000	**34.106.214**		
63	1200530447	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUỐC VƯƠNG	Ấp Tân Thuận B, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	56.588.336.210	2	11.317.667	160.000	**11.477.667**		
64	1200513096	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XNK NÔNG THỦY HẢI SẢN NGUYÊN TRÂN	Số 407/2 ấp Tân Thuận A, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	57.591.905.350	1	11.518.381	80.000	**11.598.381**		
65	1200649033	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VĨNH THUẬN	Số 205 ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	49.725.296.240	67	9.945.059	5.360.000	**15.305.059**		
66	1201465991	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT DẦU KHÍ VIỆT	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	17.415.578.893	0	3.483.116	0	**3.483.116**		
67	1200671085	CÔNG TY TNHH GẠCH NGỌC QUI	Số 179A ấp Tân Thuận B, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	41.157.362.750	15	8.231.473	1.200.000	**9.431.473**		
68	1200105072	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHƯƠNG HỮU	ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	71.504.247.980	37	14.300.850	2.960.000	**17.260.850**		
69	1200252341	CTY TNHH 1 THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC NAM THÀNH	ấp Tân Thuận - Bình Đức, , Huyện Châu Thành, Tiền Giang	13.992.413.625	0	2.798.483	0	**2.798.483**		
70	1200510955	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THIÊN PHÚ PHÁT	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	27.397.885.040	4	5.479.577	320.000	**5.799.577**		
71	1201483775	CÔNG TY TNHH SX TM DV CÁT TIẾN DUNG	Ấp Tây, Xã Kim Sơn, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	12.924.163.790	35	2.584.833	2.800.000	**5.384.833**		
72	1200653343	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIÊN PHÁT	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	214.215.679.210	56	42.843.136	4.480.000	**47.323.136**		
73	1200658486	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI TÂN BÌNH AN	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	83.514.604.900	21	16.702.921	1.680.000	**18.382.921**		
74	1200665412	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỦY SẢN THIÊN HÀ	Lô B21 Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	49.000.000.000	0	9.800.000	0	**9.800.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
75	1200551486	CÔNG TY TNHH NGUYỄN QUANG	ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	23.059.775.940	14	4.611.955	1.120.000	**5.731.955**		
76	1200602388	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU KIM SƠN	ấp Hội, Xã Kim Sơn, , Huyện Châu Thành, Tiền Giang	13.630.430.460	0	2.726.086	0	**2.726.086**		
77	1201285251	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LƯƠNG THỰC TRƯỜNG PHÁT	Ấp Phú Hòa, Xã Phú Phong, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	25.850.921.232	15	5.170.184	1.200.000	**6.370.184**		
78	0313147025	CÔNG TY TNHH FANTA 4	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	20.000.000.000	0	4.000.000	0	**4.000.000**		
79	1201660914	CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỐ DNP-SÔNG TIỀN	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	22.000.025.000	0	4.400.005	0	**4.400.005**		
80	0312824612	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẮNG THẮNG PHÁT	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	139.457.445.730	43	27.891.489	3.440.000	**31.331.489**		
81	1201666867	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRÁI CÂY VẠN XUÂN PHÁT GROUP	Ấp Tây, Xã Kim Sơn, Huyện Châu Thành	2.856.372.810	0	571.275	0	**571.275**		
82	1201582582	CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁT TƯỜNG TIỀN GIANG	Ấp Tây, Xã Kim Sơn, Huyện Châu Thành	77.484.255.020	181	15.496.851	14.480.000	**29.976.851**		
83	1201496848	CÔNG TY TNHH Ô TÔ QUỐC THẮNG	ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	18.459.273.006	33	3.691.855	2.640.000	**6.331.855**		
84	1200100123	CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ TIỀN GIANG	Km 1977 Quốc lộ 1, Xã Long Định, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	238.958.218.492	483	47.791.644	38.640.000	**86.431.644**		
85	1200508593	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH TRUNG	Ấp Đông, Xã Long Định, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	19.967.571.141	35	3.993.514	2.800.000	**6.793.514**		
86	1201029466	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÒA PHÁT	Ấp Tây 1, Xã Long Định, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	4.456.008.775	3	891.202	240.000	**1.131.202**		
87	1200253271	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẮNG LỢI PHÚ CHÂU	Ấp 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	16.674.564.316	3	3.334.913	240.000	**3.574.913**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
88	1201240469	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ ANH TG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	9.000.000.000	0	1.800.000	0	**1.800.000**		
89	1201604268	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI 63-03D	Ấp Đông B, Xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	6.699.237.443	11	1.339.847	880.000	**2.219.847**		
90	1201538551	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ VẬN TẢI THUẬN THÀNH PHONG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	56.346.968.939	53	11.269.394	4.240.000	**15.509.394**		
91	1201600658	CÔNG TY TNHH Ô TÔ XE MÁY TIỀN GIANG	Ấp 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	94.143.010.000	101	18.828.602	8.080.000	**26.908.602**		
92	0313632374	CÔNG TY TNHH BẮC KIM THANG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	51.442.819.930	5	10.288.564	400.000	**10.688.564**		
93	1200252302	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CỬU LONG	Ấp Hưng, Xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	7.491.988.486	33	1.498.398	2.640.000	**4.138.398**		
94	1201649741	CÔNG TY CỔ PHẦN XNK PHÂN THUỐC VÀ NÔNG SẢN SẠCH TAM NÔNG PHÁT	Ấp Thuận, Xã Dưỡng Điềm, Huyện Châu Thành, TG	94.957.435.136	0	18.991.487	0	**18.991.487**		
95	1300403932-008	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HUỲNH THÀNH - CHÂU THÀNH TIỀN GIANG	Thửa đất 385, 2414, 2415 Ấp Đông B, Xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành, Tiền Giang			500.000	0	**500.000**		
96	0310529019-008	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG PHƯƠNG TẠI TIỀN GIANG - CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 5	Quốc lộ 1, Ấp Đông, Xã Long Định, Huyện Châu Thành	303.021.729	3	500.000	240.000	**740.000**		
97	1201662703	CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ MEKONG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành	108.364.615.982	1	21.672.923	80.000	**21.752.923**		
98	1201665535	CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN TAM HIỆP LAND	Số 166 Tổ 4, Ấp Long Bình B, Xã Long Hưng, Huyện Châu Thành	30.000.000.000	0	6.000.000	0	**6.000.000**		
99	1201668705	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP CHÂU THÀNH	Số 155 Quốc lộ 1A, Xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành			500.000	0	**500.000**		
100	1201401116	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRẦN MINH CẦM	Ấp Hưng, Xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	9.725.965.410	5	1.945.193	400.000	**2.345.193**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
101	1200253539	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TMDV XĂNG DẦU CHÂU THÀNH	Ấp Hòa, xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	880.115.542.915	299	100.000.000	23.920.000	**123.920.000**		
102	1200437039	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG PHƯƠNG	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	55.448.856.413	0	11.089.771	0	**11.089.771**		
103	1200798606	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM PHƯỚC THÀNH	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	19.373.476.808	9	3.874.695	720.000	**4.594.695**		
104	1201070665	CÔNG TY TNHH HỮU TIẾN	Ấp Bắc B, xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	19.825.190.651	12	3.965.038	960.000	**4.925.038**		
105	1201589203	CÔNG TY CỔ PHẦN GREEN HOÀNG NGUYÊN	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	18.997.000.000		3.799.400	0	**3.799.400**		
106	1201670729	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TÂN THUẬN THÀNH PHONG	Ấp 1, xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang			500.000	0	**500.000**		
107	1200357400	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH HUY	Ấp Long Tường, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	162.285.590	7	500.000	560.000	**1.060.000**		
108	1200359782	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUẬN PHÚ	Số 52, Ấp Tân Phú, Xã Tân Lý Tây, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	973.752.891	55	500.000	4.400.000	**4.900.000**		
109	1200365722	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ HỮU LỢI	Ấp Long Thạnh, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	22.592.943	1	500.000	80.000	**580.000**		
110	1200390398	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG PHÚC THỊNH	Số 54 ấp Tân Phú, Xã Tân Lý Tây, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	3.185.192	3	500.000	240.000	**740.000**		
111	1200551119	CÔNG TY TNHH ĐẠT THÀNH	ấp Tân Phú, Xã Tân Lý Tây, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	27.699.033	32	500.000	2.560.000	**3.060.000**		
112	1200578424	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOAN VINH	Số 108 Quốc lộ 1A, Ấp Tân Phú, Xã Tân Lý Tây, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	36.034.219	906	500.000	72.480.000	**72.980.000**		
113	1200645568	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LAM BÌNH	Số 336/3 Ấp Long Tường, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	34.691.075	5	500.000	400.000	**900.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
114	1200720173	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NÔNG TIẾN	Ấp Tân Thạnh, Xã Tân Hương, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	17.816.183	20	500.000	1.600.000	**2.100.000**		
115	1200730277	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MINH TƯỜNG PHÁT	Số 909/5 Ấp Cửu Hòa, Xã Thân Cửu Nghĩa, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	118.834.804	53	500.000	4.240.000	**4.740.000**		
116	1201522745	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TOYOTA TIỀN GIANG	Ấp Long Tường, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	490.988.495	187	500.000	14.960.000	**15.460.000**		
117	1201615598	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN Ô TÔ DŨNG PHONG TIỀN GIANG	539/3 Quốc lộ 1, Ấp Long Tường, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	112.963.262	96	500.000	7.680.000	**8.180.000**		
118	1201662950	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH HẠNH PHÚC	Xã Tân Hương, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	4.980.741	1	500.000	80.000	**580.000**		
119	1200252334	CÔNG TY TNHH TÂN THANH	Số 814/3 Ấp Tân Thạnh, Xã Tân Hương, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	24.351.495	18	500.000	1.440.000	**1.940.000**		
120	1200253352	CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU LƯƠNG PHÚ	Ấp Ngãi Thuận, Xã Thân Cửu Nghĩa, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	3.527.260	4	500.000	320.000	**820.000**		
121	1200427873	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MƯỜI ĐẠT	Số 28/2 ấp Ga, Thị trấn Tân Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	18.957.745	2	500.000	160.000	**660.000**		
122	1200510641	CÔNG TY TNHH TÂN PHÚ HÒA	Ấp Tân Phú, Xã Tân Lý Tây, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	33.631.423	14	500.000	1.120.000	**1.620.000**		
123	1200525052	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG KIẾN HÒA	Số 333/3 Ấp Long Tường, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	28.630.308	28	500.000	2.240.000	**2.740.000**		
124	1200748933	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠM DỪNG DU LỊCH XANH	ấp Long Thạnh, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	93.675.738	96	500.000	7.680.000	**8.180.000**		
125	1201027892	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ AN PHÚ GIANG	số 229 Tổ 7 ấp Tân Quới, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tinhTiền Giang	59.985.060	0	500.000	0	**500.000**		
126	1200253401	DNTN ĐÌNH VÂN	529/5 ấp Cửu hoà xã TC Nghĩa, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	45.580.289	15	500.000	1.200.000	**1.700.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
127	1200645889	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG THIÊN THUẬN	Ấp Long Thới, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	310.576.187	11	500.000	880.000	**1.380.000**		
128	0100686174-258	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN CHÂU THÀNH TIỀN GIANG	Ấp Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang		214	500.000	17.120.000	**17.620.000**		
TỔNG						**2.744.878.076**	**7.323.680.000**	**10.068.558.076**		

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MỸ THO

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 4.160.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1200100370	CÔNG TY XĂNG DẦU TIỀN GIANG	Số 488 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, TP Mỹ Tho ,tỉnh Tiền Giang	230.383.641.161	334	46.076.728	26.720.000	**72.796.728**		
2	1200100363	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH CÔNG ĐOÀN TIỀN GIANG	Số 61 đường 30/4, phường 1 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	3.712.333.543	6	742.467	480.000	**1.222.467**		
3	1200357376	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ MỸ THO	Số 12 Huỳnh Tịnh Của, phường 7, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	54.061.097.834	443	10.812.220	35.440.000	**46.252.220**		
4	1200100596	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN GIANG	Số 65/4 Trần Hưng Đạo, Phường 6, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	325.838.908.605	297	65.167.782	23.760.000	**88.927.782**		
5	1200100814	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG	Số 4A đường 30/4, phường 1, TP Mỹ Tho	803.018.624.671	515	100.000.000	41.200.000	**141.200.000**		
6	1200100701	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI TIỀN GIANG	Số 157 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	24.023.787.278	4	4.804.757	320.000	**5.124.757**		
7	1200568151	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG	Khu phố Trung Lương, phường 10, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	18.612.462.127	73	3.722.492	5.840.000	**9.562.492**		
8	1200655742	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH MÊKÔNG-MỸ THO	Số 01A, Tết Mậu Thân, phường 4 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	268.547.968.110	84	53.709.594	6.720.000	**60.429.594**		
9	1100176136-011	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 100 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		51	500.000	4.080.000	**4.580.000**		
10	0105926285-007	TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM TẠI TỈNH TIỀN GIANG	Số 2A, đường Rạch Gầm, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		19	500.000	1.520.000	**2.020.000**		
11	0310891532-010	MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ LỮ HÀNH SAIGONTOURIST TẠI TIỀN GIANG	Số 12B9 Nguyễn Trãi, phường 7, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		17	500.000	1.360.000	**1.860.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
12	0305140259-025	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO TỰ TẠO VIỆC	Số 09 Đường Rạch Gầm, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		828	500.000	66.240.000	**66.740.000**		
13	1200100571	CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM- TIỀN GIANG	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	2.168.351.499.385	159	100.000.000	12.720.000	**112.720.000**		
14	1200416046	CÔNG TY TNHH BADA VINA	Lô 52 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	30.795.289.723	39	6.159.058	3.120.000	**9.279.058**		
15	1200498659	CÔNG TY TNHH NAM OF LONDON	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	49.035.687.628	279	9.807.138	22.320.000	**32.127.138**		
16	1200537749	CÔNG TY TNHH ROYAL FOODS VIỆT NAM	Lô 19-20 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	717.155.135.638	1.240	100.000.000	99.200.000	**199.200.000**		
17	1200735204	CÔNG TY TNHH T.C. UNION VIỆT NAM	Lô 10-11, Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	125.630.445.412	104	25.126.089	8.320.000	**33.446.089**		
18	1201518548	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT	Lô 47-49-51 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	534.464.828.033	653	100.000.000	52.240.000	**152.240.000**		
19	1200637359	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRINITY VIỆT NAM	Cụm Công Nghiệp & Tiểu Thủ Công Nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	233.263.391.157	250	46.652.678	20.000.000	**66.652.678**		
20	1200682263	CÔNG TY TNHH ROYAL CAN INDUSTRIES (VIỆT NAM)	Lô 26-28, 35-37 Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Tân M, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	266.817.335.185	34	53.363.467	2.720.000	**56.083.467**		
21	1200750629	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LI CHUAN FOOD PRODUCTS (VIỆT NAM)	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	152.403.744.456	147	30.480.749	11.760.000	**42.240.749**		
22	1200992804	CTY TNHH GREAT LEAD Việt Nam	140 Lê Văn Phẩm, phường 5, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	5.973.812.629	0	1.194.763	0	**1.194.763**		
23	1201167089	CÔNG TY TNHH DENC WOOD	Khu phố 3, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	14.435.006.514	3	2.887.001	240.000	**3.127.001**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
24	1200101247	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAY XNK MỸ THO	Số 101 Quốc lộ 1, Phường 10, Tp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	6.184.799.099	338	1.236.960	27.040.000	**28.276.960**		
25	1201443356	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHOI & SHIN'S VINA	Số 236C Nguyễn Trung Trực, Ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	81.967.017.217	1.727	16.393.403	138.160.000	**154.553.403**		
26	1201496238	CÔNG TY TNHH GIẢI TRÍ CỒN THỚI SƠN	Tổ 1, Ấp Thới Thạnh, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	9.650.103.938	0	1.930.021	0	**1.930.021**		
27	1201547669	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN GENUWIN THỚI SƠN	Ấp Thới Thuận, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	4.600.761.285	0	920.152	0	**920.152**		
28	1201577430	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP QUẢN LÝ TÀI CHÍNH MALMBERG	Số 7G Rạch Gầm, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	200.000.000	0	500.000	0	**500.000**		
29	0312120895-001	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EB TÂN PHÚ TẠI MỸ THO	545 đường Lê Văn Phẩm, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	122.906.490.072	280	24.581.298	22.400.000	**46.981.298**		
30	1201655777	CÔNG TY HASKONINGDHV NEDERLAND B.V	Số nhà 16, Phạm Thanh, P5, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	3.733.800.042	3	746.760	240.000	**986.760**		
31	1200100162	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MỸ THO	Đường tỉnh 864, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	263.855.110.373	105	52.771.022	8.400.000	**61.171.022**		
32	1200478099	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÔNG KIM LONG	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Ấp Bình Tạo A, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	51.627.502.974	36	10.325.501	2.880.000	**13.205.501**		
33	1200481101	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT CHẾ BIẾN NÔNG THỦY SẢN XUẤT KHẨU THUẬN PHONG	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	567.551.130.442	2618	100.000.000	209.440.000	**309.440.000**		
34	1200482095	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI BAO BÌ THÀNH THÀNH CÔNG	Lô 99 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	494.984.052.458	241	98.996.810	19.280.000	**118.276.810**		
35	1200507529	CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG	Lô 44 - Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	5.256.639.707.833	266	100.000.000	21.280.000	**121.280.000**		
36	1200543012	Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Vinh Quang	Lô số 37 và 40 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	438.249.706.799	249	87.649.941	19.920.000	**107.569.941**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
37	1200575021	CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG	Lô 45, Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	2.663.311.839.555	708	100.000.000	56.640.000	**156.640.000**		
38	1200610981	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN PHÁT	Lô 25 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	151.107.754.271	696	30.221.551	55.680.000	**85.901.551**		
39	1200616415	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Châu Á	Lô 38-39 Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.245.248.185.776	290	100.000.000	23.200.000	**123.200.000**		
40	1200656249	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÊ TÔNG TICCO	Lô số 1,2,3,4,5,6 Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	338.189.471.961	335	67.637.894	26.800.000	**94.437.894**		
41	1200670331	CÔNG TY CỔ PHẦN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HÙNG VƯƠNG - MIỀN TÂY	Lô 46 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.337.766.546.689	6	100.000.000	480.000	**100.480.000**		
42	1200673607	CÔNG TY CỔ PHẦN TESTCO	Lô 1,2,3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	2.044.368.829	6	500.000	480.000	**980.000**		
43	1200745996	CÔNG TY CỔ PHẦN CHÂU ÂU	Lô 69, Khu công nghiệp Mỹ Tho, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	598.577.765.156	519	100.000.000	41.520.000	**141.520.000**		
44	1201283261	CTY TNHH HÙNG VƯƠNG MASCATO	Lô 41-42 Khu Công Nghiệp, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	116.457.064.603	118	23.291.413	9.440.000	**32.731.413**		
45	1201421105	CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN THỦY SẢN HÙNG VƯƠNG VĨNH LONG	Lô 69, Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	385.474.604.639	1	77.094.921	80.000	**77.174.921**		
46	1200348300	DNTN HUỲNH CHÍ THÀNH	Cụm Công Nghiệp, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	550.624.909	02	500.000	160.000	**660.000**		
47	1200481990	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG TIỀN	Ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	102.451.474.213	595	20.490.295	47.600.000	**68.090.295**		
48	1200520174	CÔNG TY TNHH GIẶT TẨY NHÀ BÈ	ấp Bình Tạo Xã Trung An, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	23.943.098.885	48	4.788.620	3.840.000	**8.628.620**		
49	1200521604	CTY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG	45 TL 864 , CCN Trung An, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	191.459.920.662	48	38.291.984	3.840.000	**42.131.984**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
50	1200527081	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA MÊ KÔNG	Lô B Cụm Công nghiệp Trung An, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	458.325.871.260	1443	91.665.174	115.440.000	**207.105.174**		
51	1200580688	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGÔ DUY	Cụm Công Nghiệp Trung An, , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.177.879.668	04	500.000	320.000	**820.000**		
52	1200620940	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG SƠN	Lô D Cụm công nghiệp Trung An, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	11.343.367.650	10	2.268.674	800.000	**3.068.674**		
53	1200672145	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ TRUNG AN	Tỉnh lộ 864, Cụm công nghiệp Trung An, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	971.446.667	03	500.000	240.000	**740.000**		
54	1200512952	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG DUHAL	Lô 30-31, Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	488.008.623.824	529	97.601.725	42.320.000	**139.921.725**		
55	1200100557	CTY CP DƯỢC PHẨM TIPHARCO TG	Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp &Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, TP Mỹ Tho	262.820.372.996	326	52.564.075	26.080.000	**78.644.075**		
56	1200601031	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MT	Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	96.696.491.210	100	19.339.298	8.000.000	**27.339.298**		
57	1200889557	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỦY SẢN MINH QUÝ	Lô 1A Cụm Công Nghiệp phường 9, Tân Mỹ Chánh, , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	137.449.459.971	01	27.489.892	80.000	**27.569.892**		
58	1201525707	CÔNG TY CỔ PHẦN NAM HÙNG VƯƠNG	Lô 20 Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	40.016.522.797	13	8.003.305	1.040.000	**9.043.305**		
59	1201622450	CÔNG TY TNHH TM SX NỆM & MAY MẶC MEKONG	Lô 121, Cụm Công Nghiệp và Tiểu Thủ Công Nghiệp Tân Mỹ Chánh, P9, TP MỸ Tho, TG	34.784.171.304	101	6.956.834	8.080.000	**15.036.834**		
60	1201632554	CÔNG TY TNHH THIÊN PHÚ MEKONG	Lô 121, Cụm Công Nghiệp và Tiểu Thủ Công Nghiệp Tân Mỹ Chánh, P9, TP MỸ Tho, TG	14.467.204.628	15	2.893.441	1.200.000	**4.093.441**		
61	1201648240	CÔNG TY TNHH AN PHÚ MEKONG	Lô 3, Cụm Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, TP Mỹ Tho, Tiền Giang	8.175.498.302	13	1.635.100	1.040.000	**2.675.100**		
62	1200526842	CTY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG	Số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, TP Mỹ Tho, Tiền Giang	1.848.583.150.036	78	100.000.000	6.240.000	**106.240.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
63	1201640114	CTY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN TICCO	Số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	22.715.842.378	0	4.543.168	0	**4.543.168**		
64	1200683404	CTY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TICCO	Số 90 đường Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	70.270.880.448	126	14.054.176	10.080.000	**24.134.176**		
65	0304479585	CÔNG TY CỔ PHẦN LONG PHƯƠNG ĐÔNG	50 Yersin, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	50.913.453.619	28	10.182.691	2.240.000	**12.422.691**		
66	0314932395	CÔNG TY TNHH LUCK & LUCK VINA	Số 30 Thủ Khoa Huân, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	10.000.000.000		2.000.000	0	**2.000.000**		
67	1200100067	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TIỀN TIẾN	Số 234, Khu phố 6, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	731.769.032.844	2558	100.000.000	204.640.000	**304.640.000**		
68	1200100081	CÔNG TY CỔ PHẦN IN TIỀN GIANG	Số 10 Học Lạc, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	37.886.214.005	112	7.577.243	8.960.000	**16.537.243**		
69	1200100236	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TIỀN GIANG	Số 5 Thủ Khoa Huân, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	1.255.478.832.737	158	100.000.000	12.640.000	**112.640.000**		
70	1200100282	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ TIỀN GIANG	Số 436 đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho	92.663.993.679	51	18.532.799	4.080.000	**22.612.799**		
71	1200100388	CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TIỀN GIANG	Số 9 đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	10.993.930.891	26	2.198.786	2.080.000	**4.278.786**		
72	1200100451	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TIỀN GIANG	Số 63 đường Trưng Trắc, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	167.469.485.174	130	33.493.897	10.400.000	**43.893.897**		
73	1200100451-017	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TIỀN GIANG - ẨM THỰC DÊ TƯƠI NINH BÌNH	Số 3 Lãnh Binh Cẩn, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	1.936.759.117	2	500.000	160.000	**660.000**		
74	1200100451-018	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TIỀN GIANG - NHÀ HÀNG SÔNG TIỀN	Số 01, Đường Lãnh Binh Cẩn, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	2.038.407.665	2	500.000	160.000	**660.000**		
75	1200100525	CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TIỀN GIANG	Số 04 Lê Văn Duyệt, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	41.634.715.180	39	8.326.943	3.120.000	**11.446.943**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
76	1200100645	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TIỀN GIANG	Số 762 đường Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	37.984.350.541	46	7.596.870	3.680.000	**11.276.870**		
77	1200100726	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG HỮU QUẾ	Số 83, Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	36.749.699.268	202	7.349.940	16.160.000	**23.509.940**		
78	1200100733	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HIỆP HOÀ	Số 869A Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	181.041.447.179	168	36.208.289	13.440.000	**49.648.289**		
79	1200100765	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ TIỀN GIANG	Số 59-61 Nguyễn Trãi, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	27.552.671.240	2	5.510.534	160.000	**5.670.534**		
80	1200100807	CÔNG TY TNHH TIẾN PHÁT	Số 71 Phan Thanh Giản, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	42.469.889.351	12	8.493.978	960.000	**9.453.978**		
81	1200100839	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TIỀN GIANG	Số 187 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	7.746.974.145	30	1.549.395	2.400.000	**3.949.395**		
82	1200100892	XÍ NGHIỆP TƯ DOANH XÂY DỰNG HỮU DƯ	Số 26 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	85.787.999.379	304	17.157.600	24.320.000	**41.477.600**		
83	1200101134	HTX CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH MINH	QL 50, ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	55.907.960.893	27	11.181.592	2.160.000	**13.341.592**		
84	1200102191	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGỌC SANG	Số 22 Lê Văn Duyệt, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	7.625.246.727	2	1.525.049	160.000	**1.685.049**		
85	1200102515	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HỮU NGHĨA	Số 123AB Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	8.861.869.332		1.772.374	0	**1.772.374**		
86	1200102635	CÔNG TY TNHH XE MÁY THÀNH ĐẠT	Số 20 Ngô Quyền, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	3.296.000.000		659.200	0	**659.200**		
87	1200103773	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT	Số 137 Quốc lộ 1A, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	52.249.293.311	130	10.449.859	10.400.000	**20.849.859**		
88	1200104086	CÔNG TY TNHH MTV MỸ LỢI	Số 19 Quốc lộ 50, Khu phố 2, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	26.751.824.371	54	5.350.365	4.320.000	**9.670.365**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
89	1200104343	HTX RẠCH GẦM	số 2 Nam Kỳ Khởii Nghĩa , p1, , Thành phố Mỹ Tho	64.289.662.381	13	12.857.932	1.040.000	**13.897.932**		
90	1200104512	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LONG CHÂU	Số 112 đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho	23.506.466.562	11	4.701.293	880.000	**5.581.293**		
91	1200104576	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THANH LONG	Số 161 Khu phố Tân Hòa, Phường Tân Long, Thành phố Mỹ Tho	846.884.680	5	500.000	400.000	**900.000**		
92	1200104590	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MỸ LOAN	Số 273D Nguyễn Trung Trực, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	21.031.162.824	33	4.206.233	2.640.000	**6.846.233**		
93	1200104865	CÔNG TY TNHH MTV ĐỒNG XANH TIỀN GIANG	Số 142/2 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	1.183.245.238	2	500.000	160.000	**660.000**		
94	1200105202	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BÁCH TÙNG VIÊN.	Số 171B Đường Xóm Dầu, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	1.970.160.273	2	500.000	160.000	**660.000**		
95	1200105273	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU NGUYÊN TRÃI	Số 132 Nguyễn Văn Giác, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	27.815.513.802	8	5.563.103	640.000	**6.203.103**		
96	1200105354	CÔNG TY TNHH TRƯƠNG MINH HỒNG	Số 252D Nguyễn Văn Giác, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	8.384.896.240	3	1.676.979	240.000	**1.916.979**		
97	1200170811	CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU PHÁT PHƯƠNG	Khu phố 5, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	19.454.491.909	5	3.890.898	400.000	**4.290.898**		
98	1200328262	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH DŨNG	Số 1A Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	52.183.000.767	6	10.436.600	480.000	**10.916.600**		
99	1200384637	CÔNG TY TNHH SD	Khu phố 3, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	95.133.703.588	429	19.026.741	34.320.000	**53.346.741**		
100	1200399344	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯỢNG UYÊN	Khu phố 7, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	18.940.334.055		3.788.067	0	**3.788.067**		
101	1200414426	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRÍ TÂM	Ấp Thới Thạnh, Xã Thới Sơn, Thành phố Mỹ Tho	13.416.969.087	3	2.683.394	240.000	**2.923.394**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
102	1200415772	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỮU LỘC	Số 82 đường Hùng Vương, Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	29.268.731.186	42	5.853.746	3.360.000	**9.213.746**		
103	1200417554	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỸ THO	Khu phố 5, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho	28.329.355.081	23	5.665.871	1.840.000	**7.505.871**		
104	1200426622	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THÀNH MINH	Số 102A Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	6.305.564.377	7	1.261.113	560.000	**1.821.113**		
105	1200427672	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KIM LONG	Số 274 đường Phạm Hùng, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	21.012.494.034	35	4.202.499	2.800.000	**7.002.499**		
106	1200441638	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ TIỀN GIANG	Số 152 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	78.615.911.399	47	15.723.182	3.760.000	**19.483.182**		
107	1200442078	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MỸ THO	Số 67 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	169.061.454.735	139	33.812.291	11.120.000	**44.932.291**		
108	1200445791	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BÁ HƯNG	Ấp Phong Thuận B, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	13.846.414.663	4	2.769.283	320.000	**3.089.283**		
109	1200449570	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG HUY VŨ	lô A, số 20 đường số 6, khu phố Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	17.610.966.897	6	3.522.193	480.000	**4.002.193**		
110	1200451428	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỂ THAO HẢI YẾN	Số 188A ấp 3, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	20.622.627.159	27	4.124.525	2.160.000	**6.284.525**		
111	1200452943	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KHOA NGUYÊN	Số 152 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	31.722.008.347	11	6.344.402	880.000	**7.224.402**		
112	1200454482	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÍ TÂM	Số 559B Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	28.494.001.545	12	5.698.800	960.000	**6.658.800**		
113	1200472629	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH TRÍ.	Số 249/1A Tổ 1, Ấp Long Hưng, Xã Phước Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	35.201.194.965	3	7.040.239	240.000	**7.280.239**		
114	1200474601	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LÝ VĂN NĂM	Số 454 đường ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	12.703.529.562	3	2.540.706	240.000	**2.780.706**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
115	1200476422	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HIỆP LỰC	Số 91 Tết Mậu Thân, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	12.774.639.853	12	2.554.928	960.000	**3.514.928**		
116	1200482560	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT NƯỚC ĐÁ CHÍ THÀNH	Khu phố 5, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	16.600.272.095	82	3.320.054	6.560.000	**9.880.054**		
117	1200494069	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BA NỞ	29 ấp Bắc, , Thành phố Mỹ Tho	22.477.080.011	4	4.495.416	320.000	**4.815.416**		
118	1200494220	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG THUẬN HƯNG	Số 96 Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	95.554.731.581	11	19.110.946	880.000	**19.990.946**		
119	1200500058	CÔNG TY TNHH MTV HUỲNH THỊNH	Số 145 Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	3.084.302.363	3	616.860	240.000	**856.860**		
120	1200505680	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAI HẠNH	Số 20 Lê Văn Duyệt, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	5.230.062.824	9	1.046.013	720.000	**1.766.013**		
121	1200508579	CÔNG TY TNHH MTV PHƯỚC SƠN	số 455 Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	20.139.426.911	8	4.027.885	640.000	**4.667.885**		
122	1200508674	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢNG CÁO THANH - TIỀN GIANG	Số 19 Ngô Quyền, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	15.990.464.776	6	3.198.093	480.000	**3.678.093**		
123	1200510176	CÔNG TY TNHH TM XNK HỮU THÀNH PHÁT	Số 69 đường Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	61.476.458.066		12.295.292	0	**12.295.292**		
124	1200510698	HỢP TÁC XÃ QUANG MINH	207C Nguyễn Thị Thập, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	124.063.212.994	1195	24.812.643	95.600.000	**120.412.643**		
125	1200516160	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG	Số 2,3,4 Quốc lộ 1A, Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	139.991.615.980	58	27.998.323	4.640.000	**32.638.323**		
126	1200524796	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG TIỀN GIANG	Số 36/3 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	16.038.565.903	11	3.207.713	880.000	**4.087.713**		
127	1200525479	CÔNG TY TNHH MAI LINH TIỀN GIANG	Số 222, Ấp 4, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	29.325.247.240	183	5.865.049	14.640.000	**20.505.049**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
128	1200536142	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG TRÍ TÍN	Số 436 Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	9.200.910.747	7	1.840.182	560.000	**2.400.182**		
129	1200539383	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ GIAO THÔNG THỦY LỢI TIỀN GIANG	Số 5 đường Lê Văn Phẩm, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	13.747.513.505	31	2.749.503	2.480.000	**5.229.503**		
130	1200568169	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ-MAY XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	Số 151B Đinh Bộ Lĩnh, Khu phố 6, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	107.406.109.567	152	21.481.222	12.160.000	**33.641.222**		
131	1200571845	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN LẠC	Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	54.065.653.079		10.813.131	0	**10.813.131**		
132	1200580783	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN VIỆT KTY	Số 252 Quốc Lộ 50, khu phố 1, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	140.226.788.956	439	28.045.358	35.120.000	**63.165.358**		
133	1200582156	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ TIỀN GIANG-SÀI GÒN	Số 35 đường Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	72.899.857.804	152	14.579.972	12.160.000	**26.739.972**		
134	1200585728	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SAO NAM TG	Số 118/3A Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	54.859.498.448	51	10.971.900	4.080.000	**15.051.900**		
135	1200586538	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HỒNG PHƯƠNG	Số 125 Nguyễn Thị Thập, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	91.515.172.969	77	18.303.035	6.160.000	**24.463.035**		
136	1200596670	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI GAS MINH PHƯƠNG	Số 34 Phạm Hùng, Tổ 4, Ấp 4, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	7.321.209.781	23	1.464.242	1.840.000	**3.304.242**		
137	1200601458	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI NAM ANH	Số 306 -312 Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	261.435.216.507	222	52.287.043	17.760.000	**70.047.043**		
138	1200607347	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TIỀN GIANG	Số 43 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	17.019.889.726	84	3.403.978	6.720.000	**10.123.978**		
139	1200630681	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÝ THANH PHƯƠNG	Số 126A đường 870B, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	18.422.365.768	4	3.684.473	320.000	**4.004.473**		
140	1200648336	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE MÁY VÂN HẢI	Quốc lộ 50, Khu phố 4, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	237.510.890.144	40	47.502.178	3.200.000	**50.702.178**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
141	1200654298	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TIỀN TIẾN II	Khu phố 6, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	47.662.606.006	6	9.532.521	480.000	**10.012.521**		
142	1200663503	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI HỮU SƠN	Số 265A, Đường Nguyễn Thị Thập, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	14.916.594.825	17	2.983.319	1.360.000	**4.343.319**		
143	1200676608	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÔNG KHOA	Số 46 Lê Văn Phẩm, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	2.271.834.933	3	500.000	240.000	**740.000**		
144	1200678771	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐẠI NGÂN	Số 394 Nguyễn Thị Thập, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	24.265.222.459	58	4.853.044	4.640.000	**9.493.044**		
145	1200678933	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BẢO MINH.	số 53 Thủ Khoa Huân, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	14.483.283.327		2.896.657	0	**2.896.657**		
146	1200678965	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN HOA MAI	Số 17 Ngô Quyền, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	11.649.526.201	5	2.329.905	400.000	**2.729.905**		
147	1200684567	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HỮU ĐỨC	Số A2 Rạch Gầm, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	51.550.257.032	18	10.310.051	1.440.000	**11.750.051**		
148	1200686331	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG LỘC NHÀ VIỆT	Số 263 ấp 3B, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	36.156.705.428	64	7.231.341	5.120.000	**12.351.341**		
149	1200686606	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GIANG MÂY VIỆT	Số 150 Phạm Hùng, Ấp 1, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	95.723.643.590	827	19.144.729	66.160.000	**85.304.729**		
150	1200701942	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẠI TÂN TÀI	Số 1008, Huyện lộ 92A, Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	10.933.642.654	8	2.186.729	640.000	**2.826.729**		
151	1200704541	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHẾ BIẾN NÔNG HẢI SẢN HẢI THÀNH	Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	49.624.086.605	76	9.924.817	6.080.000	**16.004.817**		
152	1200705834	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN PHÚ	Số 187 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	30.965.655.170	10	6.193.131	800.000	**6.993.131**		
153	1200709451	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRANG NGỌC MINH	Cảng Cá Mỹ Tho, Khu phố 5, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho	12.013.147.523	60	2.402.630	4.800.000	**7.202.630**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
154	1200750107	CÔNG TY TNHH ĐẠI THANH TÂM	Số 212, Ấp Long Hòa B, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	5.010.592.984		1.002.119	0	**1.002.119**		
155	1200751735	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT THANH LÂM	Phú Gia PG02-39 Vincom Mỹ Tho, Số 1A đường Hùng Vương, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	15.723.564.541	15	3.144.713	1.200.000	**4.344.713**		
156	1200755627	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SONG HỶ	Số 179 Tổ 6, Khu phố 6, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	24.029.470.901	28	4.805.894	2.240.000	**7.045.894**		
157	1200764759	CÔNG TY TNHH TM DV TRANG ÁNH LINH	Số 12B2 Nguyễn Trãi, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	7.759.091.016	8	1.551.818	640.000	**2.191.818**		
158	1200765054	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG THÁI DƯƠNG.	C18 đường số 5, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	12.619.127.040	6	2.523.825	480.000	**3.003.825**		
159	1200944021	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN AN LẠC	Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	89.271.092.099	115	17.854.218	9.200.000	**27.054.218**		
160	1200947625	CTY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI HUỲNH VĂN NÔ	154/2 C Lý Thường Kiệt, phường 6, , Thành phố Mỹ Tho	11.282.680.383		2.256.536	0	**2.256.536**		
161	1200974153	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LONG UYÊN-TIỀN GIANG	Số 996, Ấp Long Hòa, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	2.074.590.675		500.000	0	**500.000**		
162	1200997619	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC THÀNH PHÁT	Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	52.137.334.783		10.427.467	0	**10.427.467**		
163	1201078632	CÔNG TY TNHH TƯỜNG TƯỜNG PHÁT	Số 67B-69 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	116.188.905.695	8	23.237.781	640.000	**23.877.781**		
164	1201110639	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ÂN LONG	Số 174/QĐ, Tổ 22, Ấp Bình Tạo, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	48.861.631.788	22	9.772.326	1.760.000	**11.532.326**		
165	1201201332	CÔNG TY TNHH HONGAI 1949 VIỆT NAM	Số 390 Ấp Thới Bình, Xã Thới Sơn, Thành phố Mỹ Tho	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
166	1201386098	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ UYÊN NHI	Số 285, Đường Tết Mậu Thân, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	6.090.145.075	7	1.218.029	560.000	**1.778.029**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
167	1201394733	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI LIÊN CƯỜNG PHÁT	Số 95/6 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho	23.584.534.706	21	4.716.907	1.680.000	**6.396.907**		
168	1201438130	CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HƯNG LONG	Số 65 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	40.885.722.320	3	8.177.144	240.000	**8.417.144**		
169	1201443691	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN KIỀU TK	Chợ Thạnh Trị, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	24.789.663.458	3	4.957.933	240.000	**5.197.933**		
170	1201453241	CÔNG TY TNHH MTV XUẤT KHẨU NÓN VIỆT	Số 136A Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	2.584.659.540		516.932	0	**516.932**		
171	1201453957	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI XĂNG DẦU TIỀN GIANG	Ấp Bình Tạo A, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	98.219.261.660	79	19.643.852	6.320.000	**25.963.852**		
172	1201460104	CÔNG TY TNHH LÂM VỸ	Số nhà 621/1 Tổ 1, Ấp Mỹ Hưng, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	22.633.844.508	150	4.526.769	12.000.000	**16.526.769**		
173	1201476471	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUYỄN KIM TIỀN GIANG	Số 545 Lê Văn Phẩm, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	293.078.564.114	2	58.615.713	160.000	**58.775.713**		
174	1201485564	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XD PHƯỚC HƯNG TG	Ấp 5, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	11.349.459.378	6	2.269.892	480.000	**2.749.892**		
175	1201489583	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIÊN ÂN JY	Số 47/6/10 Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	1.850.358.469		500.000	0	**500.000**		
176	1201490691	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT KIM QUỐC TẾ	Ấp Chợ, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	45.816.523.311	132	9.163.305	10.560.000	**19.723.305**		
177	1201493332	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÀNH ĐẠT PHÁT TG	Số 79B Ấp 4, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	20.082.513.630	4	4.016.503	320.000	**4.336.503**		
178	1201493597	CÔNG TY TNHH TC LỘC PHÁT	Số 379 ấp Bình Tạo A, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	63.644.003.054	81	12.728.801	6.480.000	**19.208.801**		
179	1201501304	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT TG	Số 228, KP2, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	6.032.758.014	61	1.206.552	4.880.000	**6.086.552**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
180	1201503968	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ANH VŨ AVFISH	Số 309, Ấp Bình Tạo, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	57.746.852.983	9	11.549.371	720.000	**12.269.371**		
181	1201508557	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT CHẾ BIẾN NÔNG SẢN CÁT TƯỜNG	Số 212, Quốc lộ 50, Ấp 3B, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	104.863.344.291		20.972.669	0	**20.972.669**		
182	1201513148	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÍ SƠN	Số 1279 Quốc lộ 50, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	53.452.958.213	77	10.690.592	6.160.000	**16.850.592**		
183	1201519573	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG HOA LƯ	01A Lê Văn Phẩm, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	34.578.596.545		6.915.719	0	**6.915.719**		
184	1201527380	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHẠM GIA	738 Ấp Long Hòa B, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	24.824.027.959	12	4.964.806	960.000	**5.924.806**		
185	1201527599	TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ CAMBRIDGE TIỀN GIANG	Số 424, Trần Hưng Đạo, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	7.001.318.711	97	1.400.264	7.760.000	**9.160.264**		
186	1201534451	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÔM TÂN LỘC	Số 199E Nguyễn Trung Trực, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	7.467.084.486	9	1.493.417	720.000	**2.213.417**		
187	1201539717	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XĂNG DẦU TRÍ TÂM	Số 34B, Khu phố Tân Bình, Phường Tân Long, Thành phố Mỹ Tho	11.227.724.168		2.245.545	0	**2.245.545**		
188	1201557152	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN PHÒNG KHÁM ĐA KHOA CHÍ THANH	Số 246-248-250-252 Hùng Vương, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	31.114.149.833	18	6.222.830	1.440.000	**7.662.830**		
189	1201557314	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHALLENGE	Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	21.929.276.833		4.385.855	0	**4.385.855**		
190	1201558808	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NAM SÔNG TIỀN	39/3 Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 8, Thành phố Mỹ Tho	3.086.574.836		617.315	0	**617.315**		
191	1201562730	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU KIM HƯNG PHÁT	Số 1A, Hùng Vương, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	176.090.049.003	13	35.218.010	1.040.000	**36.258.010**		
192	1201565001	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN BẤT ĐỘNG SẢN QUÝ NHÂN	Số 291-293 Hùng Vương, Ấp Mỹ Thạnh, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	500.000.000		500.000	0	**500.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
193	1201566686	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG LÊ TÂM	68/10/17, Đường Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	19.864.873.463	48	3.972.975	3.840.000	**7.812.975**		
194	1201573281	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ÁNH SÁNG MÊ KONG	168, Ấp 2, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	23.007.000.000		4.601.400	0	**4.601.400**		
195	1201574870	CÔNG TY TNHH THE RESERVE MEKONG	Số 37B Trương Vĩnh Ký, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	109.980.170.644		21.996.034	0	**21.996.034**		
196	1201575521	CÔNG TY TNHH MAY THIỆN VY	Số 20/10 Trần Ngọc Giải, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	2.572.504.724	97	514.501	7.760.000	**8.274.501**		
197	1201576733	CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂM MINH ĐỨC TIỀN GIANG	198A Nguyễn Thị Thập, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	59.605.186.197	102	11.921.037	8.160.000	**20.081.037**		
198	1201580546	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XĂNG DẦU TRANG LỢI	Thái Sanh Hạnh, KP 1, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	19.664.479.366	3	3.932.896	240.000	**4.172.896**		
199	1201580553	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XĂNG DẦU LONG THUẬN	QL50, Ấp 3B, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	22.740.673.258	4	4.548.135	320.000	**4.868.135**		
200	1201583850	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CENTRAL PLAZA MỸ THO THIÊN HỘ	15B-19 Đường Ba Mươi Tháng Tư, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	354.000.079.824	11	70.800.016	880.000	**71.680.016**		
201	1201584332	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU LÊ DŨNG	1A KP Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	28.798.479.062	3	5.759.696	240.000	**5.999.696**		
202	1201592439	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU KIM DUNG	64/7A Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	16.165.155.184		3.233.031	0	**3.233.031**		
203	1201592559	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG ĐIỆN GIÓ TIỀN GIANG	C32, Đường số 3, Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	7.720.958.837.480	47	100.000.000	3.760.000	**103.760.000**		
204	1201594838	CÔNG TY TNHH NGỌC AN NGUYÊN	Số 4A Trương Vĩnh Ký, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	190.626.500.314		38.125.300	0	**38.125.300**		
205	1201600880	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỦY SẢN ĐẠI DƯƠNG XANH	Tổ 14, Ấp Phước Thuận, Xã Phước Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	80.271.837.120	232	16.054.367	18.560.000	**34.614.367**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
206	1201608343	CÔNG TY TNHH COCO - DUKE	Số 309D Ấp Mỹ Thạnh, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	2.019.259.135		500.000	0	**500.000**		
207	1201614428	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÀ ĐẤT HỒ THỐ	Số 249/1 Tổ 1, Ấp Long Hưng, Xã Phước Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
208	1201617926	CÔNG TY TNHH LỐP XE PHÚ ANH	Số 466 Trần Hưng Đạo, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	10.000.000.000	43	2.000.000	3.440.000	**5.440.000**		
209	1201621383	CÔNG TY TNHH LANDSVILLE	350 Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	19.989.876.636		3.997.975	0	**3.997.975**		
210	1201621464	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT DELTA	Ấp Thới Thuận, Xã Thới Sơn, Thành phố Mỹ Tho	115.427.227.217		23.085.445	0	**23.085.445**		
211	1201625853	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ THUẬN AN THỚI	Số 278 Ấp 4, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	0	2	500.000	160.000	**660.000**		
212	1201627000	CÔNG TY TNHH SX TM DV ĐẠI TÍN	Ấp Mỹ Hưng, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	35.464.142.867	31	7.092.829	2.480.000	**9.572.829**		
213	1201627561	CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU TÂM LÝ	Ấp Thới Thạnh, Xã Thới Sơn, Thành phố Mỹ Tho	15.400.175.629	3	3.080.035	240.000	**3.320.035**		
214	1201630317	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TIỀN GIANG	C32, Đường số 3, Khu phố Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	3.344.634.996		668.927	0	**668.927**		
215	1201633540	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ SÔNG TIỀN	Mekong ITP, Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	29.820.581.576	3	5.964.116	240.000	**6.204.116**		
216	1201639140	CÔNG TY TNHH Ô TÔ NHẬT HƯNG	Ấp 4, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	138.334.134.843	122	27.666.827	9.760.000	**37.426.827**		
217	1201645433	CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TÂN THÀNH	C32, Đường số 3, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	100.000.000		500.000	0	**500.000**		
218	1201646677	CÔNG TY CỔ PHẦN EASYCAR TIỀN GIANG	Ấp Long Mỹ, Xã Phước Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	25.104.519.677	43	5.020.904	3.440.000	**8.460.904**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
219	1201647631	CÔNG TY TNHH MTV ĐÔNG LẠNH THỦY SẢN YẾN OANH	Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	15.100.000.000		3.020.000	0	**3.020.000**		
220	1201647712	CÔNG TY TNHH THÉP THIÊN HỘ	Ấp Chợ, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	99.996.623.636		19.999.325	0	**19.999.325**		
221	1201652310	CÔNG TY CỔ PHẦN HAN	100 PHẠM HÙNG, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	22.689.323.770	21	4.537.865	1.680.000	**6.217.865**		
222	1201655907	CÔNG TY TNHH XD TM DV MINH PHƯƠNG	Số 84/2 Ấp Mỹ Hưng, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	2.000.000.000		500.000	0	**500.000**		
223	1201655985	CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN MINH LONG	số 27 Nguyễn Hữu Trí, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	15.000.000.000		3.000.000	0	**3.000.000**		
224	1201656805	CÔNG TY CỔ PHẦN IDICO TIỀN GIANG	Số 138 Trần Hưng Đạo, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	901.159.993.989		100.000.000	0	**100.000.000**		
225	1201657284	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC ĐẠI TRƯỜNG THỊNH	Số 188 Khu dân cư dọc sông Tiền, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	19.965.499.051		3.993.100	0	**3.993.100**		
226	1201657816	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUÝ TÍN	641E, Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	9.997.859.400		1.999.572	0	**1.999.572**		
227	1201657894	CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI TIỀN GIANG	Khu phố 2, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	117.920.196.349	361	23.584.039	28.880.000	**52.464.039**		
228	1201660495	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ VINATIRES	Số 84 Nguyễn Minh Đường , Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	500.000.000		500.000	0	**500.000**		
229	1201661121	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ	Số 192A tổ 9, Ấp 1, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	10.000.000		500.000	0	**500.000**		
230	1201661185	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN - TÔN- XÀ GỒ- THÉP HÌNH- THÉP TẤM- THÉP ỐNG NGỌC TIẾN	Số 175 đường Nguyễn Thị Thập, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	20.117.742.714		4.023.549	0	**4.023.549**		
231	1201661410	CÔNG TY TNHH GIA HUY PHÁT TG	221/4 Tổ 11, Ấp 1, đường Phạm Hùng, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
232	1201661548	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRANG TRÍ NỘI THẤT LÂM HIẾU	167 Nguyễn Thị Thập, KP10, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	62.111.885.368		12.422.377	0	**12.422.377**		
233	1201662157	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ MINH VY	Số 27 Hùng Vương, Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	35.856.682		500.000	0	**500.000**		
234	1201663418	CÔNG TY TNHH THIÊN LỬA VÀNG	Số 16 Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	20.171.468.772	7	4.034.294	560.000	**4.594.294**		
235	1201663739	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN TÂY NAM	Số 10A, Đường Ấp Bắc, Khu phố 1, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	5.279.935.703	67	1.055.987	5.360.000	**6.415.987**		
236	1201664884	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC THUẬN TG	Số 528 Phạm Hùng, Ấp Bình Tạo A, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	29.474.388.728	21	5.894.878	1.680.000	**7.574.878**		
237	1201665969	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG MTAH	Ấp Mỹ Lương, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	15.000.000.000		3.000.000	0	**3.000.000**		
238	1201666024	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH ĐÔNG TIỀN GIANG	Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	100.494.433		500.000	0	**500.000**		
239	1201666592	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN MẮT SÀI GÒN TIỀN GIANG	Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
240	1201667042	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP GREEN FARM	Số 412 Thái Sanh Hạnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	39.997.297.591		7.999.460	0	**7.999.460**		
241	1201667356	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN PHÚC KHANG	182B Ấp 1, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
242	1201667405	CÔNG TY TNHH Ô TÔ NHẬT DUY	Ấp Long Hưng, Xã Phước Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	19.990.000.000		3.998.000	0	**3.998.000**		
243	1300403932-002	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HUỲNH THÀNH 3	Số 11 Hùng Vương, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	32.402.965.037	29	6.480.593	2.320.000	**8.800.593**		
244	3500841133-001	CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRƯỜNG VINH HI - NÔ	Số 81 Quốc lộ 1A, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	35.591.245.437		7.118.249	0	**7.118.249**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
245	1201492579	CÔNG TY CP QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 11	Số 313 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	18.919.021.087	73	3.783.804	5.840.000	**9.623.804**		
246	0300942001-020	CÔNG TY ĐIỆN LỰC TIỀN GIANG	Số 07 Học Lạc, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		1.084	500.000	86.720.000	**87.220.000**		
247	1200132693	VIỄN THÔNG TIỀN GIANG	Số 01 Lê Lợi, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		249	500.000	19.920.000	**20.420.000**		
248	0106869738-008	TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - TIỀN GIANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG	Số 01 Lê Lợi, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		136	500.000	10.880.000	**11.380.000**		
249	1200679535	BƯU ĐIỆN TỈNH TIỀN GIANG	Số 71A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		314	500.000	25.120.000	**25.620.000**		
250	0100110768-056	CTY BẢO HIỂM PJICO TIỀN GIANG	169-171 Hùng Vương ,ấp 1, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		27	500.000	2.160.000	**2.660.000**		
251	0100111948-037	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 15B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		161	500.000	12.880.000	**13.380.000**		
252	0100112437-068	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 152 đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		127	500.000	10.160.000	**10.660.000**		
253	0100150619-061	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 208A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		161	500.000	12.880.000	**13.380.000**		
254	0101527385-054	CTY BẢO VIỆT TIỀN GIANG	65 đường 30/4, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		24	500.000	1.920.000	**2.420.000**		
255	0300446973-029	CÔNG TY BẢO MINH TIỀN GIANG	1357 tổ 28 Hùng Vương, ấp 1, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		23	500.000	1.840.000	**2.340.000**		
256	0300613198-009	CÔNG TY LƯƠNG THỰC TIỀN GIANG	Số 256, Khu phố 2, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		193	500.000	15.440.000	**15.940.000**		
257	0301103908-044	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 6 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		306	500.000	24.480.000	**24.980.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
258	0100774631-027	CÔNG TY BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN TIỀN GIANG	59C Đường 30/4, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		59	500.000	4.720.000	**5.220.000**		
259	0100686174-269	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ MỸ THO TIỀN GIANG	Số 91 Trưng Trắc, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		39	500.000	3.120.000	**3.620.000**		
260	0100686174-209	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TỈNH TIỀN GIANG	Số 31 Lê Lợi, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		79	500.000	6.320.000	**6.820.000**		
261	0100150619-180	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH MỸ THO	Số 34-36 Lê Lợi, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		85	500.000	6.800.000	**7.300.000**		
262	0108212803-009	TRUNG TÂM VNPT-IT KHU VỰC 5- CHI NHÁNH CÔNG TY CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VNPT	Ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		169	500.000	13.520.000	**14.020.000**		
263	0103085460-043	CÔNG TY BẢO HIỂM BSH TIỀN GIANG	số 13 Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		17	500.000	1.360.000	**1.860.000**		
264	0101335193-036	CÔNG TY BẢO HIỂM VIETINBANK CỬU LONG	Số 232 Lê Văn Phẩm, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		24	500.000	1.920.000	**2.420.000**		
265	1200100370	CÔNG TY XĂNG DẦU TIỀN GIANG	Số 488 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, TP Mỹ Tho ,tỉnh Tiền Giang	214.102.318	340	500.000	27.200.000	**27.700.000**		
266	0310891532-010	MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ LỮ HÀNH SAIGONTOURIST TẠI TIỀN GIANG	Số 12B9 Nguyễn Trãi, phường 7, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		9	500.000	720.000	**1.220.000**		
267	1200100363	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH CÔNG ĐOÀN TIỀN GIANG	Số 61 đường 30/4, phường 1 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	3.712.333.543	334	742.467	26.720.000	**27.462.467**		
268	1200357376	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ MỸ THO	Số 12 Huỳnh Tịnh Của, phường 7, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	54.061.097.834	440	10.812.220	35.200.000	**46.012.220**		
269	1200100596	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN GIANG	Số 65/4 Trần Hưng Đạo, Phường 6, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	325.838.908.605	334	65.167.782	26.720.000	**91.887.782**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
270	1200100814	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG	Số 4A đường 30/4, phường 1, TP Mỹ Tho	803.018.624.671	334	100.000.000	26.720.000	**126.720.000**		
271	1200100701	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI TIỀN GIANG	Số 157 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	24.023.787.278	334	4.804.757	26.720.000	**31.524.757**		
272	1200568151	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG	Khu phố Trung Lương, phường 10, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	18.612.462.127	334	3.722.492	26.720.000	**30.442.492**		
273	1200655742	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH MÊKÔNG-MỸ THO	Số 01A, Tết Mậu Thân, phường 4 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	268.547.968.110	334	53.709.594	26.720.000	**80.429.594**		
274	1100176136-011	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 100 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		334	500.000	26.720.000	**27.220.000**		
275	0105926285-007	TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM TẠI TỈNH TIỀN GIANG	Số 2A, đường Rạch Gầm, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		334	500.000	26.720.000	**27.220.000**		
276	0310891532-010	MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ LỮ HÀNH SAIGONTOURIST TẠI TIỀN GIANG	Số 12B9 Nguyễn Trãi, phường 7, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		334	500.000	26.720.000	**27.220.000**		
277	0102385623-045	CÔNG TY BẢO HIỂM MIC TIỀN GIANG	90 Ấp Bắc, phường 5 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		334	500.000	26.720.000	**27.220.000**		
278	0305140259-025	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO TỰ TẠO VIỆC	Số 09 Đường Rạch Gầm, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		334	500.000	26.720.000	**27.220.000**		
279	1200451428	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÊ THAO HẢI YẾN	Số 188A ấp 3, Xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	28.526.010.956	46	5.705.202	3.680.000	**9.385.202**		
280	1201654942	CÔNG TY TNHH SONG SENG TIỀN GIANG	Số 207 Phạm Hùng, Xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	10.169.817.269	00	2.033.963	0	**2.033.963**		
281	1201676752	CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI MINH THÁI	Số 379, Ấp 3A, Xã Đạo Thạnh, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	**15.000.000.000**	0	3.000.000	0	**3.000.000**		
282	1201677668	CÔNG TY TNHH TM DV VIỆT HOÀN	203C, ấp Long Hòa A, Xã Đạo Thạnh, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	**15.000.000.000**	0	3.000.000	0	**3.000.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
283	1201484218	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DŨNG ĐẠI HƯNG	Số 10, đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 3, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	15.125.585.989	7	3.025.117	560.000	**3.585.117**		
284	1201622436	CÔNG TY TNHH TM DV XNK THIÊN LỘC	Số 37/3/22 đường Hồ Văn Nhánh, Phường 5, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	2.456.951.771	74	500.000	5.920.000	**6.420.000**		
285	1201674762	CÔNG TY TNHH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI MEKONG DELTA	Số 3A1, Khu Sao Mai, đường Lý Thường Kiệt, Phường 5, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	39.815.998.558	4	7.963.200	320.000	**8.283.200**		
286	0301179079-020	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 1A Hùng Vương, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	0	74	500.000	5.920.000	**6.420.000**		
287	1201563413	CÔNG TY TNHH THỦ CÔNG MỸ NGHỆ VIỆT NAM HAMANEX	Số 32A Ngô Quyền, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	22.140.049.477	10	4.428.010	800.000	**5.228.010**		
288	1201667677	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HƯNG THỊNH TG	Số 1A, Hùng Vương, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	14.992.100.904	0	2.998.420	0	**2.998.420**		
289	6300048638-062	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 12C đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	0	160	500.000	12.800.000	**13.300.000**		
290	0100931299-025	CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV CỬU LONG	Tầng 8, Tòa nhà Bưu điện tỉnh TG, số 71A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	0	38	500.000	3.040.000	**3.540.000**		
291	1201534620	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THÁI HUY MEDIC- PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THÁI HUY	Số 41-43 Đường Ấp Bắc, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	100.000.000	1	500.000	80.000	**580.000**		
TỔNG						**4.539.868.372**	**2.965.360.000**	**7.505.228.372**		

PHỤ LỤC 4

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.640.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1201560444	CÔNG TY TNHH SHILLA GLOVIS VIỆT NAM	Ấp Chợ Mới, xã Long Hòa, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang	100.498.717.339	3.563	20.099.743	249.410.000	**269.509.743**		
2	0310559292	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIHATECH	Ấp Năm Châu, Xã Bình Đông, thành phố Gò Công	2.954.073.050	18	590.815	1.260.000	**1.850.815**		
2	1200189410	HTX BÌNH MINH	ấp Việt Hùng Xã Long Hoà, , thành phố Gò Công	12.646.867.264	205	2.529.373	14.350.000	**16.879.373**		
3	1200359944	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THÀNH CÔNG.	Số 4/4 Mạc Văn Thành, Khu phố 1, Phường 3, thành phố Gò Công	21.060.462.825	26	4.212.093	1.820.000	**6.032.093**		
3	1200527116	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI TRƯƠNG HOÀNG PHÚC.	Đường Hồ Biểu Chánh, ấp Lăng Hoàng Gia, Xã Long Hưng, thành phố Gò Công	312.952.625.035	208	62.590.525	14.560.000	**77.150.525**		
4	1200541819	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY CÔNG TIẾN	Số 27 Mạc Văn Thành, Khu phố 1, Phường 3, thành phố Gò Công	168.243.640.142	2121	33.648.728	148.470.000	**182.118.728**		
4	1200598879	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VĂN HẢI	138 Trương Định, Khu Phố 3, Phường 2, thành phố Gò Công	383.943.995.484	153	76.788.799	10.710.000	**87.498.799**		
5	1200701886	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG-THƯƠNG MẠI VINH QUANG	Số 16B Quốc lộ 50, Ấp Hưng Thạnh, Xã Long Hưng, Thị xã Gò Công	111.805.237.273	461	22.361.047	32.270.000	**54.631.047**		
5	1201108340	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VĂN GIA PHÁT	Số 206 đường Mạc Văn Thành, Ấp Hưng Phú, Xã Long Hưng, thành phố Gò Công	7.613.382.526		1.522.677	0	**1.522.677**		
6	1201452199	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỒNG PHỤC THỂ THAO HUY HOÀNG	Số 163/6C Ấp Thuận An, Xã Long Thuận, Thị xã Gò Công	146.629.943.777	349	29.325.989	24.430.000	**53.755.989**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
6	1201465247	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ CẦU MỸ LỢI	Số 2075 Ấp Hồng Rạng, Xã Bình Đông, thành phố Gò Công	848.566.022.616	51	100.000.000	3.570.000	**103.570.000**		
7	1201538537	CÔNG TY TNHH MAY VIỆT LONG HƯNG	Ấp Hưng Thạnh, Xã Long Hưng, thành phố Gò Công	216.616.209.433	3158	43.323.242	221.060.000	**264.383.242**		
7	1201633533	CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN LÊ HOÀNG THANH	127A Đường Từ Dũ, Xã Long Hưng, thành phố Gò Công	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
8	1201640259	CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN MEDIC TÂM AN	Thửa đất số 252, Tờ bản đồ số 05, Khu phố 2, Phường 2, thành phố Gò Công	16.462.553.092	36	3.292.511	2.520.000	**5.812.511**		
8	1201646349	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG THIÊN ÂN	Đường 871B, Ấp Mỹ Xuân, Xã Tân Trung, thành phố Gò Công	19.993.580.639		3.998.716	0	**3.998.716**		
9	1201652423	CÔNG TY TNHH XD BẤT ĐỘNG SẢN KIM LONG	Số 48, Tỉnh Lộ 862, Khu Phố 3, Phường 5, thành phố Gò Công	20.174.164.029	12	4.034.833	840.000	**4.874.833**		
9	1201654484	CÔNG TY TNHH SX THƯƠNG MẠI ÁNH DƯƠNG	39 Ấp Chợ Mới, Xã Long Hòa, thành phố Gò Công	29.901.173.636	2	5.980.235	140.000	**6.120.235**		
10	1201657573	CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT ANH THƯ TG	Số 25 Nguyễn Huệ, Khu phố 1, Phường 2, thành phố Gò Công	20.663.379.450	79	4.132.676	5.530.000	**9.662.676**		
10	1201659002	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI GẠO TRƯỜNG THÀNH	Ấp Hưng Thạnh, Xã Long Hưng, thành phố Gò Công	19.916.265.355		3.983.253	0	**3.983.253**		
11	1201659725	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN TIỀN GIANG	Ấp Thành Nhứt, Xã Bình Xuân, thành phố Gò Công	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
11	1201660086	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG BÌNH ĐÔNG	Ấp Lạc Hòa, Xã Bình Đông, thành phố Gò Công	5.566.585.652		1.113.317	0	**1.113.317**		
12	1201667927	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ GÒ CÔNG	63B đường Nguyễn Trãi, Phường 3, thành phố Gò Công	99.000.000.000		19.800.000	0	**19.800.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
12	0100686174-263	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ GÒ CÔNG TIỀN GIANG	Số 04 Trương Định, phường 1, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang		30	500.000	2.100.000	**2.600.000**		
TỔNG						**451.828.571**	**733.040.000**	**1.184.868.571**		

PHỤ LỤC 6

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHỢ GẠO

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.640.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1201533070	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LTS VINA	Ấp Mỹ Thạnh, Xã Hòa Định, Huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	44.244.396.576	327	8.848.879	22.890.000	**31.738.879**		
2	1200421920	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÀI LIÊN	Thạnh Lợi, Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	1.389.673.221	0	500.000	0	**500.000**		
3	1201095638	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN WONDO VINA	Ấp Tân Bình, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	116.360.165.856	1.529	23.272.033	107.030.000	**130.302.033**		
4	1201253179	CÔNG TY TNHH JAKO VINA	Ấp Hòa Lợi Tiểu, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	116.071.968.298	327	23.214.394	22.890.000	**46.104.394**		
5	1201454950	CÔNG TY TNHH DAECHANG VINA	Ấp Hòa Lợi Tiểu, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	39.846.266.296	0	7.969.253	0	**7.969.253**		
6	0100686174-260	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN CHỢ GẠO	Số 84, Ô 2, Khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang		50	500.000	3.500.000	**4.000.000**		
TỔNG						**64.304.559**	**156.310.000**	**220.614.559**		

PHỤ LỤC 7

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN PHƯỚC

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.640.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1200748517	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH HƯNG TIỀN GIANG	Ấp Kinh 2A, Xã Phước Lập, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	1.203.544.242.993	984	100.000.000	68.880.000	**168.880.000**		
2	1201044062	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG	Ấp Kinh 2A, Xã Phước Lập, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	1.113.189.378.698	2.641	100.000.000	184.870.000	**284.870.000**		
3	1201466924	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN MR BEAN	Khu phố Mỹ Đức, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	65.218.397.465	10	13.043.679	700.000	**13.743.679**		
4	1201528754	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI PHƯỚC THÀNH	Ấp 4, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	91.283.000.036	52	18.256.600	3.640.000	**21.896.600**		
5	1201643348	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NGHĨA THÀNH	Ấp 5, xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	70.359.445.653		14.071.889	0	**14.071.889**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
6	1201658055	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT TUẤN VINH	Ấp Hưng Điền, xã Hưng Thạnh,huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	14.047.587.887	380	2.809.518	26.600.000	**29.409.518**		
7	1201476873	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ THÔNG QUAN TOÀN CẦU	Xã tân lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.	32.096.181.578	38	6.419.236	2.660.000	**9.079.236**		
8	1201591837	CÔNG TY TNHH MTV MAY LOTUS	Ấp Mỹ Lợi, Xã Phước Lập, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	110.744.767.669	269	22.148.954	18.830.000	**40.978.954**		
9	1201622475	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH AN THỊNH	Tỉnh lộ 865, Khu phố 5, Thị trấn Mỹ Phước, huyệ Tân Phước tỉnh Tiền Giang	29.886.216.249	148	5.977.243	10.360.000	**16.337.243**		
10	1200635922	CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM TIỀN GIANG	Ấp 5, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	61.053.218.989	19	12.210.644	1.330.000	**13.540.644**		
11	1201614026	CÔNG TY CỔ PHẦN NINATHAI	Ấp Mỹ Thành, Xã Mỹ Phước (hết hiệu lực), Huyện Tân Phước, Tiền Giang	79.221.693.573	3	15.844.339	210.000	**16.054.339**		
12	1201655008	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI TRƯỜNG PHÚ	Xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.	85.519.913.069	163	17.103.983	11.410.000	**28.513.983**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
13	1201667853	CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU HỮU THÁI	ấp Tân Hòa, xã Tân Lập 2, huyện Tân Phước	15.000.000.000	5	3.000.000	350.000	**3.350.000**		
14	1201602119	CÔNG TY TNHH MTV CHÍNH XÁC HỒNG VẬN	ấp 4 xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	13.224.305.297	9	2.644.861	630.000	**3.274.861**		
15	1201671433	CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG TÂN PHƯỚC	ấp Tân Hưng Phú, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước	20.517.764.984	4	4.103.553	280.000	**4.383.553**		
16	1200672762	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP LONG GIANG	Ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	3.790.136.180.330	94	50.000.000	6.580.000	**56.580.000**	Giảm 50	
17	1200726136	CÔNG TY TNHH GIA CÔNG ĐỒNG HẢI LƯỢNG VIỆT NAM	Lô 67, 68, 69a, 73, 75, 76a Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	8.100.065.782.218	1.293	50.000.000	90.510.000	**140.510.000**	Giảm 50	
18	1201041135	CÔNG TY TNHH DẦU ĂN HONOROAD VN	Lô 26A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	309.248.522.643	83	30.924.852	5.810.000	**36.734.852**	Giảm 50	
19	1201065344	CÔNG TY TNHH ĐIỆN CƠ FANG ZHENG VIỆT NAM	Lô 60B, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	455.405.586.185	542	45.540.559	37.940.000	**83.480.559**	Giảm 50	
20	1201065351	CÔNG TY TNHH BAO BÌ JIANG NAN VIỆT NAM	Lô 60A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	96.895.895.574	30	9.689.590	2.100.000	**11.789.590**	Giảm 50	

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
21	1201123941	CTY TNHH HÀNG THỦ CÔNG XIN DONG YA VIỆT NAM	Lô 61A Khu Công Nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	171.751.924.937	21	17.175.192	1.470.000	**18.645.192**	Giảm 50	
22	1201142158	CÔNG TY TNHH NISSEI ELECTRIC MYTHO	Lô số 55, 55B Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.081.893.438.492	3.129	50.000.000	219.030.000	**269.030.000**	Giảm 50	
23	1201143024	CÔNG TY TNHH DẦU ĂN UNI-BRAN	Lô số 27A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	142.577.519.546	66	14.257.752	4.620.000	**18.877.752**	Giảm 50	
24	1201436221	CÔNG TY TNHH EBISUYA VIỆT NAM	Lô 62A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	198.609.221.124	484	19.860.922	33.880.000	**53.740.922**	Giảm 50	
25	1201450988	CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP DỆT KANG NA VIỆT NAM	Lô 62B, 63, 65, 66, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.337.576.173.082	753	50.000.000	52.710.000	**102.710.000**	Giảm 50	
26	1201462743	CÔNG TY TNHH THÉP KHÔNG GỈ QUẢNG THƯỢNG VIỆT NAM	Lô 131C1, 131D Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.112.481.694.168	473	50.000.000	33.110.000	**83.110.000**	Giảm 50	
27	1201469989	CÔNG TY TNHH NGUYÊN LIỆU MỚI SANQI VIỆT NAM	Lô 118A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	174.724.487.201	196	17.472.449	13.720.000	**31.192.449**	Giảm 50	
28	1201482193	CÔNG TY TNHH BAO BÌ YONGFENG VIỆT NAM	Lô số 93A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	353.527.998.844	698	35.352.800	48.860.000	**84.212.800**	Giảm 50	

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
29	1201482468	CÔNG TY TNHH NHỰA KAIDA VIỆT NAM	Lô số 61B, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	166.401.202.421	236	16.640.120	16.520.000	**33.160.120**	Giảm 50	
30	1201484151	CÔNG TY TNHH GIÀY APACHE VIỆT NAM	Lô số 71A, 72A, 78A, 79, 102, 103A, 127B, 128A, 128B, 128C (, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	2.130.319.921.545	10.335	50.000.000	723.450.000	**773.450.000**	Giảm 50	
31	1201486286	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP CHÍNH XÁC JL	Lô 56A-56B, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	120.075.401.702	74	12.007.540	5.180.000	**17.187.540**	Giảm 50	
32	1201506454	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP YEGIN VINA	Lô số 36A, 37A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	421.224.894.642	1.620	42.122.489	113.400.000	**155.522.489**	Giảm 50	
33	1201509053	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HUA CHANG VINA (HÌNH THỨC SẢN XUẤT CHẾ XUẤT)	Lô số 76B, 77A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	439.011.879.898	229	0	16.030.000	**16.030.000**	Miễn 100	
34	1201511334	CÔNG TY TNHH CÔNG THÁI HỌC LOCTEK VIỆT NAM	Lô 56C, 57 Khu Công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.699.356.727.888	852	50.000.000	59.640.000	**109.640.000**	Giảm 50	
35	1201519559	CÔNG TY TNHH DELTA TIỀN GIANG	Lô số 69B và 70A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	109.219.616.852	5	10.921.962	350.000	**11.271.962**	Giảm 50	

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
36	1201525552	CÔNG TY TNHH NHÔM VĨNH HƯNG VIỆT NAM	Lô 129, 130, 131A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.240.551.490.962	576	0	40.320.000	**40.320.000**	Miễn 100	
37	1201527359	CÔNG TY TNHH KNITPASSION	Lô 95, 100, 101 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	409.759.866.263	427	0	29.890.000	**29.890.000**	Miễn	
38	1201538248	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP BELLINTURF VIỆT NAM	Lô 111A, 112A, 113A, 115A, 116A, 117A, 118B-C, 119A-B, 120A-, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	5.787.303.513.246	4.731	0	331.170.000	**331.170.000**	Miễn	
39	1201541466	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINOMAG VIỆT NAM	Lô 131A2, 131B1 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	528.712.633.146	248	0	17.360.000	**17.360.000**	Miễn	
40	1201545220	CÔNG TY TNHH SỢI MEKONG	Lô 96A, 96B, 97B Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	558.511.024.969	490	0	34.300.000	**34.300.000**	Miễn	
41	1201546947	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ĐỒNG JINTIAN VIỆT NAM	Lô 110A1, 110B, 110C, 110D Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	4.076.340.053.063	520	0	36.400.000	**36.400.000**	Miễn	
42	1201548655	CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM BALALA VIỆT NAM	Lô 27B, 27C, 27D, 28B1 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	705.847.214.036	862	50.000.000	60.340.000	**110.340.000**	Giảm 50%	
43	1201566580	CÔNG TY TNHH SỢI THÉP TINH PHẨM TENG YUAN VIỆT NAM	Lô 131 B2, Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	399.407.078.770	116	0	8.120.000	**8.120.000**	Miễn	

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
44	1201571397	CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SHC	Lô 71B2 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	112.350.434.288	121	0	8.470.000	**8.470.000**	Miễn	
45	1201574133	CÔNG TY TNHH MAY MẶC THỜI TRANG RENAISSANCE	Lô 97A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	142.361.038.719	6	0	420.000	**420.000**	Miễn	
46	1201574140	CÔNG TY TNHH PHỤ KIỆN ỐNG THÉP HAI TIAN (VIỆT NAM)	Lô 61C Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	106.615.385.893	145	0	10.150.000	**10.150.000**	Miễn	
47	1201588168	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC WIN-VIET	Lô 61C2, 131B3, 131C2 Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	300.144.983.665	376	0	26.320.000	**26.320.000**	Miễn	
48	1201588425	CÔNG TY TNHH WANT WANT VIETNAM	Lô 23B, 25A, 29A, 30 Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	1.184.607.759.595	726	0	50.820.000	**50.820.000**	Miễn	
49	1201598254	CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM THỂ THAO GIẢI TRÍ BESTWAY VIỆT NAM	Lô 36B, 37B, 51A, 52 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.909.226.278.301	1.774	0	124.180.000	**124.180.000**	Miễn	
50	1201601651	CÔNG TY TNHH LỐP ADVANCE VIỆT NAM	Lô 105, 106, 107, 108, 109A, 109B, 109C, 109D, 110A2 Khu Côn, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	6.591.799.317.572	1.264	0	88.480.000	**88.480.000**	Miễn	

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
51	1201604042	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT KIM LOẠI YONGJIN VIỆT NAM	Lô 132A,133A, 135, 136A Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	3.669.983.037.973	415	0	29.050.000	**29.050.000**	Miễn	
52	1201620848	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐIỆN CƠ FANG DE VIỆT NAM	Lô 61C1 Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	253.525.307.275	211	0	14.770.000	**14.770.000**	Miễn	
53	1201626688	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ĐÓNG JINHONG VIỆT NAM	Lô 58A, 59A Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	225.058.832.146	3	0	210.000	**210.000**	Miễn	
54	1200724788	CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GENUWIN D&C TIỀN GIANG	Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	17.231.167.595	3	3.446.234	210.000	**3.656.234**		
55	1201496252	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GENUWIN SOLUTION	Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	20.088.734.720	28	4.017.747	1.960.000	**5.977.747**		
56	0100686174-270	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN TÂN PHƯỚC TIỀN GIANG	Khu IV, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang		33	500.000	2.310.000	**2.810.000**		
57	1201590689	CÔNG TY TNHH VIỆT ÚC - TÂN PHƯỚC	Xã Thạnh Hòa, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	100.071	0	500.000	0	**500.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
58	1201634713	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TRUNG KIÊN TÂN PHƯỚC	Xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.	26.000.000	0	500.000	0	**500.000**		
TỔNG						**1.018.564.706**	**2.730.910.000**	**3.749.474.706**		

PHỤ LỤC 8

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÁI BÈ

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.250.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	0315679219	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SEUNG BO	Ấp Mỹ Trung, Xã Mỹ Hội, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	1.339.878.578	0	500.000	0	**500.000**		
2	0315679219	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SEUNG BO	Ấp Mỹ Trung, Xã Mỹ Hội, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	1.339.878.578	0	500.000	0	**500.000**		
3	1200914651	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DREAM MEKONG.	Ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	476.330.849.680	2.081	95.266.170	130.062.500	**225.328.670**		
4	1201614347	CÔNG TY TNHH SBGEAR CÁI BÈ	Ấp Chợ, Xã An Thái Đông, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	69.096.435.080	974	13.819.287	60.875.000	**74.694.287**		
5	0300613198-017	CÔNG TY NÔNG SẢN THỰC PHẨM TIỀN GIANG	Ấp Bình, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang		283	500.000	17.687.500	**18.187.500**		
6	0100686174-264	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN CÁI BÈ	Khu 1A, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang		67	500.000	4.187.500	**4.687.500**		
7	1200526271	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TRẠM XĂNG DẦU LỮ ĐOÀN 29	Quốc lộ 1A, Ấp 2, Xã An Thái Trung, huyện Cái Bè	1.593.713	0	500.000	0	**500.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
8	1200477144	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÁI BÈ	Ấp Hòa Phú, Xã Hòa Khánh, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	86.992.278.059	15	17.398.456	937.500	**18.335.956**		
9	1201077124	CÔNG TY TNHH VIỆT KHÁNH	Ấp Hòa Phúc, Xã Hòa Khánh, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	156.048.063.706	1910	31.209.613	119.375.000	**150.584.613**		
10	1200434870	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁI BÈ	Số 349 Nguyễn Chí Công, khu 4, Thị trấn Cái Bè, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	71.613.183.612	104	14.322.637	6.500.000	**20.822.637**		
11	1200654890	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NÔNG DƯỢC HUỲNH HƯNG	Ấp 3, Xã An Hữu, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	78.668.566.140	9	15.733.713	562.500	**16.296.213**		
12	1200475612	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG THIÊN PHƯỚC	Ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	16.595.019.022	8	3.319.004	500.000	**3.819.004**		
13	1200661513	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÂN THUẬN THÀNH	Cụm công nghiệp An Thạnh, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	87.905.569.555	12	17.581.114	750.000	**18.331.114**		
14	1200190134	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT HƯNG	Khu phố Cầu Xéo, Xã Hậu Thành, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	485.145.178.704	28	97.029.036	1.750.000	**98.779.036**		
15	1200926431	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THANH HỒNG	ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	20.000.000.000	7	4.000.000	437.500	**4.437.500**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
16	1200639067	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG TÂN TIẾN	Số 176 Lê Quí Đôn, Khu 3, Thị trấn Cái Bè, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	56.362.809.630	13	11.272.562	812.500	**12.085.062**		
17	1200637119	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM ANH DŨNG	Ấp Thống, Xã Hòa Hưng, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	183.053.510.223	26	36.610.702	1.625.000	**38.235.702**		
18	1200620926	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ YẾN MẠNH	Quốc lộ 1A, Ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	22.047.787.308	3	4.409.557	187.500	**4.597.057**		
19	1200190511	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN TÀI 2	Ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	22.544.894.125	4	4.508.979	250.000	**4.758.979**		
20	1201614153	CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC BÌNH TÂY	Số 304 Khu phố Cầu Xéo, Xã Hậu Thành, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	88.166.232.180	6	17.633.246	375.000	**18.008.246**		
21	1201509159	CÔNG TY TNHH TM DV TÂN ĐẠT TG	Ấp An Lợi, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	20.792.486.595	7	4.158.497	437.500	**4.595.997**		
22	1201531965	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ BẢO HÂN	Tổ 11, Ấp 4, Xã Tân Thanh, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	14.260.272.847	0	2.852.055	0	**2.852.055**		
23	1200676157	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LAU BÓNG GẠO VŨ PHONG PHÚ	Ấp An Thạnh, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	15.094.442.795	13	3.018.889	812.500	**3.831.389**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
24	1200437871	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THÁI HƯNG II	Cầu Thông Lưu, Quốc lộ 1, Ấp An Thạnh, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	9.723.036.137	2	1.944.607	125.000	**2.069.607**		
25	1200190310	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÒA KHÁNH	Ấp Khu Phố, Xã Hòa Khánh, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	3.930.310.309	9	786.062	562.500	**1.348.562**		
26	1201108358	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI TÚ HỒNG	ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	2.535.298.521	1	507.060	62.500	**569.560**		
27	1200498754	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÂN HƯNG	Lô A4 Cụm Công nghiệp An Thạnh, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	8.896.477.022	9	1.779.295	562.500	**2.341.795**		
28	1201636862	CTY TNHH MTV LƯƠNG THỰC NGỌC TÀI	Tổ 11, Ấp An Hiệp, Xã Tân Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	18.000.000.000	0	3.600.000	0	**3.600.000**		
29	1201636358	CTY TNHH AFOODS	Số 220 tổ 6, ấp 3, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, Tiền Giang	19.988.000.000	0	3.997.600	0	**3.997.600**		
30	1201643683	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC KIM NGÂN	Tổ 17, Ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè, TG	26.359.917.535	22	5.271.984	1.375.000	**6.646.984**		
31	1201655311	CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN MEDIC TÂM AN CÁI BÈ	Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 30, Khu phố 3, Thị trấn Cái Bè, CB	17.568.666.799	20	3.513.733	1.250.000	**4.763.733**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
32	1201658175	CÔNG TY TNHH SX LT THIÊN PHÚC	Tổ 2 Ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè	30.533.027.357	0	6.106.605	0	**6.106.605**		
33	1200602638	CÔNG TY TNHH TMDVSX TUYÊN HUYỀN	Cụm công nghiệp An Thạnh, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	126.309.236	0	500.000	0	**500.000**		
34	1201659997	CÔNG TY TNHH ĐÌNH HIẾU	Xã hòa Khánh, huyện Cái Bè,tỉnh Tiền Giang	15.000.000.000	0	3.000.000	0	**3.000.000**		
35	1201662326	CÔNG TY TNHH HẠT NGỌC TG	xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	15.000.000.000	0	3.000.000	0	**3.000.000**		
36	1201657968	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG LỘC PHÁT CÁI BÈ	Số 68 Tổ 3 Khu 4, Thị trấn Cái Bè, Huyện Cái Bè	20.000.000.000	0	4.000.000	0	**4.000.000**		
37	1201659147	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC HỒNG TÂY	Ấp An Hiệp, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè	30.000.000.000	0	6.000.000	0	**6.000.000**		
38	1201663016	CÔNG TY TNHH TRÁI CÂY 001	Ấp 3, Xã Tân Hưng, Huyện Cái Bè	20.000.000.000	0	4.000.000	0	**4.000.000**		
39	1201665101	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU TRÁI CÂY TÀI THỦY	Ấp 2, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, TG	39.000.000.000	0	7.800.000	0	**7.800.000**		
40	1201667028	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN VẠN AN	Tổ 15, Ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè	30.000.000.000	0	6.000.000	0	**6.000.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
TỔNG						**458.450.463**	**352.062.500**	**810.512.963**		

PHỤ LỤC 9

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ CAI LẬY

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.640.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1201480950	CÔNG TY TNHH MAY MẶC ECO TANK	Ấp Quí Trinh, xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	46.550.650.825	1.688	9.310.130	118.160.000	**127.470.130**		
2	0100111948-101	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂY TIỀN GIANG	Số 560 Quốc Lộ 1A, Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang		121	500.000	8.470.000	**8.970.000**		
3	0100686174-268	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH THỊ XÃ CAI LẬY TIỀN GIANG	Quốc lộ 1, Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang		81	500.000	5.670.000	**6.170.000**		
4	1200353036	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TÂN	Khu phố 3, Phường 4, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	237.176.826.519	1857	47.435.365	129.990.000	**177.425.365**		
5	1200505472	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY	Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	98.325.982.520	117	19.665.197	8.190.000	**27.855.197**		
6	1200100412	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ TIỀN GIANG	Quốc lộ 1A, Ấp Quy Thạnh, Xã Tân Hội, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	19.698.736.900	25	3.939.747	1.750.000	**5.689.747**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
7	1200445311	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CALAPHARCO	Quốc lộ 1, Phường 4, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	49.603.815.326	34	9.920.763	2.380.000	**12.300.763**		
8	1200225806	CÔNG TY TNHH TƯ TÂN PHÚ	Khu phố Mỹ Thuận, Phường Nhị Mỹ, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	133.961.766.494	42	26.792.353	2.940.000	**29.732.353**		
9	1200530422	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH	Số 41 đường tỉnh 868, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	38.049.618.960	60	7.609.924	4.200.000	**11.809.924**		
10	1201106382	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE MÁY TRANG HOÀNG	Số 690/1 Khu phố 2, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	36.303.593.658	12	7.260.719	840.000	**8.100.719**		
11	1200547659	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÀNH TRUNG	Đường Phan Văn Khỏe, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	11.007.858.192	24	2.201.572	1.680.000	**3.881.572**		
12	1201448918	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUỐC TUẤN PHÁT	Số 01/21, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	5.861.626.830	1	1.172.325	70.000	**1.242.325**		
13	1201458313	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN VINH AN KHANG	Quốc lộ 1A, Ấp Mỹ An, Phường Nhị Mỹ, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	10.000.000.000	1	2.000.000	70.000	**2.070.000**		
14	1200359327	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY LẮP ĐIỆN XUÂN PHÁT	Số 82/2, Đường Thái Thị Kiều, Khu phố 2, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	27.174.282.590	233	5.434.857	16.310.000	**21.744.857**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
15	1200600528	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HIỆP THÀNH ĐẠT	Quốc lộ 1A, Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	21.240.014.137	1	4.248.003	70.000	**4.318.003**		
16	1201603169	CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y VÀ THỦY SẢN TIẾN ĐẠT	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	8.146.054.347	4	1.629.211	280.000	**1.909.211**		
17	1201605952	CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN CAI LẬY	Số 4/19 Đường 868, Phường 4, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	20.000.000.000	0	4.000.000	0	**4.000.000**		
18	0301175691-039	CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP.HCM - CO.OPMART CAI LẬY	Số 79, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	-	83	500.000	5.810.000	**6.310.000**		
19	1200224351	CTY TNHH MTV NGỌC ÂN	Ấp Quí Lợi, Xã Nhị Quý, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	7.665.963.458	34	1.533.193	2.380.000	**3.913.193**		
20	1200597716	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THUẬN PHÁT	Khu 7, Phường 2, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	9.176.064.783		1.835.213	0	**1.835.213**		
21	1200224552	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TẤN PHÁT	Ấp Quí Phước, Xã Nhị Quý, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	19.320.987.064	3	3.864.197	210.000	**4.074.197**		
22	1201639246	CÔNG TY TNHH HOÀNG NGUYÊN LAND	Khu phố 1, Phường 4, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	19.982.019.876	1	3.996.404	70.000	**4.066.404**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
23	3700501381-005	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH NAM HÀN TẠI MIỀN TÂY	Quốc lộ 1A, Ấp Quí Phước, Xã Nhị Quý, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	-	3	500.000	210.000	**710.000**		
24	1201644888	CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN ĐẠI GIA AN	Khu phố Mỹ Lợi, Phường Nhị Mỹ, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	19.901.402.800	0	3.980.281	0	**3.980.281**		
25	1201658601	CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ & XÂY DỰNG TECHCONS	Ấp Long Phước, Xã Mỹ Phước Tây, Thị xã Cai Lậy	37.919.722	0	500.000	0	**500.000**		
26	1200224898	CÔNG TY TNHH TIẾN THÀNH TIỀN GIANG	96/1 Đường Đoàn Thị Nghiệp, Khu phố 2, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	1	0	500.000	0	**500.000**		
27	1200789880	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOA NAM	Số 9/36 Phan Văn Kiêu, Phường 4, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	221.340.146		500.000	0	**500.000**		
28	0100686174-268	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH THỊ XÃ CAI LẬY TIỀN GIANG	Quốc lộ 1, Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang		81	500.000	5.670.000	**6.170.000**		
TỔNG						**171.829.453**	**315.420.000**	**487.249.453**		

PHỤ LỤC 10

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.250.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1201437426	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NICHIREI SUCO VIỆT NAM	Ấp Hòa Bình, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	170.332.390.354	70	34.066.478	4.375.000	**38.441.478**		
2	1201475421	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAY MẶC THIÊN QUANG	Số 49 Tỉnh Lộ 871, Tổ 2, Ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	69.506.290.572	143	13.901.258	8.937.500	**22.838.758**		
3	1201627184	CÔNG TY TNHH D.K GARMENT	Ấp Bồ Đề, Xã Kiểng Phước, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang	15.167.500.997	210	3.033.500	13.125.000	**16.158.500**		
4	1201624634	CÔNG TY TNHH RUNNING GLOBAL RUNNING	Lô 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24 Cụm Công nghiệp Gia Thuận, GCĐ, TG	1.246.792.648.437	5.938	100.000.000	371.125.000	**471.125.000**	Miễn	
5	1101294541	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ NAM SÀI GÒN	Số 406, ấp 6, Xã Tân Phước, Huyện Gò Công Đông	7.008.080.117.912		100.000.000	0	**100.000.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
6	1200498218	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NAM TUYỀN	Khu phố 2, Thị trấn Vàm Láng, Huyện Gò Công Đông	36.371.426.667	20	7.274.285	1.250.000	**8.524.285**		
7	1200673290	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÚ ĐẠT	ấp Bà Lãnh, Xã Tân Đông, Huyện Gò Công Đông	151.811.274.968	348	30.362.255	21.750.000	**52.112.255**		
8	1200922998	CÔNG TY CỔ PHẦN KHO CẢNG NGOẠI QUAN VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NAM SÔNG HẬU GÒ CÔNG	Ấp Đôi Ma, Xã Kiểng Phước, Huyện Gò Công Đông	494.355.191.361	49	98.871.038	3.062.500	**101.933.538**		
9	1201049416	CÔNG TY TNHH THỦY SẢN MINH THẮNG	Số 487 Khu phố 1, Thị trấn Vàm Láng, Huyện Gò Công Đông	216.875.981.103		43.375.196	0	**43.375.196**		
10	1201576116	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC LONG	Ấp Xóm Rẫy, Xã Kiểng Phước, Huyện Gò Công Đông	16.236.449.221		3.247.290	0	**3.247.290**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
11	1201646067	CÔNG TY TNHH TM DV XUẤT NHẬP KHẨU KIM XUYẾN	Ấp 4, Xã Tân Phước, Huyện Gò Công Đông	10.047.753.947	7	2.009.551	437.500	**2.447.051**		
12	1201649702	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG HCG TIỀN GIANG	Thửa đất số 3712, 3713 tờ bản đồ số TPC3, ấp 3, Xã Tân Phước, Huyện Gò Công Đông	1.895.154.545		500.000	0	**500.000**		
13	0100686174-266	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG TIỀN GIANG	Số 55, đường 862, Khu phố Dương Phú, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang		39	500.000	2.437.500	**2.937.500**		
14	0301103908-204	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN-CHI NHÁNH GÒ CÔNG ĐÔNG	999 Tổ 6, Khu phố 2, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang		21	500.000	1.312.500	**1.812.500**		
TỔNG						**437.640.852**	**427.812.500**	**865.453.352**		

PHỤ LỤC 11

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY VÀ HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.250.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	0302914426-002	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU HẰNG SAO SÁNG TẠI TIỀN GIANG	Ấp Thạnh Yên, Xã Thạnh Trị, Huyện Gò Công Tây	6.306.929.600	2	1.261.386	125.000	**1.386.386**		
2	0302914426-002	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU HẰNG SAO SÁNG TẠI TIỀN GIANG	Ấp Thạnh Yên, Xã Thạnh Trị, Huyện Gò Công Tây	6.306.929.600	2	1.261.386	125.000	**1.386.386**		
3	1200335090	CÔNG TY TNHH THẠNH NHỰT	Ấp Bình Tây, Xã Thạnh Nhựt, Huyện Gò Công Tây	5.657.883.433	6	1.131.577	375.000	**1.506.577**		
4	1200484712	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ-XÂY DỰNG QUAN PHÁT	22 Thiện Chí ấp Thượng Vĩnh Bình, , Huyện Gò Công Tây	16.641.574.900		3.328.315	0	**3.328.315**		
5	1200674495	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ-XÂY DỰNG PHƯỚC HÙNG	Ấp Thạnh Thới, Xã Đồng Sơn, Huyện Gò Công Tây	76.156.031.448	214	15.231.206	13.375.000	**28.606.206**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
6	1201054857	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HƯNG MINH	Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, Huyện Gò Công Tây	16.044.236.686	26	3.208.847	1.625.000	**4.833.847**		
7	1201276384	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG HÒA ĐỒNG	Số 641, Tổ 44, Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, Huyện Gò Công Tây	8.022.816.973	17	1.604.563	1.062.500	**2.667.063**		
8	1201432361	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NHỰA PHÁT THÀNH TIỀN GIANG	Đường Nguyễn Văn Côn, Khu phố 5, Thị trấn Vĩnh Bình, Huyện Gò Công Tây	243.014.495.186	417	48.602.899	26.062.500	**74.665.399**		
9	1201531901	CÔNG TY TNHH TOÀN THẮNG GÒ CÔNG	Ấp Thọ Khương, Xã Bình Phú, Huyện Gò Công Tây	4.989.529.360		997.906	0	**997.906**		
10	1201555236	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI GLOVIS	Đường huyện 18, Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, Huyện Gò Công Tây	9.514.830.345		1.902.966	0	**1.902.966**		
11	1201622700	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DUY QUANG LAND	Ấp Bình Tây, Xã Thạnh Nhựt, Huyện Gò Công Tây	10.000.000		500.000	0	**500.000**		
12	1201623091	CÔNG TY CP SX-TM-DV PHI CÁC	Đường Huyện 15, Ấp Long Bình, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây	27.621.364.390	60	5.524.273	3.750.000	**9.274.273**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
13	1201660142	CÔNG TY TNHH THUẬN HƯNG TG	Ấp Long Bình, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây	19.940.958.342		3.988.192	0	**3.988.192**		
14	0100686174-265	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN GÒ CÔNG TÂY TIỀN GIANG	61B Nguyễn Văn Côn, KP5, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang		51	500.000	3.187.500	**3.687.500**		
15	0100686174-261	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG TIỀN GIANG	Ấp Tân Phú, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang		16	500.000	1.000.000	**1.500.000**		
TỔNG						**89.543.516**	**50.687.500**	**140.231.016**		

UBND TỈNH TIỀN GIANG **BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 137 /KH-PCTT	*Tiền Giang, ngày 17 tháng 6 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Thu - nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang Quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang.

Trên cơ sở tổng hợp Kế hoạch thu - nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 của các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (TKCN) tỉnh Tiền Giang xây dựng Kế hoạch thu - nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai (gọi tắt là Quỹ) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân đối với nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang. Phục vụ chi cho công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Việc thu - nộp Quỹ phải đảm bảo đúng quy định, không được lạm thu và chiếm dụng Quỹ. Quản lý, sử dụng Quỹ phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng mục đích, kịp thời và hiệu quả.

II. ĐỐI TƯỢNG BẮT BUỘC ĐÓNG GÓP VÀ MỨC ĐÓNG GÓP QUỸ

1. Đối tượng

1.1. Đối tượng bắt buộc đóng góp Quỹ bao gồm:

- Các Tổ chức kinh tế hạch toán độc lập (gọi chung là doanh nghiệp) đang hoạt động và đóng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Đối tượng cá nhân: là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường.

1.2. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ:

Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ được thực hiện theo Điều 13, Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

1.3. Xét miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ:

- Căn cứ các quy định tại Điều 14, Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ thì Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm xác minh, thẩm tra, xét miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ theo quy định.

- Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ được thực hiện 1 lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ.

2. Mức đóng góp

2.1. Đối với các Tổ chức kinh tế hạch toán độc lập (doanh nghiệp):

Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng tối thiểu 500.000 đồng *(Năm trăm ngàn đồng),* tối đa là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

2.2. Đối với cá nhân: là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường:

Mức đóng góp cụ thể như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (cấp huyện), ở xã, phường, thị trấn (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

b) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp thì chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất. Mức lương tối thiểu vùng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ, Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Trong đó:

+ Vùng II gồm: thành phố Mỹ Tho và huyện Châu Thành (4.160.000 đồng/tháng);

+ Vùng III gồm: thành phố Gò Công, thị xã Cai Lậy, huyện Chợ Gạo, huyện Tân Phước (3.640.000 đồng/tháng);

+ Vùng IV gồm: huyện Cái Bè, huyện Cai Lậy, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, huyện Tân Phú Đông (3.250.000 đồng/tháng).

c) Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại điểm a, b khoản này, đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

3. Tổ chức thu và nộp Quỹ

3.1. Tổ chức thu:

- Cơ quan giúp việc quản lý Quỹ (Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh – Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT): tổ chức thu Quỹ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, lực lượng vũ trang, tổ chức.

- Cục Thuế tỉnh Tiền Giang:

+ Chủ trì, tổ chức thu Quỹ đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài (Doanh nghiệp, Cán bộ quản lý, người lao động trong doanh nghiệp) do Cục Thuế tỉnh quản lý.

+ Chỉ đạo Chi cục Thuế cấp huyện và khu vực phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Gò Công, thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho tổ chức thu Quỹ đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài (Doanh nghiệp, Cán bộ quản lý, người lao động trong doanh nghiệp) trên địa bàn cấp huyện do Chi cục Thuế quản lý.

- Cấp huyện: Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị, tổ chức thu Quỹ trên địa bàn quản lý, cụ thể như sau:

+ Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện và Phòng Kinh tế thành phố Gò Công, thị xã Cai Lậy, thành phố Mỹ Tho: tổ chức thu Quỹ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, lực lượng vũ trang, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài do cấp huyện quản lý và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn cấp huyện.

+ UBND xã, phường, thị trấn (cấp xã): tổ chức thu Quỹ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan do cấp xã quản lý và người lao động khác trên địa bàn xã (trừ các đối tượng là người lao động tại các doanh nghiệp).

3.2. Nộp Quỹ:

- Nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai bằng 02 hình thức: chuyển khoản hoặc nộp bằng tiền mặt. Việc thu - nộp Quỹ bằng tiền mặt phải sử dụng phiếu thu do Cơ quan quản lý Quỹ (Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh) phát hành.

- Tiền thu Quỹ phải được nộp vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai và được trích lại (không quá 5%) chi thù lao cho đơn vị, người trực tiếp đi thu.

- Tài khoản nộp Quỹ:

*** Cấp huyện:** Tài khoản nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp huyện được UBND tỉnh ủy quyền mở tại Kho bạc nhà nước cấp huyện sở tại, do Trưởng ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN cấp huyện làm chủ tài khoản, được sử dụng con dấu Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN huyện để giao dịch.

*** Cấp tỉnh:** Tài khoản nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang được mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Tiền Giang, do Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh làm chủ tài khoản và sử dụng con dấu của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh để giao dịch.

Tài khoản nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang như sau:

+ Nơi nhận: Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tiền Giang.

+ Địa chỉ: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

+ Mã quan hệ ngân sách: **9091203**.

+ Số tài khoản: **3761.0.9091203.91049** tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang.

+ Nội dung: Tên cơ quan (hoặc đơn vị) - Nộp Quỹ Phòng chống thiên tai năm 2024.

**** Lưu ý: các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập (doanh nghiệp) và các tổ chức, cá nhân khi nộp Quỹ phải ghi rõ tên cơ quan hoặc đơn vị của tổ chức nộp Quỹ, không ghi tên cá nhân nộp.***

4. Thời hạn nộp Quỹ

- Đối với các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập (doanh nghiệp): Nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước ngày **30/8/2024**, số còn lại nộp trước ngày **30/10/2024**.

- Đối với cá nhân: Nộp Quỹ một lần trước ngày **30/8/2024**.

III. CHỈ TIÊU THU NỘP - QUỸ

Chỉ tiêu thu - nộp Quỹ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2024 như sau:

1. Tổng số đối tượng xét miễn giảm, tạm hoãn là: 656.366 người.

Trong đó:

TT	Tên đơn vị	Số đối tượng miễn giảm, tạm hoãn là:			Ghi chú
		CB, CC, VC (người)	Lao động khác (người)	Tổng cộng (người)	
01	Thành phố Mỹ Tho	26	50.616	50.642	
02	Thành phố Gò Công	5	58.744	58.749	
03	Thị xã Cai Lậy	32	41.235	41.267	
04	Huyện Tân Phú Đông	10	27.296	27.306	

05	Huyện Gò Công Đông	02	44.130	44.132	
06	Huyện Gò Công Tây	38	103.718	103.756	
07	Huyện Chợ Gạo	10	32.597	32.607	
08	Huyện Châu Thành	10	78.637	78.629	
09	Huyện Tân Phước	0	20.181	20.181	
10	Huyện Cai Lậy	2	83.027	83.029	
11	Huyện Cái Bè	19	116.031	116.050	
12	Các Sở, ban ngành tỉnh	0	0	0	
Tổng cộng:		**154**	**656.212**	**656.366**	

2. Tổng số tiền phải thu Quỹ trên địa bàn tỉnh là: 43.264.559.198 đồng.

(Bốn mươi ba tỷ, hai trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn, một trăm chín mươi tám đồng).

Trong đó:

TT	Tên đơn vị	Số tiền thu Quỹ PCTT (đồng)	Ghi chú
01	Thành phố Mỹ Tho	3.561.285.610	Kế hoạch số 1960/KH-UBND ngày 15/5/2024 của UBND thành phố Mỹ Tho.
02	Thành phố Gò Công	668.838.571	Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 31/5/2024 của UBND thành phố Gò Công.
03	Thị xã Cai Lậy	1.339.529.895	Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/4/2024 của UBND thị xã Cai Lậy.
04	Huyện Tân Phú Đông	636.629.332	Kế hoạch số 05/KH-BCH ngày 25/4/2024 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện Tân Phú Đông.
05	Huyện Gò Công Đông	2.639.294.152	Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 30/5/2024 của UBND huyện Gò Công Đông.
06	Huyện Gò Công Tây	737.073.155	Kế hoạch số 03/KH-BCH ngày 16/5/2024 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện Gò Công Tây.
07	Huyện Chợ Gạo	1.827.612.383	Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 24/5/2024 của UBND huyện Chợ Gạo.
08	Huyện Châu Thành	1.197.620.167	Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 4/6/2024 của UBND huyện Châu Thành.
09	Huyện Tân Phước	608.083.860	Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 17/4/2024 của UBND huyện Tân Phước.
10	Huyện Cai Lậy	1.629.291.388	Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 16/5/2024 của UBND huyện Cai Lậy.
11	Huyện Cái Bè	2.881.059.597	Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 16/4/2024 của UBND huyện Cái Bè.
12	Các Sở, ban ngành tỉnh	413.626.023	Kèm theo danh sách các Sở, ban ngành tỉnh đăng ký kế hoạch thu-nộp Quỹ PCTT

			của cán bộ, công chức, viên chức (**Bảng phụ lục 1**)
13	Các tổ chức hạch toán độc lập	25.124.615.065	Kèm theo danh sách các tổ chức hạch toán độc lập (**Phụ lục 2-11**)
Tổng cộng:		**43.264.559.198**	

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI CÔNG TÁC THU - NỘP QUỸ

Chế độ báo cáo và công khai nguồn thu - nộp Quỹ được thực hiện theo Điều 20 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai thông báo các đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn và chỉ tiêu thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt đến các cơ quan, đơn vị, địa phương để tiến hành thực hiện thu - nộp.

2. Cục Thuế tỉnh chủ trì, tổ chức thu Quỹ đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài (Doanh nghiệp, Cán bộ quản lý, người lao động trong doanh nghiệp) do Cục Thuế tỉnh quản lý; chỉ đạo Chi cục Thuế cấp huyện và khu vực phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Gò Công, thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho tổ chức thu Quỹ của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài (Doanh nghiệp, Cán bộ quản lý, người lao động trong doanh nghiệp) trên địa bàn cấp huyện do Chi cục Thuế quản lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, căn cứ đối tượng, mức đóng góp Quỹ và các đối tượng được miễn giảm, tạm hoãn đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý, xây dựng kế hoạch và tổ chức thu - nộp; đồng thời báo cáo gửi cơ quan quản lý Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh để tổng hợp, theo dõi và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh, phối hợp Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai; đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiêm túc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

5. Việc tổ chức thu Quỹ phải đảm bảo đúng đối tượng, không thu chồng chéo, trùng lắp đối tượng nộp Quỹ giữa các cơ quan, đơn vị tổ chức thu Quỹ; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng chiếm dụng Quỹ.

6. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, lực lượng vũ trang, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, UBND cấp huyện, cấp xã, các doanh nghiệp và cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc thu - nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai và công khai kết quả thực hiện theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị và địa phương có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản về Ban Chỉ huy Phòng,

chống thiên tai và TKCN tỉnh ***(Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Điện thoại: 0273.3855108)*** để phối hợp giải quyết theo thẩm quyền hoặc xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:
- Ban CĐ QG về PCTT (thay báo cáo);
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Cục Thuế tỉnh (phối hợp);
- Trưởng, phó BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Quỹ PCTT tỉnh;
- Các sở ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các cơ quan ngành dọc tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Văn phòng TT BCH PCTT&TKCN các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, QLĐĐ.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN
TỈNH TIỀN GIANG

Nguyễn Văn Mẫn

PHỤ LỤC 1
KẾ HOẠCH THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2024
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC CẤP TỈNH VÀ NGÀNH DỌC

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Lương cơ sở (Lcs) : 1.800.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
I	**CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH**	**5.847**	**190.618.409**	**231.504.545**
1	**Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tiền Giang**	**37**	**1.252.955**	**1.513.636**
2	**Văn phòng UBND tỉnh**	**187**	**6.332.500**	**7.650.000**
	- Văn phòng	84	2.844.545	3.436.364
	- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh Tiền Giang	17	575.682	695.455
	- Trung tâm Hội nghị tỉnh Tiền Giang	86	2.912.273	3.518.182
3	**Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn**	**307**	**10.396.136**	**12.559.091**
	- Văn Phòng Sở Nông nghiệp & PTNT	48	1.625.455	1.963.636
	- Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp Tiền Giang	53	1.794.773	2.168.182
	- Chi cục Thủy lợi	40	1.354.545	1.636.364
	- Chi cục Phát triển nông thôn	16	541.818	654.545
	- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	15	507.955	613.636

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
	- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	18	609.545	736.364
	- Chi cục Thủy sản	24	812.727	981.818
	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y	38	1.286.818	1.554.545
	- Ban Quản lý khu bảo tồn sinh thái ĐTM	11	372.500	450.000
	- Ban Quản lý Cảng cá	44	1.490.000	1.800.000
4	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**104**	**3.521.818**	**4.254.545**
	- Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	50	1.693.182	2.045.455
	- Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	24	812.727	981.818
	- Trung tâm GDTX tỉnh Tiền Giang	23	778.864	940.909
	- Trung tâm Hỗ trợ công tác thư viện, thiết bị và giáo dục ngoài giờ tỉnh Tiền Giang	7	237.045	286.364
5	**Sở Y tế**	**1.755**	**59.430.682**	**71.795.455**
	- Văn phòng Sở Y tế	35	1.185.227	1.431.818
	- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	12	406.364	490.909
	- Bệnh viện đa khoa Tiền Giang	1.212	41.042.727	49.581.818
	- Bệnh viện Tâm thần	188	6.366.364	7.690.909

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
	- Bệnh viện mắt Tiền Giang	53	1.794.773	2.168.182
	- Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật	146	4.944.091	5.972.727
	- Trung tâm Pháp y	17	575.682	695.455
	- Trung tâm Giám định Y Khoa	21	711.136	859.091
	- Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Tiền Giang	57	1.930.227	2.331.818
	- Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	14	474.091	572.727
6	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**	**304**	**10.294.545**	**12.436.364**
	- Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và XH	51	1.727.045	2.086.364
	- Trung tâm Công tác xã hội Tiền Giang	89	3.013.864	3.640.909
	- Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	8	270.909	327.273
	- Cơ sở cai nghiện ma túy	102	3.454.091	4.172.727
	- Ban Quản lý nghĩa trang và dịch vụ mai táng, hỏa táng	19	643.409	777.273
	- Trung tâm dịch vụ việc làm	35	1.185.227	1.431.818
7	**Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch**	**309**	**10.463.864**	**12.640.909**
	- Văn phòng Sở Văn hóa - Thể thao và DL	44	1.490.000	1.800.000

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
	- Bảo tàng Tiền Giang	47	1.591.591	1.922.727
	- Thư viện Tiền Giang	19	643.409	777.273
	- Trung tâm đào tạo huấn luyện và Thi đấu TDTT	121	4.097.500	4.950.000
	- Trung tâm Văn hóa nghệ thuật	62	2.099.545	2.536.364
	- Trung tâm Phát triển DL	16	541.818	654.545
8	**Sở Tài nguyên và Môi trường**	**554**	**18.760.455**	**22.663.636**
	- Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	52	1.760.909	2.127.273
	- Trung tâm Công nghệ thông tin	13	440.227	531.818
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất	11	372.500	450.000
	- Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh	459	15.543.409	18.777.273
	- Trung tâm Quan trắc MT và TN	19	643.409	777.273
9	**Sở Nội vụ**	**78**	**2.641.364**	**3.190.909**
	- Văn phòng Sở Nội vụ	37	1.252.955	1.513.636
	- Ban Tôn giáo	13	440.227	531.818
	- Ban Thi đua khen thưởng	13	440.227	531.818

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
	- Trung tâm Lưu trữ lịch sử	15	507.955	613.636
10	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**	**46**	**1.557.727**	1.881.818
11	**Sở Tài chính**	**63**	**2.133.409**	2.577.273
12	**Sở Tư pháp**	**55**	**846.591**	**2.250.000**
	- Văn phòng Sở Tư pháp	30		1.227.273
	- Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh Tiền Giang	11	372.500	450.000
	- Phòng công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang	14	474.091	572.727
13	**Sở Công thương**	**66**	**2.235.000**	**2.700.000**
	- Văn phòng Sở Công thương	41	1.388.409	1.677.273
	- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	25	846.591	1.022.727
14	**Sở Xây dựng**	**67**	**2.268.864**	**2.740.909**
	- Văn phòng Sở Xây dựng	31	1.049.773	1.268.182
	- Thanh tra xây dựng	12	406.364	490.909
	- Trung tâm Kiến trúc - Quy hoạch và Tư vấn Xây dựng Tiền Giang	24	812.727	981.818
15	**Sở Giao thông Vận tải**	**219**	**7.416.136**	**8.959.091**

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
	- Văn phòng Sở Giao thông Vận tải	30	1.015.909	1.227.273
	- Thanh tra Giao thông Vận tải	47	1.591.591	1.922.727
	- Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Tiền Giang	16	541.818	654.545
	- Đoạn Quản lý giao thông	88	2.980.000	3.600.000
	- Cảng vụ đường thủy nội địa	19	643.409	777.273
	- Ban An toàn giao thông tỉnh Tiền Giang	6	203.182	245.455
	- Bến xe Tiền Giang	13	440.227	531.818
16	**Sở Khoa học và Công Nghệ**	**102**	**3.454.091**	**4.172.727**
	- Văn phòng Sở Khoa học và Công Nghệ	25	846.591	1.022.727
	- Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	14	474.091	572.727
	- Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ	44	1.490.000	1.800.000
	- Trung tâm Kỹ thuật và công nghệ sinh học	19	643.409	777.273
17	**Sở Thông tin và Truyền thông**	**50**	**1.693.182**	**2.045.455**
	-Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông	31	1.049.773	1.268.182
	-Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	19	643.409	777.273

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
18	**Ban Quản lý các Khu công nghiệp**	**67**	**2.268.864**	**2.740.909**
	- Văn phòng Ban Quản lý các KCN	23	778.864	940.909
	- Công ty Phát triển hạ tầng các khu công nghiệp	44	1.490.000	1.800.000
19	**Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tiền Giang**	**12**	**406.364**	490.909
20	**Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang**	**104**	**3.521.818**	4.254.545
21	**Trường Chính trị**	**49**	**1.659.318**	2.004.545
22	**Trường Cao đẳng Tiền Giang**	**188**	**6.366.364**	7.690.909
23	**Trường Cao đẳng Y tế**	**90**	**3.047.727**	3.681.818
24	**Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ**	**68**	**2.302.727**	2.781.818
25	**Trường trung học phổ thông Chuyên Tiền Giang**	**85**	**2.878.409**	3.477.273
26	**Trường trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu**	**108**	**3.657.273**	4.418.182
27	**Trường THPT Trần Hưng Đạo**	**94**	**3.183.182**	3.845.455
28	**Đại học Tiền Giang**	**381**	**12.902.045**	15.586.364
29	**Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông**	**31**	**1.049.773**	1.268.182
30	**Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình NN và PTNT**	**25**	**846.591**	1.022.727

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
31	**Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình DD và CN TG**	**54**	**1.828.636**	2.209.091
II	**CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP**	**752**	**26.447.500**	**32.031.818**
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang	23	1.320.682	940.909
2	Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Tiền Giang	21	711.136	859.091
	- Văn phòng Hội Nông dân	16	541.818	654.545
	- Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân	2	67.727	81.818
	- Quỹ Hỗ trợ nông dân	3	101.591	122.727
3	Hội Cựu chiến binh	2	67.727	81.818
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Tiền Giang	20	677.273	818.182
5	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Tiền Giang	20	67.727	818.182
	- Văn phòng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Tiền Giang	18		736.364
	- Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên Tiền Giang	1	33.864	40.909
	- Nhà thiếu nhi tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
6	Hội Chữ thập đỏ	9	304.773	368.182
7	Liên minh hợp tác xã tỉnh Tiền Giang	11	372.500	450.000

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
8	Công đoàn Viên chức	2	67.727	81.818
9	Công đoàn ngành Nông nghiệp và PTNT	1	33.864	40.909
10	Quỹ Bảo trợ trẻ em	3	101.591	122.727
11	Công đoàn ngành Công Thương tỉnh Tiền Giang	2	67.727	81.818
12	Hội Khuyến học tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
13	Công đoàn các khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang	4	135.455	163.636
14	Liên đoàn Lao động tỉnh Tiền Giang	24	812.727	981.818
15	Tòa soạn báo Ấp Bắc	31	1.049.773	1.268.182
16	Nông trường 26-6	3	101.591	122.727
17	Công đoàn ngành y tế tỉnh Tiền Giang	2	67.727	81.818
18	Công đoàn ngành giáo dục tỉnh Tiền Giang	3	101.591	122.727
19	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tiền Giang	7	237.045	286.364
20	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Tiền Giang	5	169.318	204.545
21	Hội Luật gia tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
22	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Tiền Giang	2	67.727	81.818

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
23	Tỉnh hội Đông Y Tiền Giang	2	67.727	81.818
24	Chi cục Đăng kiểm số 18	26	880.455	1.063.636
25	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang	2	67.727	81.818
26	Hội Nạn nhân chất độc màu da cam tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
27	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
28	Câu lạc bộ hưu trí tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
29	Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Tiền Giang	2	67.727	81.818
30	Ban Liên lạc cựu tù kháng chiến tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
31	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	12	406.364	490.909
32	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang	1	33.864	40.909
33	Trung tâm Mua sắm tập trung tỉnh Tiền Giang	17	575.682	695.455
34	Trung tâm Ứng dụng khoa học kỹ thuật và Dịch vụ Bảo hộ lao động	3	101.591	122.727
35	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang	11	372.500	450.000
36	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch giao thông thủy bộ	38	1.286.818	1.554.545
37	Trung tâm Đăng kiểm tàu cá (Chi cục Thủy sản)	10	338.636	409.091

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
38	Trung tâm Bảo vệ thực vật các tỉnh phía Nam	26	880.455	1.063.636
39	Viện cây ăn quả Miền Nam	87	2.946.136	3.559.091
40	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Tiền Giang	127	4.300.682	5.195.455
41	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Tiền Giang	26	880.455	1.063.636
42	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang	23	778.864	940.909
43	Cục Quản lý thị trường	70	2.370.455	2.863.636
44	Quỹ hỗ trợ Phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang	85	2.878.409	3.477.273
45	Văn Phòng quản lý đường bộ IV.3	14	474.091	572.727
III	**CƠ QUAN ĐẢNG CẤP TỈNH**	**167**	**5.655.227**	**6.831.818**
1	Đảng bộ Khối cơ quan và Doanh nghiệp	25	846.591	1.022.727
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	24	812.727	981.818
3	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	16	541.818	654.545
4	Ban Dân vận Tỉnh ủy	10	338.636	409.091
5	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	26	880.455	1.063.636
6	Ban Nội chính Tỉnh ủy	12	406.364	490.909

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
7	Văn phòng Tỉnh ủy	54	1.828.636	2.209.091
IV	**CƠ QUAN NGÀNH DỌC**	**1.762**	**59.667.727**	**72.081.818**
1	Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang	166	5.621.364	6.790.909
2	Ngân hàng Nhà nước tỉnh Tiền Giang	73	2.472.045	2.986.364
3	Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tiền Giang	151	5.113.409	6.177.273
4	CN Ngân Hàng TMCP Công Thương Tiền Giang	148	5.011.818	6.054.545
5	Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT tỉnh Tiền Giang	73	2.472.045	2.986.364
6	Cục Thuế tỉnh Tiền Giang	616	20.860.000	25.200.000
7	Bảo hiểm xã hội tỉnh Tiền Giang	220	7.450.000	9.000.000
8	Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang	71	2.404.318	2.904.545
9	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang	76	2.573.636	3.109.091
10	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang	34	1.151.364	1.390.909
11	Kiểm toán nhà nước khu vực IV	62	2.099.545	2.536.364
12	Thanh tra tỉnh	41	1.388.409	1.677.273
13	Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang	31	1.049.773	1.268.182

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Tính lại theo mức LCS 1.800.000
V	**LỰC LƯỢNG VŨ TRANG**		**131.237.159**	
1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		10.463.000	
2	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh		3.896.923	
3	Công an tỉnh		116.877.236	
	TỔNG CỘNG		**413.626.023**	

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 4.160.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1800155156-010	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 622 - CƠ SỞ XI MĂNG ĐỒNG TÂM	Khu Quân sự Đồng Tâm, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang		30	500.000	2.400.000	**2.900.000**		
2	4500243128-004	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC NAM TRUNG BỘ XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC KIM SƠN	Ấp Tây, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang		8	500.000	640.000	**1.140.000**		
3	0305140259-026	TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO TỰ TẠO VIỆC LÀM	ấp Bình Thới A, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang		495	500.000	39.600.000	**40.100.000**		
4	1200663398	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC THIÊN THẠCH	Lô BI-1 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	16.859.330.264	15	3.371.866	1.200.000	**4.571.866**		
5	1200665148	CÔNG TY TNHH TONG WEI VIỆT NAM	Lô BII 1, BII 2, BII 3, BII 4, BII 5, BII 6, BII 7 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	917.225.581.458	529	100.000.000	42.320.000	**142.320.000**		
6	1200699595	CÔNG TY TNHH LONG JI	Lô A IV-11 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	73.863.044.295	6	14.772.609	480.000	**15.252.609**		
7	1201050637	CÔNG TY TNHH NHỰA VIỆT HOA	Lô AIV-12 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	122.505.130.782	223	24.501.026	17.840.000	**42.341.026**		
8	1201067775	CÔNG TY TNHH QUẢNG VIỆT (TIỀN GIANG)	Lô KI-1,2 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	824.053.629.598	6.873	100.000.000	549.840.000	**649.840.000**		
9	1201067782	CÔNG TY TNHH COUNT VINA	Lô A II-9-10-11-12 Khu Công nghiệp, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	198.409.747.411	2.031	39.681.949	162.480.000	**202.161.949**		
10	1201073419	CÔNG TY TNHH DỤ ĐỨC VIỆT NAM	Lô BIV, CI-10, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	3.308.213.449.600	15.245	100.000.000	1.219.600.000	**1.319.600.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
11	1201075381	CÔNG TY TNHH FREEVIEW INDUSTRIAL (VIỆT NAM)	Lô AII-1-8, AIII-6, AIV-1-9, AV-5,6, Khu công nghiệp Tân Hươ, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	2.005.260.382.655	23.712	100.000.000	1.896.960.000	**1.996.960.000**		
12	1201079273	CTy TNHH Túi Xách SIMONE Việt Nam TG	Lô AI, AI-1, AVI, AVII, KII-1 KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	1.098.385.056.969	10.043	100.000.000	803.440.000	**903.440.000**		
13	1201085742	CÔNG TY TNHH HANSAE TG	Lô BIII, BIII-25, BIII-26 (Viết tắt là Lô BIII), Khu công ng, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	902.325.967.249	6.118	100.000.000	489.440.000	**589.440.000**		
14	1201123959	CÔNG TY TNHH BAO BÌ CÔNG NGHỆ BELLA VIỆT NAM	Lô BI-2, Khu công nghiệp Tân Hương, Xã Tân Hương, Huyện Châ, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	178.754.502.269	102	35.750.900	8.160.000	**43.910.900**		
15	1201160100	CÔNG TY TNHH MTV KAP VINA	Lô BI-5-6-7-8, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	113.031.217.295	591	22.606.243	47.280.000	**69.886.243**		
16	1201162080	CÔNG TY TNHH MASTER C&D (VIỆT NAM)	Lô BI-3, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	57.333.385.448	200	11.466.677	16.000.000	**27.466.677**		
17	1201183796	CÔNG TY TNHH MAY MẶC KING HAMM INDUSTRIAL	Lô AI, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	186.294.895.963	1.512	37.258.979	120.960.000	**158.218.979**		
18	1201323443	CÔNG TY TNHH BAO BÌ QUỐC TẾ THUẬN PHONG	Lô AIV-14 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	139.850.189.243	222	27.970.038	17.760.000	**45.730.038**		
19	1201344700	CÔNG TY TNHH TOYONAGA (MEKONG)	Lô A VIII, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	44.959.882.551	134	8.991.977	10.720.000	**19.711.977**		
20	1201418945	CÔNG TY TNHH EMIVEST FEEDMILL (TG) VIỆT NAM	Lô AV-1,2,3,4,7 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	2.601.217.655.694	659	100.000.000	52.720.000	**152.720.000**		
21	1201449742	CÔNG TY TNHH GREEN TG	Lô AIII-11 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	149.135.243.456	1127	29.827.049	90.160.000	**119.987.049**		
22	1201485042	CÔNG TY TNHH YMUV	Lô AIII-1,5 Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	611.075.903.208	5.649	100.000.000	451.920.000	**551.920.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
23	1201536843	CÔNG TY TNHH IL SUNG TG	Lô BIII-25, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	15.607.152.163	148	3.121.430	11.840.000	**14.961.430**		
24	1200650663	CÔNG TY CỔ PHẦN TEX- GIANG	Lô BII-8, đường D3, Khu Công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	830.044.367.100	3934	100.000.000	314.720.000	**414.720.000**		
25	1200686966	CÔNG TY TNHH TTG	Lô BI-4, khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	77.477.386.592	75	15.495.477	6.000.000	**21.495.477**		
26	1201626889	CTY CP ĐIỆN MẶT TRỜI TG	Lô BII-8, Đường D3, Khu công nghiệp Tân Hương, huyện Châu Thành	44.812.938.392	2	8.962.588	160.000	**9.122.588**		
27	0307216418-001	CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT SƠN ÂU VIỆT-TIỀN GIANG	Lô CII-4 KCN Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	15.931.970.176	17	3.186.394	1.360.000	**4.546.394**		
28	1201659901	CÔNG TY TNHH SX TM&DV HƯNG LONG	ô BI-2 Khu công nghiệp Tân Hương, huyện Châu Thành, Tiền Giang	4.210.487.158	2	842.097	160.000	**1.002.097**		
29	1201496848	CÔNG TY TNHH Ô TÔ QUỐC THẮNG	ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	14.975.607.616	44	2.995.122	3.520.000	**6.515.122**		
30	1200100123	CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ TIỀN GIANG	Km 1977 Quốc lộ 1, Xã Long Định, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	260.705.669.158	423	52.141.134	33.840.000	**85.981.134**		
31	1200508593	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH TRUNG	Ấp Đông, Xã Long Định, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	19.903.724.900	8	3.980.745	640.000	**4.620.745**		
32	1200253271	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẮNG LỢI PHÚ CHÂU	Ấp 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	16.850.921.942	3	3.370.184	240.000	**3.610.184**		
33	1201604268	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI 63-03D	Ấp Đông B, Xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	6.699.237.443	0	1.339.847	0	**1.339.847**		
34	1201538551	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ VẬN TẢI THUẬN THÀNH PHONG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	93.047.601.260	44	18.609.520	3.520.000	**22.129.520**		
35	1201600658	CÔNG TY TNHH Ô TÔ XE MÁY TIỀN GIANG	Ấp 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	105.549.373.054	127	21.109.875	10.160.000	**31.269.875**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
36	0313632374	CÔNG TY TNHH BẮC KIM THANG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	23.328.739.908	0	4.665.748	0	**4.665.748**		
37	1200252302	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CỬU LONG	Ấp Hưng, Xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	7.899.690.104	33	1.579.938	2.640.000	**4.219.938**		
38	1201649741	CÔNG TY CỔ PHẦN XNK PHÂN THUỐC VÀ NÔNG SẢN SẠCH TAM NÔNG PHÁT	Ấp Thuận, Xã Dưỡng Điềm, Huyện Châu Thành, TG	94.957.595.564	0	18.991.519	0	**18.991.519**		
39	0310529019-008	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG PHƯƠNG TẠI TIỀN GIANG - CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 5	Quốc lộ 1, Ấp Đông, Xã Long Định, Huyện Châu Thành	28.284.495	0	500.000	0	**500.000**		
40	1201662703	CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ MEKONG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành	215.241.019.446	1	43.048.204	80.000	**43.128.204**		
41	1201665535	CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN TAM HIỆP LAND	Số 166 Tổ 4, Ấp Long Bình B, Xã Long Hưng, Huyện Châu Thành	29.997.000.000	0	5.999.400	0	**5.999.400**		
42	1201401116	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRẦN MINH CẨM	Ấp Hưng, Xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	10.686.321.865	5	2.137.264	400.000	**2.537.264**		
43	1200253539	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TMDV XĂNG DẦU CHÂU THÀNH	Ấp Hòa, xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	994.142.542.542	319	100.000.000	25.520.000	**125.520.000**		
44	1200437039	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG PHƯƠNG	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	97.770.269.795	19	19.554.054	1.520.000	**21.074.054**		
45	1200798606	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM PHƯỚC THÀNH	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	18.705.078.238	7	3.741.016	560.000	**4.301.016**		
46	1201070665	CÔNG TY TNHH HỮU TIỀN	Ấp Bắc B, xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	4.052.936.676	4	810.587	320.000	**1.130.587**		
47	1201670729	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TÂN THUẬN THÀNH PHONG	Ấp 1, xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	26.919.770.360	7	5.383.954	560.000	**5.943.954**		
48	1201675702	CÔNG TY TNHH SX TM DV XUẤT NHẬP KHẨU DỪA VIỆT	Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh tiền Giang	25.000.000.000	0	5.000.000	0	**5.000.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
49	1200527564	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THUẬN TIỀN	Số 207 ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	173.005.978.240	52	34.601.196	4.160.000	**38.761.196**		
50	1200541784	CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU HỒNG ĐỨC	Số 206 đường Tỉnh 864, ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	2.002.368.369.160	138	100.000.000	11.040.000	**111.040.000**		
51	1200667963	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU VẠN ĐỨC TIỀN GIANG	Ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	2.497.684.418.410	3942	100.000.000	315.360.000	**415.360.000**		
52	1200459057	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÔNG TIỀN	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	65.075.104.340	38	13.015.021	3.040.000	**16.055.021**		
53	1200648505	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY NƯỚC ĐỒNG TÂM	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	587.450.282.940	38	100.000.000	3.040.000	**103.040.000**		
54	1200571203	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THỰC PHẨM Á CHÂU	Ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	170.019.920.250	853	34.003.984	68.240.000	**102.243.984**		
55	1200657958	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỮU BIỀN	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	254.311.616.540	134	50.862.323	10.720.000	**61.582.323**		
56	1200670740	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN NGỌC XUÂN	Ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	104.827.821.890	148	20.965.564	11.840.000	**32.805.564**		
57	1201079435	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỦY SẢN ĐẠI ĐẠI THÀNH	Ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	239.248.213.530	571	47.849.643	45.680.000	**93.529.643**		
58	1200631935	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI THÀNH	Ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	1.910.152.533.180	1215	100.000.000	97.200.000	**197.200.000**		
59	1200469792	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN DŨNG	Ấp Hội, Xã Kim Sơn, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	62.003.419.430	106	12.400.684	8.480.000	**20.880.684**		
60	1200536671	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ	Ấp Hội, Xã Kim Sơn, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	332.394.968.370	185	66.478.994	14.800.000	**81.278.994**		
61	1200739216	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHƯỚC ĐẠT	ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	172.146.307.160	19	34.429.261	1.520.000	**35.949.261**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
62	1200731545	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI HƯNG	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	165.331.068.710	13	33.066.214	1.040.000	**34.106.214**		
63	1200530447	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUỐC VƯƠNG	Ấp Tân Thuận B, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	56.588.336.210	2	11.317.667	160.000	**11.477.667**		
64	1200513096	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XNK NÔNG THỦY HẢI SẢN NGUYÊN TRÂN	Số 407/2 ấp Tân Thuận A, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	57.591.905.350	1	11.518.381	80.000	**11.598.381**		
65	1200649033	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VĨNH THUẬN	Số 205 ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	49.725.296.240	67	9.945.059	5.360.000	**15.305.059**		
66	1201465991	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT DẦU KHÍ VIỆT	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	17.415.578.893	0	3.483.116	0	**3.483.116**		
67	1200671085	CÔNG TY TNHH GẠCH NGỌC QUI	Số 179A ấp Tân Thuận B, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	41.157.362.750	15	8.231.473	1.200.000	**9.431.473**		
68	1200105072	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHƯƠNG HỮU	ấp Đông Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	71.504.247.980	37	14.300.850	2.960.000	**17.260.850**		
69	1200252341	CTY TNHH 1 THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC NAM THÀNH	ấp Tân Thuận - Bình Đức, , Huyện Châu Thành, Tiền Giang	13.992.413.625	0	2.798.483	0	**2.798.483**		
70	1200510955	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THIÊN PHÚ PHÁT	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	27.397.885.040	4	5.479.577	320.000	**5.799.577**		
71	1201483775	CÔNG TY TNHH SX TM DV CÁT TIÊN DUNG	Ấp Tây, Xã Kim Sơn, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	12.924.163.790	35	2.584.833	2.800.000	**5.384.833**		
72	1200653343	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIÊN PHÁT	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	214.215.679.210	56	42.843.136	4.480.000	**47.323.136**		
73	1200658486	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI TÂN BÌNH AN	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	83.514.604.900	21	16.702.921	1.680.000	**18.382.921**		
74	1200665412	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỦY SẢN THIÊN HÀ	Lô B21 Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	49.000.000.000	0	9.800.000	0	**9.800.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
75	1200551486	CÔNG TY TNHH NGUYỄN QUANG	ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	23.059.775.940	14	4.611.955	1.120.000	**5.731.955**		
76	1200602388	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU KIM SƠN	ấp Hội, Xã Kim Sơn, , Huyện Châu Thành, Tiền Giang	13.630.430.460	0	2.726.086	0	**2.726.086**		
77	1201285251	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LƯƠNG THỰC TRƯỜNG PHÁT	Ấp Phú Hòa, Xã Phú Phong, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	25.850.921.232	15	5.170.184	1.200.000	**6.370.184**		
78	0313147025	CÔNG TY TNHH FANTA 4	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	20.000.000.000	0	4.000.000	0	**4.000.000**		
79	1201660914	CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THÔ DNP-SÔNG TIỀN	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	22.000.025.000	0	4.400.005	0	**4.400.005**		
80	0312824612	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẮNG THẮNG PHÁT	Ấp Tây Hòa, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	139.457.445.730	43	27.891.489	3.440.000	**31.331.489**		
81	1201666867	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRÁI CÂY VẠN XUÂN PHÁT GROUP	Ấp Tây, Xã Kim Sơn, Huyện Châu Thành	2.856.372.810	0	571.275	0	**571.275**		
82	1201582582	CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁT TƯỜNG TIỀN GIANG	Ấp Tây, Xã Kim Sơn, Huyện Châu Thành	77.484.255.020	181	15.496.851	14.480.000	**29.976.851**		
83	1201496848	CÔNG TY TNHH Ô TÔ QUỐC THẮNG	ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	18.459.273.006	33	3.691.855	2.640.000	**6.331.855**		
84	1200100123	CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ TIỀN GIANG	Km 1977 Quốc lộ 1, Xã Long Định, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	238.958.218.492	483	47.791.644	38.640.000	**86.431.644**		
85	1200508593	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH TRUNG	Ấp Đông, Xã Long Định, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	19.967.571.141	35	3.993.514	2.800.000	**6.793.514**		
86	1201029466	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÒA PHÁT	Ấp Tây 1, Xã Long Định, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	4.456.008.775	3	891.202	240.000	**1.131.202**		
87	1200253271	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẮNG LỢI PHÚ CHÂU	Ấp 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	16.674.564.316	3	3.334.913	240.000	**3.574.913**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
88	1201240469	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ ANH TG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	9.000.000.000	0	1.800.000	0	**1.800.000**		
89	1201604268	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI 63-03D	Ấp Đông B, Xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	6.699.237.443	11	1.339.847	880.000	**2.219.847**		
90	1201538551	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ VẬN TẢI THUẬN THÀNH PHONG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	56.346.968.939	53	11.269.394	4.240.000	**15.509.394**		
91	1201600658	CÔNG TY TNHH Ô TÔ XE MÁY TIỀN GIANG	Ấp 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	94.143.010.000	101	18.828.602	8.080.000	**26.908.602**		
92	0313632374	CÔNG TY TNHH BẮC KIM THANG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	51.442.819.930	5	10.288.564	400.000	**10.688.564**		
93	1200252302	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CỬU LONG	Ấp Hưng, Xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	7.491.988.486	33	1.498.398	2.640.000	**4.138.398**		
94	1201649741	CÔNG TY CỔ PHẦN XNK PHÂN THUỐC VÀ NÔNG SẢN SẠCH TAM NÔNG PHÁT	Ấp Thuận, Xã Dưỡng Điềm, Huyện Châu Thành, TG	94.957.435.136	0	18.991.487	0	**18.991.487**		
95	1300403932-008	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HUỲNH THÀNH - CHÂU THÀNH TIỀN GIANG	Thửa đất 385, 2414, 2415 Ấp Đông B, Xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành, Tiền Giang			500.000	0	**500.000**		
96	0310529019-008	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG PHƯƠNG TẠI TIỀN GIANG - CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 5	Quốc lộ 1, Ấp Đông, Xã Long Định, Huyện Châu Thành	303.021.729	3	500.000	240.000	**740.000**		
97	1201662703	CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ MEKONG	Ấp 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành	108.364.615.982	1	21.672.923	80.000	**21.752.923**		
98	1201665535	CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN TAM HIỆP LAND	Số 166 Tổ 4, Ấp Long Bình B, Xã Long Hưng, Huyện Châu Thành	30.000.000.000	0	6.000.000	0	**6.000.000**		
99	1201668705	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÉP CHÂU THÀNH	Số 155 Quốc lộ 1A, Xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành			500.000	0	**500.000**		
100	1201401116	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRẦN MINH CẦM	Ấp Hưng, Xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	9.725.965.410	5	1.945.193	400.000	**2.345.193**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
101	1200253539	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TMDV XĂNG DẦU CHÂU THÀNH	Ấp Hòa, xã Nhị Bình, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	880.115.542.915	299	100.000.000	23.920.000	**123.920.000**		
102	1200437039	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG PHƯƠNG	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	55.448.856.413	0	11.089.771	0	**11.089.771**		
103	1200798606	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM PHƯỚC THÀNH	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	19.373.476.808	9	3.874.695	720.000	**4.594.695**		
104	1201070665	CÔNG TY TNHH HỮU TIỀN	Ấp Bắc B, xã Điềm Hy, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	19.825.190.651	12	3.965.038	960.000	**4.925.038**		
105	1201589203	CÔNG TY CỔ PHẦN GREEN HOÀNG NGUYÊN	Ấp Long Lợi, xã Long Hưng, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	18.997.000.000		3.799.400	0	**3.799.400**		
106	1201670729	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TÂN THUẬN THÀNH PHONG	Ấp 1, xã Tam Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang			500.000	0	**500.000**		
107	1200357400	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH HUY	Ấp Long Tường, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	162.285.590	7	500.000	560.000	**1.060.000**		
108	1200359782	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUẬN PHÚ	Số 52, Ấp Tân Phú, Xã Tân Lý Tây, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	973.752.891	55	500.000	4.400.000	**4.900.000**		
109	1200365722	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ HỮU LỢI	Ấp Long Thạnh, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	22.592.943	1	500.000	80.000	**580.000**		
110	1200390398	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG PHÚC THỊNH	Số 54 ấp Tân Phú, Xã Tân Lý Tây, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	3.185.192	3	500.000	240.000	**740.000**		
111	1200551119	CÔNG TY TNHH ĐẠT THÀNH	ấp Tân Phú, Xã Tân Lý Tây, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	27.699.033	32	500.000	2.560.000	**3.060.000**		
112	1200578424	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOAN VINH	Số 108 Quốc lộ 1A, Ấp Tân Phú, Xã Tân Lý Tây, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	36.034.219	906	500.000	72.480.000	**72.980.000**		
113	1200645568	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LAM BÌNH	Số 336/3 Ấp Long Tường, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	34.691.075	5	500.000	400.000	**900.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
114	1200720173	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NÔNG TIẾN	Ấp Tân Thạnh, Xã Tân Hương, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	17.816.183	20	500.000	1.600.000	**2.100.000**		
115	1200730277	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MINH TƯỜNG PHÁT	Số 909/5 Ấp Cửu Hòa, Xã Thân Cửu Nghĩa, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	118.834.804	53	500.000	4.240.000	**4.740.000**		
116	1201522745	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TOYOTA TIỀN GIANG	Ấp Long Tường, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	490.988.495	187	500.000	14.960.000	**15.460.000**		
117	1201615598	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN Ô TÔ DŨNG PHONG TIỀN GIANG	539/3 Quốc lộ 1, Ấp Long Tường, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	112.963.262	96	500.000	7.680.000	**8.180.000**		
118	1201662950	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH HẠNH PHÚC	Xã Tân Hương, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	4.980.741	1	500.000	80.000	**580.000**		
119	1200252334	CÔNG TY TNHH TÂN THANH	Số 814/3 Ấp Tân Thạnh, Xã Tân Hương, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	24.351.495	18	500.000	1.440.000	**1.940.000**		
120	1200253352	CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU LƯƠNG PHÚ	Ấp Ngãi Thuận, Xã Thân Cửu Nghĩa, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	3.527.260	4	500.000	320.000	**820.000**		
121	1200427873	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MƯỜI ĐẠT	Số 28/2 ấp Ga, Thị trấn Tân Hiệp, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	18.957.745	2	500.000	160.000	**660.000**		
122	1200510641	CÔNG TY TNHH TÂN PHÚ HÒA	Ấp Tân Phú, Xã Tân Lý Tây, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	33.631.423	14	500.000	1.120.000	**1.620.000**		
123	1200525052	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG KIẾN HÒA	Số 333/3 Ấp Long Tường, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	28.630.308	28	500.000	2.240.000	**2.740.000**		
124	1200748933	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠM DỪNG DU LỊCH XANH	ấp Long Thạnh, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	93.675.738	96	500.000	7.680.000	**8.180.000**		
125	1201027892	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ AN PHÚ GIANG	số 229 Tổ 7 ấp Tân Quới, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnhTiền Giang	59.985.060	0	500.000	0	**500.000**		
126	1200253401	DNTN ĐÌNH VÂN	529/5 ấp Cữu hoà xã TC Nghĩa, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	45.580.289	15	500.000	1.200.000	**1.700.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
127	1200645889	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG THIÊN THUẬN	Ấp Long Thới, Xã Long An, Huyện Châu Thành, Tiền Giang	310.576.187	11	500.000	880.000	**1.380.000**		
128	0100686174-258	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN CHÂU THÀNH TIỀN GIANG	Ấp Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang		214	500.000	17.120.000	**17.620.000**		
TỔNG						**2.744.878.076**	**7.323.680.000**	**10.068.558.076**		

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MỸ THO

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 4.160.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1200100370	CÔNG TY XĂNG DẦU TIỀN GIANG	Số 488 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, TP Mỹ Tho ,tỉnh Tiền Giang	230.383.641.161	334	46.076.728	26.720.000	**72.796.728**		
2	1200100363	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH CÔNG ĐOÀN TIỀN GIANG	Số 61 đường 30/4, phường 1 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	3.712.333.543	6	742.467	480.000	**1.222.467**		
3	1200357376	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ MỸ THO	Số 12 Huỳnh Tịnh Của, phường 7, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	54.061.097.834	443	10.812.220	35.440.000	**46.252.220**		
4	1200100596	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN GIANG	Số 65/4 Trần Hưng Đạo, Phường 6, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	325.838.908.605	297	65.167.782	23.760.000	**88.927.782**		
5	1200100814	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG	Số 4A đường 30/4, phường 1, TP Mỹ Tho	803.018.624.671	515	100.000.000	41.200.000	**141.200.000**		
6	1200100701	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI TIỀN GIANG	Số 157 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	24.023.787.278	4	4.804.757	320.000	**5.124.757**		
7	1200568151	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG	Khu phố Trung Lương, phường 10, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	18.612.462.127	73	3.722.492	5.840.000	**9.562.492**		
8	1200655742	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH MÊKÔNG-MỸ THO	Số 01A, Tết Mậu Thân, phường 4 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	268.547.968.110	84	53.709.594	6.720.000	**60.429.594**		
9	1100176136-011	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 100 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		51	500.000	4.080.000	**4.580.000**		
10	0105926285-007	TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM TẠI TỈNH TIỀN GIANG	Số 2A, đường Rạch Gầm, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		19	500.000	1.520.000	**2.020.000**		
11	0310891532-010	MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ LỮ HÀNH SAIGONTOURIST TẠI TIỀN GIANG	Số 12B9 Nguyễn Trãi, phường 7, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		17	500.000	1.360.000	**1.860.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
12	0305140259-025	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO TỰ TẠO VIỆC	Số 09 Đường Rạch Gầm, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		828	500.000	66.240.000	**66.740.000**		
13	1200100571	CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM- TIỀN GIANG	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	2.168.351.499.385	159	100.000.000	12.720.000	**112.720.000**		
14	1200416046	CÔNG TY TNHH BADA VINA	Lô 52 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	30.795.289.723	39	6.159.058	3.120.000	**9.279.058**		
15	1200498659	CÔNG TY TNHH NAM OF LONDON	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	49.035.687.628	279	9.807.138	22.320.000	**32.127.138**		
16	1200537749	CÔNG TY TNHH ROYAL FOODS VIỆT NAM	Lô 19-20 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	717.155.135.638	1.240	100.000.000	99.200.000	**199.200.000**		
17	1200735204	CÔNG TY TNHH T.C. UNION VIỆT NAM	Lô 10-11, Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	125.630.445.412	104	25.126.089	8.320.000	**33.446.089**		
18	1201518548	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRÁI CÂY HÙNG PHÁT	Lô 47-49-51 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	534.464.828.033	653	100.000.000	52.240.000	**152.240.000**		
19	1200637359	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRINITY VIỆT NAM	Cụm Công Nghiệp & Tiểu Thủ Công Nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	233.263.391.157	250	46.652.678	20.000.000	**66.652.678**		
20	1200682263	CÔNG TY TNHH ROYAL CAN INDUSTRIES (VIỆT NAM)	Lô 26-28, 35-37 Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Tân M, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	266.817.335.185	34	53.363.467	2.720.000	**56.083.467**		
21	1200750629	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LI CHUAN FOOD PRODUCTS (VIỆT NAM)	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	152.403.744.456	147	30.480.749	11.760.000	**42.240.749**		
22	1200992804	CTY TNHH GREAT LEAD Việt Nam	140 Lê Văn Phẩm, phường 5, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	5.973.812.629	0	1.194.763	0	**1.194.763**		
23	1201167089	CÔNG TY TNHH DENC WOOD	Khu phố 3, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	14.435.006.514	3	2.887.001	240.000	**3.127.001**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
24	1200101247	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAY XNK MỸ THO	Số 101 Quốc lộ 1, Phường 10, Tp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	6.184.799.099	338	1.236.960	27.040.000	**28.276.960**		
25	1201443356	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHOI & SHIN'S VINA	Số 236C Nguyễn Trung Trực, Ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	81.967.017.217	1.727	16.393.403	138.160.000	**154.553.403**		
26	1201496238	CÔNG TY TNHH GIẢI TRÍ CỒN THỚI SƠN	Tổ 1, Ấp Thới Thạnh, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	9.650.103.938	0	1.930.021	0	**1.930.021**		
27	1201547669	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN GENUWIN THỚI SƠN	Ấp Thới Thuận, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	4.600.761.285	0	920.152	0	**920.152**		
28	1201577430	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP QUẢN LÝ TÀI CHÍNH MALMBERG	Số 7G Rạch Gầm, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	200.000.000	0	500.000	0	**500.000**		
29	0312120895-001	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EB TÂN PHÚ TẠI MỸ THO	545 đường Lê Văn Phẩm, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	122.906.490.072	280	24.581.298	22.400.000	**46.981.298**		
30	1201655777	CÔNG TY HASKONINGDHV NEDERLAND B.V	Số nhà 16, Phạm Thanh, P5, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	3.733.800.042	3	746.760	240.000	**986.760**		
31	1200100162	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MỸ THO	Đường tỉnh 864, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	263.855.110.373	105	52.771.022	8.400.000	**61.171.022**		
32	1200478099	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỒNG KIM LONG	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Ấp Bình Tạo A, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	51.627.502.974	36	10.325.501	2.880.000	**13.205.501**		
33	1200481101	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT CHẾ BIẾN NÔNG THỦY SẢN XUẤT KHẨU THUẬN PHONG	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	567.551.130.442	2618	100.000.000	209.440.000	**309.440.000**		
34	1200482095	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI BAO BÌ THÀNH THÀNH CÔNG	Lô 99 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	494.984.052.458	241	98.996.810	19.280.000	**118.276.810**		
35	1200507529	CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG	Lô 44 - Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	5.256.639.707.833	266	100.000.000	21.280.000	**121.280.000**		
36	1200543012	Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Vinh Quang	Lô số 37 và 40 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	438.249.706.799	249	87.649.941	19.920.000	**107.569.941**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
37	1200575021	CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG	Lô 45, Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	2.663.311.839.555	708	100.000.000	56.640.000	**156.640.000**		
38	1200610981	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN PHÁT	Lô 25 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	151.107.754.271	696	30.221.551	55.680.000	**85.901.551**		
39	1200616415	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Châu Á	Lô 38-39 Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.245.248.185.776	290	100.000.000	23.200.000	**123.200.000**		
40	1200656249	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÊ TÔNG TICCO	Lô số 1,2,3,4,5,6 Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	338.189.471.961	335	67.637.894	26.800.000	**94.437.894**		
41	1200670331	CÔNG TY CỔ PHẦN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HÙNG VƯƠNG - MIỀN TÂY	Lô 46 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.337.766.546.689	6	100.000.000	480.000	**100.480.000**		
42	1200673607	CÔNG TY CỔ PHẦN TESTCO	Lô 1,2,3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	2.044.368.829	6	500.000	480.000	**980.000**		
43	1200745996	CÔNG TY CỔ PHẦN CHÂU ÂU	Lô 69, Khu công nghiệp Mỹ Tho, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	598.577.765.156	519	100.000.000	41.520.000	**141.520.000**		
44	1201283261	CTY TNHH HÙNG VƯƠNG MASCATO	Lô 41-42 Khu Công Nghiệp, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	116.457.064.603	118	23.291.413	9.440.000	**32.731.413**		
45	1201421105	CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN THỦY SẢN HÙNG VƯƠNG VĨNH LONG	Lô 69, Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	385.474.604.639	1	77.094.921	80.000	**77.174.921**		
46	1200348300	DNTN HUỲNH CHÍ THÀNH	Cụm Công Nghiệp, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	550.624.909	02	500.000	160.000	**660.000**		
47	1200481990	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG TIỀN	Ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	102.451.474.213	595	20.490.295	47.600.000	**68.090.295**		
48	1200520174	CÔNG TY TNHH GIẶT TẨY NHÀ BÈ	ấp Bình Tạo Xã Trung An, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	23.943.098.885	48	4.788.620	3.840.000	**8.628.620**		
49	1200521604	CTY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG	45 TL 864 , CCN Trung An, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	191.459.920.662	48	38.291.984	3.840.000	**42.131.984**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
50	1200527081	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA MÊ KÔNG	Lô B Cụm Công nghiệp Trung An, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	458.325.871.260	1443	91.665.174	115.440.000	**207.105.174**		
51	1200580688	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGÔ DUY	Cụm Công Nghiệp Trung An, , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.177.879.668	04	500.000	320.000	**820.000**		
52	1200620940	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG SƠN	Lô D Cụm công nghiệp Trung An, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	11.343.367.650	10	2.268.674	800.000	**3.068.674**		
53	1200672145	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ TRUNG AN	Tỉnh lộ 864, Cụm công nghiệp Trung An, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	971.446.667	03	500.000	240.000	**740.000**		
54	1200512952	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG DUHAL	Lô 30-31, Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	488.008.623.824	529	97.601.725	42.320.000	**139.921.725**		
55	1200100557	CTY CP DƯỢC PHẨM TIPHARCO TG	Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp &Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, TP Mỹ Tho	262.820.372.996	326	52.564.075	26.080.000	**78.644.075**		
56	1200601031	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MT	Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	96.696.491.210	100	19.339.298	8.000.000	**27.339.298**		
57	1200889557	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỦY SẢN MINH QUÝ	Lô 1A Cụm Công Nghiệp phường 9, Tân Mỹ Chánh, , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	137.449.459.971	01	27.489.892	80.000	**27.569.892**		
58	1201525707	CÔNG TY CỔ PHẦN NAM HÙNG VƯƠNG	Lô 20 Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	40.016.522.797	13	8.003.305	1.040.000	**9.043.305**		
59	1201622450	CÔNG TY TNHH TM SX NỆM & MAY MẶC MEKONG	Lô 121, Cụm Công Nghiệp và Tiểu Thủ Công Nghiệp Tân Mỹ Chánh, P9, TP MỸ Tho, TG	34.784.171.304	101	6.956.834	8.080.000	**15.036.834**		
60	1201632554	CÔNG TY TNHH THIÊN PHÚ MEKONG	Lô 121, Cụm Công Nghiệp và Tiểu Thủ Công Nghiệp Tân Mỹ Chánh, P9, TP MỸ Tho, TG	14.467.204.628	15	2.893.441	1.200.000	**4.093.441**		
61	1201648240	CÔNG TY TNHH AN PHÚ MEKONG	Lô 3, Cụm Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, TP Mỹ Tho, Tiền Giang	8.175.498.302	13	1.635.100	1.040.000	**2.675.100**		
62	1200526842	CTY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG	Số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, TP Mỹ Tho, Tiền Giang	1.848.583.150.036	78	100.000.000	6.240.000	**106.240.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
63	1201640114	CTY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN TICCO	Số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	22.715.842.378	0	4.543.168	0	**4.543.168**		
64	1200683404	CTY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TICCO	Số 90 đường Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	70.270.880.448	126	14.054.176	10.080.000	**24.134.176**		
65	0304479585	CÔNG TY CỔ PHẦN LONG PHƯƠNG ĐÔNG	50 Yersin, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	50.913.453.619	28	10.182.691	2.240.000	**12.422.691**		
66	0314932395	CÔNG TY TNHH LUCK & LUCK VINA	Số 30 Thủ Khoa Huân, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	10.000.000.000		2.000.000	0	**2.000.000**		
67	1200100067	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TIỀN TIẾN	Số 234, Khu phố 6, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	731.769.032.844	2558	100.000.000	204.640.000	**304.640.000**		
68	1200100081	CÔNG TY CỔ PHẦN IN TIỀN GIANG	Số 10 Học Lạc, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	37.886.214.005	112	7.577.243	8.960.000	**16.537.243**		
69	1200100236	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TIỀN GIANG	Số 5 Thủ Khoa Huân, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	1.255.478.832.737	158	100.000.000	12.640.000	**112.640.000**		
70	1200100282	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ TIỀN GIANG	Số 436 đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho	92.663.993.679	51	18.532.799	4.080.000	**22.612.799**		
71	1200100388	CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TIỀN GIANG	Số 9 đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	10.993.930.891	26	2.198.786	2.080.000	**4.278.786**		
72	1200100451	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TIỀN GIANG	Số 63 đường Trưng Trắc, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	167.469.485.174	130	33.493.897	10.400.000	**43.893.897**		
73	1200100451-017	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TIỀN GIANG - ẨM THỰC DÊ TƯƠI NINH BÌNH	Số 3 Lãnh Binh Cẩn, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	1.936.759.117	2	500.000	160.000	**660.000**		
74	1200100451-018	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TIỀN GIANG - NHÀ HÀNG SÔNG TIỀN	Số 01, Đường Lãnh Binh Cẩn, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	2.038.407.665	2	500.000	160.000	**660.000**		
75	1200100525	CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TIỀN GIANG	Số 04 Lê Văn Duyệt, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	41.634.715.180	39	8.326.943	3.120.000	**11.446.943**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
76	1200100645	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TIỀN GIANG	Số 762 đường Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	37.984.350.541	46	7.596.870	3.680.000	**11.276.870**		
77	1200100726	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG HỮU QUẾ	Số 83, Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	36.749.699.268	202	7.349.940	16.160.000	**23.509.940**		
78	1200100733	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HIỆP HOÀ	Số 869A Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	181.041.447.179	168	36.208.289	13.440.000	**49.648.289**		
79	1200100765	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ TIỀN GIANG	Số 59-61 Nguyễn Trãi, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	27.552.671.240	2	5.510.534	160.000	**5.670.534**		
80	1200100807	CÔNG TY TNHH TIẾN PHÁT	Số 71 Phan Thanh Giản, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	42.469.889.351	12	8.493.978	960.000	**9.453.978**		
81	1200100839	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TIỀN GIANG	Số 187 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	7.746.974.145	30	1.549.395	2.400.000	**3.949.395**		
82	1200100892	XÍ NGHIỆP TƯ DOANH XÂY DỰNG HỮU DƯ	Số 26 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	85.787.999.379	304	17.157.600	24.320.000	**41.477.600**		
83	1200101134	HTX CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH MINH	QL 50, ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	55.907.960.893	27	11.181.592	2.160.000	**13.341.592**		
84	1200102191	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGỌC SANG	Số 22 Lê Văn Duyệt, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	7.625.246.727	2	1.525.049	160.000	**1.685.049**		
85	1200102515	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HỮU NGHĨA	Số 123AB Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	8.861.869.332		1.772.374	0	**1.772.374**		
86	1200102635	CÔNG TY TNHH XE MÁY THÀNH ĐẠT	Số 20 Ngô Quyền, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	3.296.000.000		659.200	0	**659.200**		
87	1200103773	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT	Số 137 Quốc lộ 1A, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	52.249.293.311	130	10.449.859	10.400.000	**20.849.859**		
88	1200104086	CÔNG TY TNHH MTV MỸ LỢI	Số 19 Quốc lộ 50, Khu phố 2, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	26.751.824.371	54	5.350.365	4.320.000	**9.670.365**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
89	1200104343	HTX RẠCH GẦM	số 2 Nam Kỳ Khởii Nghĩa , p1, , Thành phố Mỹ Tho	64.289.662.381	13	12.857.932	1.040.000	**13.897.932**		
90	1200104512	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LONG CHÂU	Số 112 đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho	23.506.466.562	11	4.701.293	880.000	**5.581.293**		
91	1200104576	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THANH LONG	Số 161 Khu phố Tân Hòa, Phường Tân Long, Thành phố Mỹ Tho	846.884.680	5	500.000	400.000	**900.000**		
92	1200104590	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MỸ LOAN	Số 273D Nguyễn Trung Trực, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	21.031.162.824	33	4.206.233	2.640.000	**6.846.233**		
93	1200104865	CÔNG TY TNHH MTV ĐỒNG XANH TIỀN GIANG	Số 142/2 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	1.183.245.238	2	500.000	160.000	**660.000**		
94	1200105202	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BÁCH TÙNG VIỄN.	Số 171B Đường Xóm Dầu, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	1.970.160.273	2	500.000	160.000	**660.000**		
95	1200105273	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU NGUYỄN TRÃI	Số 132 Nguyễn Văn Giác, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	27.815.513.802	8	5.563.103	640.000	**6.203.103**		
96	1200105354	CÔNG TY TNHH TRƯƠNG MINH HỒNG	Số 252D Nguyễn Văn Giác, Phường 3, Thành phố Mỹ Tho	8.384.896.240	3	1.676.979	240.000	**1.916.979**		
97	1200170811	CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU PHÁT PHƯƠNG	Khu phố 5, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	19.454.491.909	5	3.890.898	400.000	**4.290.898**		
98	1200328262	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH DŨNG	Số 1A Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	52.183.000.767	6	10.436.600	480.000	**10.916.600**		
99	1200384637	CÔNG TY TNHH SD	Khu phố 3, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	95.133.703.588	429	19.026.741	34.320.000	**53.346.741**		
100	1200399344	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯỢNG UYÊN	Khu phố 7, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	18.940.334.055		3.788.067	0	**3.788.067**		
101	1200414426	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRÍ TÂM	Ấp Thới Thạnh, Xã Thới Sơn, Thành phố Mỹ Tho	13.416.969.087	3	2.683.394	240.000	**2.923.394**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
102	1200415772	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỮU LỘC	Số 82 đường Hùng Vương, Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	29.268.731.186	42	5.853.746	3.360.000	**9.213.746**		
103	1200417554	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỸ THO	Khu phố 5, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho	28.329.355.081	23	5.665.871	1.840.000	**7.505.871**		
104	1200426622	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THÀNH MINH	Số 102A Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	6.305.564.377	7	1.261.113	560.000	**1.821.113**		
105	1200427672	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KIM LONG	Số 274 đường Phạm Hùng, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	21.012.494.034	35	4.202.499	2.800.000	**7.002.499**		
106	1200441638	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ TIỀN GIANG	Số 152 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	78.615.911.399	47	15.723.182	3.760.000	**19.483.182**		
107	1200442078	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MỸ THO	Số 67 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	169.061.454.735	139	33.812.291	11.120.000	**44.932.291**		
108	1200445791	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BÁ HƯNG	Ấp Phong Thuận B, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	13.846.414.663	4	2.769.283	320.000	**3.089.283**		
109	1200449570	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG HUY VŨ	lô A, số 20 đường số 6, khu phố Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	17.610.966.897	6	3.522.193	480.000	**4.002.193**		
110	1200451428	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỂ THAO HẢI YẾN	Số 188A ấp 3, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	20.622.627.159	27	4.124.525	2.160.000	**6.284.525**		
111	1200452943	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KHOA NGUYÊN	Số 152 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	31.722.008.347	11	6.344.402	880.000	**7.224.402**		
112	1200454482	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÍ TÂM	Số 559B Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	28.494.001.545	12	5.698.800	960.000	**6.658.800**		
113	1200472629	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH TRÍ.	Số 249/1A Tổ 1, Ấp Long Hưng, Xã Phước Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	35.201.194.965	3	7.040.239	240.000	**7.280.239**		
114	1200474601	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LÝ VĂN NĂM	Số 454 đường ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	12.703.529.562	3	2.540.706	240.000	**2.780.706**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
115	1200476422	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HIỆP LỰC	Số 91 Tết Mậu Thân, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	12.774.639.853	12	2.554.928	960.000	**3.514.928**		
116	1200482560	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT NƯỚC ĐÁ CHÍ THÀNH	Khu phố 5, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	16.600.272.095	82	3.320.054	6.560.000	**9.880.054**		
117	1200494069	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BA NỞ	29 ấp Bắc, , Thành phố Mỹ Tho	22.477.080.011	4	4.495.416	320.000	**4.815.416**		
118	1200494220	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG THUẬN HƯNG	Số 96 Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	95.554.731.581	11	19.110.946	880.000	**19.990.946**		
119	1200500058	CÔNG TY TNHH MTV HUỲNH THỊNH	Số 145 Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	3.084.302.363	3	616.860	240.000	**856.860**		
120	1200505680	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAI HẠNH	Số 20 Lê Văn Duyệt, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	5.230.062.824	9	1.046.013	720.000	**1.766.013**		
121	1200508579	CÔNG TY TNHH MTV PHƯỚC SƠN	số 455 Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	20.139.426.911	8	4.027.885	640.000	**4.667.885**		
122	1200508674	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢNG CÁO THANH - TIỀN GIANG	Số 19 Ngô Quyền, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	15.990.464.776	6	3.198.093	480.000	**3.678.093**		
123	1200510176	CÔNG TY TNHH TM XNK HỮU THÀNH PHÁT	Số 69 đường Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	61.476.458.066		12.295.292	0	**12.295.292**		
124	1200510698	HỢP TÁC XÃ QUANG MINH	207C Nguyễn Thị Thập, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	124.063.212.994	1195	24.812.643	95.600.000	**120.412.643**		
125	1200516160	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG	Số 2,3,4 Quốc lộ 1A, Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	139.991.615.980	58	27.998.323	4.640.000	**32.638.323**		
126	1200524796	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG TIỀN GIANG	Số 36/3 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	16.038.565.903	11	3.207.713	880.000	**4.087.713**		
127	1200525479	CÔNG TY TNHH MAI LINH TIỀN GIANG	Số 222, Ấp 4, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	29.325.247.240	183	5.865.049	14.640.000	**20.505.049**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
128	1200536142	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG TRÍ TÍN	Số 436 Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	9.200.910.747	7	1.840.182	560.000	**2.400.182**		
129	1200539383	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ GIAO THÔNG THỦY LỢI TIỀN GIANG	Số 5 đường Lê Văn Phẩm, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	13.747.513.505	31	2.749.503	2.480.000	**5.229.503**		
130	1200568169	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ-MAY XUẤT NHẬP KHẨU TÂN BÌNH	Số 151B Đinh Bộ Lĩnh, Khu phố 6, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	107.406.109.567	152	21.481.222	12.160.000	**33.641.222**		
131	1200571845	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN LẠC	Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	54.065.653.079		10.813.131	0	**10.813.131**		
132	1200580783	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN VIỆT KTY	Số 252 Quốc Lộ 50, khu phố 1, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	140.226.788.956	439	28.045.358	35.120.000	**63.165.358**		
133	1200582156	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ TIỀN GIANG-SÀI GÒN	Số 35 đường Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	72.899.857.804	152	14.579.972	12.160.000	**26.739.972**		
134	1200585728	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SAO NAM TG	Số 118/3A Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	54.859.498.448	51	10.971.900	4.080.000	**15.051.900**		
135	1200586538	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HỒNG PHƯƠNG	Số 125 Nguyễn Thị Thập, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	91.515.172.969	77	18.303.035	6.160.000	**24.463.035**		
136	1200596670	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI GAS MINH PHƯƠNG	Số 34 Phạm Hùng, Tổ 4, Ấp 4, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	7.321.209.781	23	1.464.242	1.840.000	**3.304.242**		
137	1200601458	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI NAM ANH	Số 306 -312 Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	261.435.216.507	222	52.287.043	17.760.000	**70.047.043**		
138	1200607347	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TIỀN GIANG	Số 43 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	17.019.889.726	84	3.403.978	6.720.000	**10.123.978**		
139	1200630681	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÝ THANH PHƯƠNG	Số 126A đường 870B, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	18.422.365.768	4	3.684.473	320.000	**4.004.473**		
140	1200648336	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE MÁY VÂN HẢI	Quốc lộ 50, Khu phố 4, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	237.510.890.144	40	47.502.178	3.200.000	**50.702.178**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
141	1200654298	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TIỀN TIẾN II	Khu phố 6, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	47.662.606.006	6	9.532.521	480.000	**10.012.521**		
142	1200663503	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI HỮU SƠN	Số 265A, Đường Nguyễn Thị Thập, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	14.916.594.825	17	2.983.319	1.360.000	**4.343.319**		
143	1200676608	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÔNG KHOA	Số 46 Lê Văn Phẩm, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	2.271.834.933	3	500.000	240.000	**740.000**		
144	1200678771	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐẠI NGÂN	Số 394 Nguyễn Thị Thập, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	24.265.222.459	58	4.853.044	4.640.000	**9.493.044**		
145	1200678933	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BẢO MINH.	số 53 Thủ Khoa Huân, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	14.483.283.327		2.896.657	0	**2.896.657**		
146	1200678965	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN HOA MAI	Số 17 Ngô Quyền, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	11.649.526.201	5	2.329.905	400.000	**2.729.905**		
147	1200684567	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HỮU ĐỨC	Số A2 Rạch Gầm, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	51.550.257.032	18	10.310.051	1.440.000	**11.750.051**		
148	1200686331	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG LỘC NHÀ VIỆT	Số 263 ấp 3B, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	36.156.705.428	64	7.231.341	5.120.000	**12.351.341**		
149	1200686606	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GIANG MÂY VIỆT	Số 150 Phạm Hùng, Ấp 1, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	95.723.643.590	827	19.144.729	66.160.000	**85.304.729**		
150	1200701942	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẠI TẤN TÀI	Số 1008, Huyện lộ 92A, Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	10.933.642.654	8	2.186.729	640.000	**2.826.729**		
151	1200704541	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHẾ BIẾN NÔNG HẢI SẢN HẢI THÀNH	Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	49.624.086.605	76	9.924.817	6.080.000	**16.004.817**		
152	1200705834	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN PHÚ	Số 187 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	30.965.655.170	10	6.193.131	800.000	**6.993.131**		
153	1200709451	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRANG NGỌC MINH	Cảng Cá Mỹ Tho, Khu phố 5, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho	12.013.147.523	60	2.402.630	4.800.000	**7.202.630**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
154	1200750107	CÔNG TY TNHH ĐẠI THANH TÂM	Số 212, Ấp Long Hòa B, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	5.010.592.984		1.002.119	0	**1.002.119**		
155	1200751735	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT THANH LÂM	Phú Gia PG02-39 Vincom Mỹ Tho, Số 1A đường Hùng Vương, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	15.723.564.541	15	3.144.713	1.200.000	**4.344.713**		
156	1200755627	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SONG HỶ	Số 179 Tổ 6, Khu phố 6, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	24.029.470.901	28	4.805.894	2.240.000	**7.045.894**		
157	1200764759	CÔNG TY TNHH TM DV TRANG ÁNH LINH	Số 12B2 Nguyễn Trãi, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	7.759.091.016	8	1.551.818	640.000	**2.191.818**		
158	1200765054	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG THÁI DƯƠNG.	C18 đường số 5, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	12.619.127.040	6	2.523.825	480.000	**3.003.825**		
159	1200944021	CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN AN LẠC	Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	89.271.092.099	115	17.854.218	9.200.000	**27.054.218**		
160	1200947625	CTY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI HUỲNH VĂN NÔ	154/2 C Lý Thường Kiệt, phường 6, , Thành phố Mỹ Tho	11.282.680.383		2.256.536	0	**2.256.536**		
161	1200974153	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LONG UYÊN-TIỀN GIANG	Số 996, Ấp Long Hòa, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	2.074.590.675		500.000	0	**500.000**		
162	1200997619	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC THÀNH PHÁT	Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	52.137.334.783		10.427.467	0	**10.427.467**		
163	1201078632	CÔNG TY TNHH TƯỜNG TƯỜNG PHÁT	Số 67B-69 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	116.188.905.695	8	23.237.781	640.000	**23.877.781**		
164	1201110639	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ẤN LONG	Số 174/QĐ, Tổ 22, Ấp Bình Tạo, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	48.861.631.788	22	9.772.326	1.760.000	**11.532.326**		
165	1201201332	CÔNG TY TNHH HONGAI 1949 VIỆT NAM	Số 390 Ấp Thới Bình, Xã Thới Sơn, Thành phố Mỹ Tho	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
166	1201386098	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ UYÊN NHI	Số 285, Đường Tết Mậu Thân, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	6.090.145.075	7	1.218.029	560.000	**1.778.029**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
167	1201394733	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI LIÊN CƯỜNG PHÁT	Số 95/6 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho	23.584.534.706	21	4.716.907	1.680.000	**6.396.907**		
168	1201438130	CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HƯNG LONG	Số 65 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	40.885.722.320	3	8.177.144	240.000	**8.417.144**		
169	1201443691	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN KIỀU TK	Chợ Thạnh Trị, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	24.789.663.458	3	4.957.933	240.000	**5.197.933**		
170	1201453241	CÔNG TY TNHH MTV XUẤT KHẨU NÓN VIỆT	Số 136A Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	2.584.659.540		516.932	0	**516.932**		
171	1201453957	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI XĂNG DẦU TIỀN GIANG	Ấp Bình Tạo A, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	98.219.261.660	79	19.643.852	6.320.000	**25.963.852**		
172	1201460104	CÔNG TY TNHH LÂM VỸ	Số nhà 621/1 Tổ 1, Ấp Mỹ Hưng, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	22.633.844.508	150	4.526.769	12.000.000	**16.526.769**		
173	1201476471	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUYỄN KIM TIỀN GIANG	Số 545 Lê Văn Phẩm, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	293.078.564.114	2	58.615.713	160.000	**58.775.713**		
174	1201485564	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XD PHƯỚC HÙNG TG	Ấp 5, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	11.349.459.378	6	2.269.892	480.000	**2.749.892**		
175	1201489583	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIÊN ÂN JY	Số 47/6/10 Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	1.850.358.469		500.000	0	**500.000**		
176	1201490691	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT KIM QUỐC TẾ	Ấp Chợ, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	45.816.523.311	132	9.163.305	10.560.000	**19.723.305**		
177	1201493332	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÀNH ĐẠT PHÁT TG	Số 79B Ấp 4, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	20.082.513.630	4	4.016.503	320.000	**4.336.503**		
178	1201493597	CÔNG TY TNHH TC LỘC PHÁT	Số 379 ấp Bình Tạo A, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	63.644.003.054	81	12.728.801	6.480.000	**19.208.801**		
179	1201501304	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT TG	Số 228, KP2, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	6.032.758.014	61	1.206.552	4.880.000	**6.086.552**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
180	1201503968	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ANH VŨ AVFISH	Số 309, Ấp Bình Tạo, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	57.746.852.983	9	11.549.371	720.000	**12.269.371**		
181	1201508557	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT CHẾ BIẾN NÔNG SẢN CÁT TƯỜNG	Số 212, Quốc lộ 50, Ấp 3B, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	104.863.344.291		20.972.669	0	**20.972.669**		
182	1201513148	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÍ SƠN	Số 1279 Quốc lộ 50, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	53.452.958.213	77	10.690.592	6.160.000	**16.850.592**		
183	1201519573	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG HOA LƯ	01A Lê Văn Phẩm, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	34.578.596.545		6.915.719	0	**6.915.719**		
184	1201527380	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHẠM GIA	738 Ấp Long Hòa B, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	24.824.027.959	12	4.964.806	960.000	**5.924.806**		
185	1201527599	TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ CAMBRIDGE TIỀN GIANG	Số 424, Trần Hưng Đạo, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	7.001.318.711	97	1.400.264	7.760.000	**9.160.264**		
186	1201534451	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÔM TẤN LỘC	Số 199E Nguyễn Trung Trực, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	7.467.084.486	9	1.493.417	720.000	**2.213.417**		
187	1201539717	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XĂNG DẦU TRÍ TÂM	Số 34B, Khu phố Tân Bình, Phường Tân Long, Thành phố Mỹ Tho	11.227.724.168		2.245.545	0	**2.245.545**		
188	1201557152	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN PHÒNG KHÁM ĐA KHOA CHÍ THANH	Số 246-248-250-252 Hùng Vương, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	31.114.149.833	18	6.222.830	1.440.000	**7.662.830**		
189	1201557314	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHALLENGE	Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	21.929.276.833		4.385.855	0	**4.385.855**		
190	1201558808	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NAM SÔNG TIỀN	39/3 Nguyễn Huỳnh Đức, Phường 8, Thành phố Mỹ Tho	3.086.574.836		617.315	0	**617.315**		
191	1201562730	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU KIM HƯNG PHÁT	Số 1A, Hùng Vương, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	176.090.049.003	13	35.218.010	1.040.000	**36.258.010**		
192	1201565001	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN BẤT ĐỘNG SẢN QUÝ NHÂN	Số 291-293 Hùng Vương, Ấp Mỹ Thạnh, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	500.000.000		500.000	0	**500.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
193	1201566686	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG LÊ TÁM	68/10/17, Đường Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	19.864.873.463	48	3.972.975	3.840.000	**7.812.975**		
194	1201573281	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ÁNH SÁNG MÊ KONG	168, Ấp 2, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	23.007.000.000		4.601.400	0	**4.601.400**		
195	1201574870	CÔNG TY TNHH THE RESERVE MEKONG	Số 37B Trương Vĩnh Ký, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	109.980.170.644		21.996.034	0	**21.996.034**		
196	1201575521	CÔNG TY TNHH MAY THIỆN VY	Số 20/10 Trần Ngọc Giải, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	2.572.504.724	97	514.501	7.760.000	**8.274.501**		
197	1201576733	CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂM MINH ĐỨC TIỀN GIANG	198A Nguyễn Thị Thập, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	59.605.186.197	102	11.921.037	8.160.000	**20.081.037**		
198	1201580546	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XĂNG DẦU TRANG LỢI	Thái Sanh Hạnh, KP 1, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	19.664.479.366	3	3.932.896	240.000	**4.172.896**		
199	1201580553	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XĂNG DẦU LONG THUẬN	QL50, Ấp 3B, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	22.740.673.258	4	4.548.135	320.000	**4.868.135**		
200	1201583850	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CENTRAL PLAZA MỸ THO THIÊN HỘ	15B-19 Đường Ba Mươi Tháng Tư, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho	354.000.079.824	11	70.800.016	880.000	**71.680.016**		
201	1201584332	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU LÊ DŨNG	1A KP Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	28.798.479.062	3	5.759.696	240.000	**5.999.696**		
202	1201592439	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU KIM DUNG	64/7A Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	16.165.155.184		3.233.031	0	**3.233.031**		
203	1201592559	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG ĐIỆN GIÓ TIỀN GIANG	C32, Đường số 3, Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	7.720.958.837.480	47	100.000.000	3.760.000	**103.760.000**		
204	1201594838	CÔNG TY TNHH NGỌC AN NGUYÊN	Số 4A Trương Vĩnh Ký, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	190.626.500.314		38.125.300	0	**38.125.300**		
205	1201600880	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỦY SẢN ĐẠI DƯƠNG XANH	Tổ 14, Ấp Phước Thuận, Xã Phước Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	80.271.837.120	232	16.054.367	18.560.000	**34.614.367**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
206	1201608343	CÔNG TY TNHH COCO - DUKE	Số 309D Ấp Mỹ Thạnh, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	2.019.259.135		500.000	0	**500.000**		
207	1201614428	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÀ ĐẤT HỒ THỐ	Số 249/1 Tổ 1, Ấp Long Hưng, Xã Phước Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
208	1201617926	CÔNG TY TNHH LỐP XE PHÚ ANH	Số 466 Trần Hưng Đạo, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	10.000.000.000	43	2.000.000	3.440.000	**5.440.000**		
209	1201621383	CÔNG TY TNHH LANDSVILLE	350 Ấp Bắc, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	19.989.876.636		3.997.975	0	**3.997.975**		
210	1201621464	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT DELTA	Ấp Thới Thuận, Xã Thới Sơn, Thành phố Mỹ Tho	115.427.227.217		23.085.445	0	**23.085.445**		
211	1201625853	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ THUẬN AN THỚI	Số 278 Ấp 4, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	0	2	500.000	160.000	**660.000**		
212	1201627000	CÔNG TY TNHH SX TM DV ĐẠI TÍN	Ấp Mỹ Hưng, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	35.464.142.867	31	7.092.829	2.480.000	**9.572.829**		
213	1201627561	CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU TÂM LÝ	Ấp Thới Thạnh, Xã Thới Sơn, Thành phố Mỹ Tho	15.400.175.629	3	3.080.035	240.000	**3.320.035**		
214	1201630317	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TIỀN GIANG	C32, Đường số 3, Khu phố Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	3.344.634.996		668.927	0	**668.927**		
215	1201633540	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ SÔNG TIỀN	Mekong ITP, Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	29.820.581.576	3	5.964.116	240.000	**6.204.116**		
216	1201639140	CÔNG TY TNHH Ô TÔ NHẬT HÙNG	Ấp 4, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	138.334.134.843	122	27.666.827	9.760.000	**37.426.827**		
217	1201645433	CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TÂN THÀNH	C32, Đường số 3, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	100.000.000		500.000	0	**500.000**		
218	1201646677	CÔNG TY CỔ PHẦN EASYCAR TIỀN GIANG	Ấp Long Mỹ, Xã Phước Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	25.104.519.677	43	5.020.904	3.440.000	**8.460.904**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
219	1201647631	CÔNG TY TNHH MTV ĐÔNG LẠNH THỦY SẢN YẾN OANH	Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho	15.100.000.000		3.020.000	0	**3.020.000**		
220	1201647712	CÔNG TY TNHH THÉP THIÊN HỘ	Ấp Chợ, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	99.996.623.636		19.999.325	0	**19.999.325**		
221	1201652310	CÔNG TY CỔ PHẦN HAN	100 PHẠM HÙNG, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	22.689.323.770	21	4.537.865	1.680.000	**6.217.865**		
222	1201655907	CÔNG TY TNHH XD TM DV MINH PHƯƠNG	Số 84/2 Ấp Mỹ Hưng, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	2.000.000.000		500.000	0	**500.000**		
223	1201655985	CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN MINH LONG	số 27 Nguyễn Hữu Trí, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	15.000.000.000		3.000.000	0	**3.000.000**		
224	1201656805	CÔNG TY CỔ PHẦN IDICO TIỀN GIANG	Số 138 Trần Hưng Đạo, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho	901.159.993.989		100.000.000	0	**100.000.000**		
225	1201657284	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC ĐẠI TRƯỜNG THỊNH	Số 188 Khu dân cư dọc sông Tiền, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho	19.965.499.051		3.993.100	0	**3.993.100**		
226	1201657816	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUÝ TÍN	641E, Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	9.997.859.400		1.999.572	0	**1.999.572**		
227	1201657894	CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI TIỀN GIANG	Khu phố 2, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	117.920.196.349	361	23.584.039	28.880.000	**52.464.039**		
228	1201660495	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ VINATIRES	Số 84 Nguyễn Minh Đường , Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	500.000.000		500.000	0	**500.000**		
229	1201661121	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ	Số 192A tổ 9, Ấp 1, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	10.000.000		500.000	0	**500.000**		
230	1201661185	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN - TÔN- XÀ GỒ- THÉP HÌNH- THÉP TẤM- THÉP ỐNG NGỌC TIỀN	Số 175 đường Nguyễn Thị Thập, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	20.117.742.714		4.023.549	0	**4.023.549**		
231	1201661410	CÔNG TY TNHH GIA HUY PHÁT TG	221/4 Tổ 11, Ấp 1, đường Phạm Hùng, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
232	1201661548	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRANG TRÍ NỘI THẤT LÂM HIẾU	167 Nguyễn Thị Thập, KP10, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	62.111.885.368		12.422.377	0	**12.422.377**		
233	1201662157	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ MINH VY	Số 27 Hùng Vương, Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	35.856.682		500.000	0	**500.000**		
234	1201663418	CÔNG TY TNHH THIÊN LÚA VÀNG	Số 16 Hoàng Việt, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho	20.171.468.772	7	4.034.294	560.000	**4.594.294**		
235	1201663739	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN TÂY NAM	Số 10A, Đường Ấp Bắc, Khu phố 1, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho	5.279.935.703	67	1.055.987	5.360.000	**6.415.987**		
236	1201664884	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC THUẬN TG	Số 528 Phạm Hùng, Ấp Bình Tạo A, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	29.474.388.728	21	5.894.878	1.680.000	**7.574.878**		
237	1201665969	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG MTAH	Ấp Mỹ Lương, Xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho	15.000.000.000		3.000.000	0	**3.000.000**		
238	1201666024	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH ĐÔNG TIỀN GIANG	Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	100.494.433		500.000	0	**500.000**		
239	1201666592	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN MẮT SÀI GÒN TIỀN GIANG	Ấp 1, Xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
240	1201667042	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP GREEN FARM	Số 412 Thái Sanh Hạnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho	39.997.297.591		7.999.460	0	**7.999.460**		
241	1201667356	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN PHÚC KHANG	182B Ấp 1, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
242	1201667405	CÔNG TY TNHH Ô TÔ NHẬT DUY	Ấp Long Hưng, Xã Phước Thạnh, Thành phố Mỹ Tho	19.990.000.000		3.998.000	0	**3.998.000**		
243	1300403932-002	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HUỲNH THÀNH 3	Số 11 Hùng Vương, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho	32.402.965.037	29	6.480.593	2.320.000	**8.800.593**		
244	3500841133-001	CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRƯỜNG VINH HI - NÔ	Số 81 Quốc lộ 1A, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho	35.591.245.437		7.118.249	0	**7.118.249**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
245	1201492579	CÔNG TY CP QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 11	Số 313 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	18.919.021.087	73	3.783.804	5.840.000	**9.623.804**		
246	0300942001-020	CÔNG TY ĐIỆN LỰC TIỀN GIANG	Số 07 Học Lạc, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		1.084	500.000	86.720.000	**87.220.000**		
247	1200132693	VIỄN THÔNG TIỀN GIANG	Số 01 Lê Lợi, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		249	500.000	19.920.000	**20.420.000**		
248	0106869738-008	TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - TIỀN GIANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG	Số 01 Lê Lợi, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		136	500.000	10.880.000	**11.380.000**		
249	1200679535	BƯU ĐIỆN TỈNH TIỀN GIANG	Số 71A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		314	500.000	25.120.000	**25.620.000**		
250	0100110768-056	CTY BẢO HIỂM PJICO TIỀN GIANG	169-171 Hùng Vương ,ấp 1, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		27	500.000	2.160.000	**2.660.000**		
251	0100111948-037	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 15B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		161	500.000	12.880.000	**13.380.000**		
252	0100112437-068	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 152 đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		127	500.000	10.160.000	**10.660.000**		
253	0100150619-061	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 208A Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		161	500.000	12.880.000	**13.380.000**		
254	0101527385-054	CTY BẢO VIỆT TIỀN GIANG	65 đường 30/4, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		24	500.000	1.920.000	**2.420.000**		
255	0300446973-029	CÔNG TY BẢO MINH TIỀN GIANG	1357 tổ 28 Hùng Vương, ấp 1, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		23	500.000	1.840.000	**2.340.000**		
256	0300613198-009	CÔNG TY LƯƠNG THỰC TIỀN GIANG	Số 256, Khu phố 2, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		193	500.000	15.440.000	**15.940.000**		
257	0301103908-044	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 6 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		306	500.000	24.480.000	**24.980.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
258	0100774631-027	CÔNG TY BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN TIỀN GIANG	59C Đường 30/4, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		59	500.000	4.720.000	**5.220.000**		
259	0100686174-269	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ MỸ THO TIỀN GIANG	Số 91 Trưng Trắc, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		39	500.000	3.120.000	**3.620.000**		
260	0100686174-209	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TỈNH TIỀN GIANG	Số 31 Lê Lợi, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		79	500.000	6.320.000	**6.820.000**		
261	0100150619-180	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH MỸ THO	Số 34-36 Lê Lợi, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		85	500.000	6.800.000	**7.300.000**		
262	0108212803-009	TRUNG TÂM VNPT-IT KHU VỰC 5- CHI NHÁNH CÔNG TY CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VNPT	Ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		169	500.000	13.520.000	**14.020.000**		
263	0103085460-043	CÔNG TY BẢO HIỂM BSH TIỀN GIANG	số 13 Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		17	500.000	1.360.000	**1.860.000**		
264	0101335193-036	CÔNG TY BẢO HIỂM VIETINBANK CỬU LONG	Số 232 Lê Văn Phẩm, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		24	500.000	1.920.000	**2.420.000**		
265	1200100370	CÔNG TY XĂNG DẦU TIỀN GIANG	Số 488 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, TP Mỹ Tho ,tỉnh Tiền Giang	214.102.318	340	500.000	27.200.000	**27.700.000**		
266	0310891532-010	MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ LỮ HÀNH SAIGONTOURIST TẠI TIỀN GIANG	Số 12B9 Nguyễn Trãi, phường 7, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		9	500.000	720.000	**1.220.000**		
267	1200100363	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH CÔNG ĐOÀN TIỀN GIANG	Số 61 đường 30/4, phường 1 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	3.712.333.543	334	742.467	26.720.000	**27.462.467**		
268	1200357376	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ MỸ THO	Số 12 Huỳnh Tịnh Của, phường 7, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	54.061.097.834	440	10.812.220	35.200.000	**46.012.220**		
269	1200100596	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN GIANG	Số 65/4 Trần Hưng Đạo, Phường 6, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	325.838.908.605	334	65.167.782	26.720.000	**91.887.782**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
270	1200100814	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG	Số 4A đường 30/4, phường 1, TP Mỹ Tho	803.018.624.671	334	100.000.000	26.720.000	**126.720.000**		
271	1200100701	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI TIỀN GIANG	Số 157 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	24.023.787.278	334	4.804.757	26.720.000	**31.524.757**		
272	1200568151	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG	Khu phố Trung Lương, phường 10, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	18.612.462.127	334	3.722.492	26.720.000	**30.442.492**		
273	1200655742	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH MÊKÔNG-MỸ THO	Số 01A, Tết Mậu Thân, phường 4 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	268.547.968.110	334	53.709.594	26.720.000	**80.429.594**		
274	1100176136-011	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 100 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		334	500.000	26.720.000	**27.220.000**		
275	0105926285-007	TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM TẠI TỈNH TIỀN GIANG	Số 2A, đường Rạch Gầm, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		334	500.000	26.720.000	**27.220.000**		
276	0310891532-010	MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ LỮ HÀNH SAIGONTOURIST TẠI TIỀN GIANG	Số 12B9 Nguyễn Trãi, phường 7, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		334	500.000	26.720.000	**27.220.000**		
277	0102385623-045	CÔNG TY BẢO HIỂM MIC TIỀN GIANG	90 Ấp Bắc, phường 5 TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		334	500.000	26.720.000	**27.220.000**		
278	0305140259-025	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO TỰ TẠO VIỆC	Số 09 Đường Rạch Gầm, phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		334	500.000	26.720.000	**27.220.000**		
279	1200451428	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỂ THAO HẢI YẾN	Số 188A ấp 3, Xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	28.526.010.956	46	5.705.202	3.680.000	**9.385.202**		
280	1201654942	CÔNG TY TNHH SONG SENG TIỀN GIANG	Số 207 Phạm Hùng, Xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	10.169.817.269	00	2.033.963	0	**2.033.963**		
281	1201676752	CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI MINH THÁI	Số 379, Ấp 3A, Xã Đạo Thạnh, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	**15.000.000.000**	0	3.000.000	0	**3.000.000**		
282	1201677668	CÔNG TY TNHH TM DV VIỆT HOÀN	203C, ấp Long Hòa A, Xã Đạo Thạnh, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	**15.000.000.000**	0	3.000.000	0	**3.000.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023(miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
283	1201484218	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DŨNG ĐẠI HƯNG	Số 10, đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 3, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	15.125.585.989	7	3.025.117	560.000	**3.585.117**		
284	1201622436	CÔNG TY TNHH TM DV XNK THIÊN LỘC	Số 37/3/22 đường Hồ Văn Nhánh, Phường 5, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	2.456.951.771	74	500.000	5.920.000	**6.420.000**		
285	1201674762	CÔNG TY TNHH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI MEKONG DELTA	Số 3A1, Khu Sao Mai, đường Lý Thường Kiệt, Phường 5, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang	39.815.998.558	4	7.963.200	320.000	**8.283.200**		
286	0301179079-020	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 1A Hùng Vương, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	0	74	500.000	5.920.000	**6.420.000**		
287	1201563413	CÔNG TY TNHH THỦ CÔNG MỸ NGHỆ VIỆT NAM HAMANEX	Số 32A Ngô Quyền, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	22.140.049.477	10	4.428.010	800.000	**5.228.010**		
288	1201667677	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HƯNG THỊNH TG	Số 1A, Hùng Vương, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	14.992.100.904	0	2.998.420	0	**2.998.420**		
289	6300048638-062	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT - CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 12C đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	0	160	500.000	12.800.000	**13.300.000**		
290	0100931299-025	CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV CỬU LONG	Tầng 8, Tòa nhà Bưu điện tỉnh TG, số 71A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	0	38	500.000	3.040.000	**3.540.000**		
291	1201534620	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THÁI HUY MEDIC- PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THÁI HUY	Số 41-43 Đường Ấp Bắc, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	100.000.000	1	500.000	80.000	**580.000**		
TỔNG						**4.539.868.372**	**2.965.360.000**	**7.505.228.372**		

PHỤ LỤC 4

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.640.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1201560444	CÔNG TY TNHH SHILLA GLOVIS VIỆT NAM	Ấp Chợ Mới, xã Long Hòa, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang	100.498.717.339	3.563	20.099.743	249.410.000	**269.509.743**		
2	0310559292	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIHATECH	Ấp Năm Châu, Xã Bình Đông, thành phố Gò Công	2.954.073.050	18	590.815	1.260.000	**1.850.815**		
2	1200189410	HTX BÌNH MINH	ấp Việt Hùng Xã Long Hoà, , thành phố Gò Công	12.646.867.264	205	2.529.373	14.350.000	**16.879.373**		
3	1200359944	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THÀNH CÔNG.	Số 4/4 Mạc Văn Thành, Khu phố 1, Phường 3, thành phố Gò Công	21.060.462.825	26	4.212.093	1.820.000	**6.032.093**		
3	1200527116	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI TRƯƠNG HOÀNG PHÚC.	Đường Hồ Biểu Chánh, ấp Lăng Hoàng Gia, Xã Long Hưng, thành phố Gò Công	312.952.625.035	208	62.590.525	14.560.000	**77.150.525**		
4	1200541819	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY CÔNG TIẾN	Số 27 Mạc Văn Thành, Khu phố 1, Phường 3, thành phố Gò Công	168.243.640.142	2121	33.648.728	148.470.000	**182.118.728**		
4	1200598879	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VĂN HẢI	138 Trương Định, Khu Phố 3, Phường 2, thành phố Gò Công	383.943.995.484	153	76.788.799	10.710.000	**87.498.799**		
5	1200701886	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG-THƯƠNG MẠI VINH QUANG	Số 16B Quốc lộ 50, Ấp Hưng Thạnh, Xã Long Hưng, Thị xã Gò Công	111.805.237.273	461	22.361.047	32.270.000	**54.631.047**		
5	1201108340	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VĂN GIA PHÁT	Số 206 đường Mạc Văn Thành, Ấp Hưng Phú, Xã Long Hưng, thành phố Gò Công	7.613.382.526		1.522.677	0	**1.522.677**		
6	1201452199	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỒNG PHỤC THỂ THAO HUY HOÀNG	Số 163/6C Ấp Thuận An, Xã Long Thuận, Thị xã Gò Công	146.629.943.777	349	29.325.989	24.430.000	**53.755.989**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
6	1201465247	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ CẦU MỸ LỢI	Số 2075 Ấp Hồng Rạng, Xã Bình Đông, thành phố Gò Công	848.566.022.616	51	100.000.000	3.570.000	**103.570.000**		
7	1201538537	CÔNG TY TNHH MAY VIỆT LONG HƯNG	Ấp Hưng Thạnh, Xã Long Hưng, thành phố Gò Công	216.616.209.433	3158	43.323.242	221.060.000	**264.383.242**		
7	1201633533	CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN LÊ HOÀNG THANH	127A Đường Từ Dũ, Xã Long Hưng, thành phố Gò Công	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
8	1201640259	CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN MEDIC TÂM AN	Thửa đất số 252, Tờ bản đồ số 05, Khu phố 2, Phường 2, thành phố Gò Công	16.462.553.092	36	3.292.511	2.520.000	**5.812.511**		
8	1201646349	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG THIÊN ÂN	Đường 871B, Ấp Mỹ Xuân, Xã Tân Trung, thành phố Gò Công	19.993.580.639		3.998.716	0	**3.998.716**		
9	1201652423	CÔNG TY TNHH XD BẤT ĐỘNG SẢN KIM LONG	Số 48, Tỉnh Lộ 862, Khu Phố 3, Phường 5, thành phố Gò Công	20.174.164.029	12	4.034.833	840.000	**4.874.833**		
9	1201654484	CÔNG TY TNHH SX THƯƠNG MẠI ÁNH DƯƠNG	39 Ấp Chợ Mới, Xã Long Hòa, thành phố Gò Công	29.901.173.636	2	5.980.235	140.000	**6.120.235**		
10	1201657573	CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT ANH THƯ TG	Số 25 Nguyễn Huệ, Khu phố 1, Phường 2, thành phố Gò Công	20.663.379.450	79	4.132.676	5.530.000	**9.662.676**		
10	1201659002	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI GẠO TRƯỜNG THÀNH	Ấp Hưng Thạnh, Xã Long Hưng, thành phố Gò Công	19.916.265.355		3.983.253	0	**3.983.253**		
11	1201659725	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN TIỀN GIANG	Ấp Thành Nhứt, Xã Bình Xuân, thành phố Gò Công	20.000.000.000		4.000.000	0	**4.000.000**		
11	1201660086	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG BÌNH ĐÔNG	Ấp Lạc Hòa, Xã Bình Đông, thành phố Gò Công	5.566.585.652		1.113.317	0	**1.113.317**		
12	1201667927	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ GÒ CÔNG	63B đường Nguyễn Trãi, Phường 3, thành phố Gò Công	99.000.000.000		19.800.000	0	**19.800.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
12	0100686174-263	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ GÒ CÔNG TIỀN GIANG	Số 04 Trương Định, phường 1, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang		30	500.000	2.100.000	**2.600.000**		
TỔNG						**451.828.571**	**733.040.000**	**1.184.868.571**		

PHỤ LỤC 6

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHỢ GẠO

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.640.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1201533070	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LTS VINA	Ấp Mỹ Thạnh, Xã Hòa Định, Huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	44.244.396.576	327	8.848.879	22.890.000	**31.738.879**		
2	1200421920	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÀI LIÊN	Thạnh Lợi, Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	1.389.673.221	0	500.000	0	**500.000**		
3	1201095638	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN WONDO VINA	Ấp Tân Bình, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	116.360.165.856	1.529	23.272.033	107.030.000	**130.302.033**		
4	1201253179	CÔNG TY TNHH JAKO VINA	Ấp Hòa Lợi Tiểu, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	116.071.968.298	327	23.214.394	22.890.000	**46.104.394**		
5	1201454950	CÔNG TY TNHH DAECHANG VINA	Ấp Hòa Lợi Tiểu, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	39.846.266.296	0	7.969.253	0	**7.969.253**		
6	0100686174-260	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN CHỢ GẠO	Số 84, Ô 2, Khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang		50	500.000	3.500.000	**4.000.000**		
TỔNG						**64.304.559**	**156.310.000**	**220.614.559**		

PHỤ LỤC 6

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHỢ GẠO

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.640.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1201533070	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LTS VINA	Ấp Mỹ Thạnh, Xã Hòa Định, Huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	44.244.396.576	327	8.848.879	22.890.000	**31.738.879**		
2	1200421920	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÀI LIÊN	Thạnh Lợi, Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	1.389.673.221	0	500.000	0	**500.000**		
3	1201095638	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN WONDO VINA	Ấp Tân Bình, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	116.360.165.856	1.529	23.272.033	107.030.000	**130.302.033**		
4	1201253179	CÔNG TY TNHH JAKO VINA	Ấp Hòa Lợi Tiểu, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	116.071.968.298	327	23.214.394	22.890.000	**46.104.394**		
5	1201454950	CÔNG TY TNHH DAECHANG VINA	Ấp Hòa Lợi Tiểu, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	39.846.266.296	0	7.969.253	0	**7.969.253**		
6	0100686174-260	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN CHỢ GẠO	Số 84, Ô 2, Khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang		50	500.000	3.500.000	**4.000.000**		
TỔNG						**64.304.559**	**156.310.000**	**220.614.559**		

PHỤ LỤC 7

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN PHƯỚC

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.640.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1200748517	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH HƯNG TIỀN GIANG	Ấp Kinh 2A, Xã Phước Lập, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	1.203.544.242.993	984	100.000.000	68.880.000	**168.880.000**		
2	1201044062	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG	Ấp Kinh 2A, Xã Phước Lập, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	1.113.189.378.698	2.641	100.000.000	184.870.000	**284.870.000**		
3	1201466924	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN MR BEAN	Khu phố Mỹ Đức, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	65.218.397.465	10	13.043.679	700.000	**13.743.679**		
4	1201528754	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐẠI PHƯỚC THÀNH	Ấp 4, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	91.283.000.036	52	18.256.600	3.640.000	**21.896.600**		
5	1201643348	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NGHĨA THÀNH	Ấp 5, xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	70.359.445.653		14.071.889	0	**14.071.889**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
6	1201658055	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT TUẤN VINH	Ấp Hưng Điền, xã Hưng Thạnh,huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	14.047.587.887	380	2.809.518	26.600.000	**29.409.518**		
7	1201476873	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ THÔNG QUAN TOÀN CẦU	Xã tân lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.	32.096.181.578	38	6.419.236	2.660.000	**9.079.236**		
8	1201591837	CÔNG TY TNHH MTV MAY LOTUS	Ấp Mỹ Lợi, Xã Phước Lập, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	110.744.767.669	269	22.148.954	18.830.000	**40.978.954**		
9	1201622475	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH AN THỊNH	Tỉnh lộ 865, Khu phố 5, Thị trấn Mỹ Phước, huyệ Tân Phước tỉnh Tiền Giang	29.886.216.249	148	5.977.243	10.360.000	**16.337.243**		
10	1200635922	CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM TIỀN GIANG	Ấp 5, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tiền Giang	61.053.218.989	19	12.210.644	1.330.000	**13.540.644**		
11	1201614026	CÔNG TY CỔ PHẦN NINATHAI	Ấp Mỹ Thành, Xã Mỹ Phước (hết hiệu lực), Huyện Tân Phước, Tiền Giang	79.221.693.573	3	15.844.339	210.000	**16.054.339**		
12	1201655008	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI TRƯỜNG PHÚ	Xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.	85.519.913.069	163	17.103.983	11.410.000	**28.513.983**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
13	1201667853	CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU HỮU THÁI	ấp Tân Hòa, xã Tân Lập 2, huyện Tân Phước	15.000.000.000	5	3.000.000	350.000	**3.350.000**		
14	1201602119	CÔNG TY TNHH MTV CHÍNH XÁC HỒNG VẬN	ấp 4 xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	13.224.305.297	9	2.644.861	630.000	**3.274.861**		
15	1201671433	CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG TÂN PHƯỚC	ấp Tân Hưng Phú, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước	20.517.764.984	4	4.103.553	280.000	**4.383.553**		
16	1200672762	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP LONG GIANG	Ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	3.790.136.180.330	94	50.000.000	6.580.000	**56.580.000**	Giảm 50	
17	1200726136	CÔNG TY TNHH GIA CÔNG ĐỒNG HẢI LƯỢNG VIỆT NAM	Lô 67, 68, 69a, 73, 75, 76a Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	8.100.065.782.218	1.293	50.000.000	90.510.000	**140.510.000**	Giảm 50	
18	1201041135	CÔNG TY TNHH DẦU ĂN HONOROAD VN	Lô 26A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	309.248.522.643	83	30.924.852	5.810.000	**36.734.852**	Giảm 50	
19	1201065344	CÔNG TY TNHH ĐIỆN CƠ FANG ZHENG VIỆT NAM	Lô 60B, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	455.405.586.185	542	45.540.559	37.940.000	**83.480.559**	Giảm 50	
20	1201065351	CÔNG TY TNHH BAO BÌ JIANG NAN VIỆT NAM	Lô 60A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	96.895.895.574	30	9.689.590	2.100.000	**11.789.590**	Giảm 50	

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
21	1201123941	CTY TNHH HÀNG THỦ CÔNG XIN DONG YA VIỆT NAM	Lô 61A Khu Công Nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	171.751.924.937	21	17.175.192	1.470.000	**18.645.192**	Giảm 50	
22	1201142158	CÔNG TY TNHH NISSEI ELECTRIC MYTHO	Lô số 55, 55B Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.081.893.438.492	3.129	50.000.000	219.030.000	**269.030.000**	Giảm 50	
23	1201143024	CÔNG TY TNHH DẦU ĂN UNI-BRAN	Lô số 27A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	142.577.519.546	66	14.257.752	4.620.000	**18.877.752**	Giảm 50	
24	1201436221	CÔNG TY TNHH EBISUYA VIỆT NAM	Lô 62A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	198.609.221.124	484	19.860.922	33.880.000	**53.740.922**	Giảm 50	
25	1201450988	CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP DỆT KANG NA VIỆT NAM	Lô 62B, 63, 65, 66, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.337.576.173.082	753	50.000.000	52.710.000	**102.710.000**	Giảm 50	
26	1201462743	CÔNG TY TNHH THÉP KHÔNG GỈ QUẢNG THƯỢNG VIỆT NAM	Lô 131C1, 131D Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.112.481.694.168	473	50.000.000	33.110.000	**83.110.000**	Giảm 50	
27	1201469989	CÔNG TY TNHH NGUYÊN LIỆU MỚI SANQI VIỆT NAM	Lô 118A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	174.724.487.201	196	17.472.449	13.720.000	**31.192.449**	Giảm 50	
28	1201482193	CÔNG TY TNHH BAO BÌ YONGFENG VIỆT NAM	Lô số 93A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	353.527.998.844	698	35.352.800	48.860.000	**84.212.800**	Giảm 50	

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
29	1201482468	CÔNG TY TNHH NHỰA KAIDA VIỆT NAM	Lô số 61B, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	166.401.202.421	236	16.640.120	16.520.000	**33.160.120**	Giảm 50	
30	1201484151	CÔNG TY TNHH GIÀY APACHE VIỆT NAM	Lô số 71A, 72A, 78A, 79, 102, 103A, 127B, 128A, 128B, 128C (, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	2.130.319.921.545	10.335	50.000.000	723.450.000	**773.450.000**	Giảm 50	
31	1201486286	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP CHÍNH XÁC JL	Lô 56A-56B, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	120.075.401.702	74	12.007.540	5.180.000	**17.187.540**	Giảm 50	
32	1201506454	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP YEGIN VINA	Lô số 36A, 37A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	421.224.894.642	1.620	42.122.489	113.400.000	**155.522.489**	Giảm 50	
33	1201509053	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HUA CHANG VINA (HÌNH THỨC SẢN XUẤT CHẾ XUẤT)	Lô số 76B, 77A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	439.011.879.898	229	0	16.030.000	**16.030.000**	Miễn 100	
34	1201511334	CÔNG TY TNHH CÔNG THÁI HỌC LOCTEK VIỆT NAM	Lô 56C, 57 Khu Công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.699.356.727.888	852	50.000.000	59.640.000	**109.640.000**	Giảm 50	
35	1201519559	CÔNG TY TNHH DELTA TIỀN GIANG	Lô số 69B và 70A, Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	109.219.616.852	5	10.921.962	350.000	**11.271.962**	Giảm 50	

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
36	1201525552	CÔNG TY TNHH NHÔM VĨNH HƯNG VIỆT NAM	Lô 129, 130, 131A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.240.551.490.962	576	0	40.320.000	**40.320.000**	Miễn 100	
37	1201527359	CÔNG TY TNHH KNITPASSION	Lô 95, 100, 101 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	409.759.866.263	427	0	29.890.000	**29.890.000**	Miễn	
38	1201538248	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP BELLINTURF VIỆT NAM	Lô 111A, 112A, 113A, 115A, 116A, 117A, 118B-C, 119A-B, 120A-, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	5.787.303.513.246	4.731	0	331.170.000	**331.170.000**	Miễn	
39	1201541466	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINOMAG VIỆT NAM	Lô 131A2, 131B1 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	528.712.633.146	248	0	17.360.000	**17.360.000**	Miễn	
40	1201545220	CÔNG TY TNHH SỢI MEKONG	Lô 96A, 96B, 97B Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	558.511.024.969	490	0	34.300.000	**34.300.000**	Miễn	
41	1201546947	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ĐỒNG JINTIAN VIỆT NAM	Lô 110A1, 110B, 110C, 110D Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	4.076.340.053.063	520	0	36.400.000	**36.400.000**	Miễn	
42	1201548655	CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM BALALA VIỆT NAM	Lô 27B, 27C, 27D, 28B1 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	705.847.214.036	862	50.000.000	60.340.000	**110.340.000**	Giảm 50%	
43	1201566580	CÔNG TY TNHH SỢI THÉP TINH PHẨM TENG YUAN VIỆT NAM	Lô 131 B2, Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	399.407.078.770	116	0	8.120.000	**8.120.000**	Miễn	

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
44	1201571397	CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SHC	Lô 71B2 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	112.350.434.288	121	0	8.470.000	**8.470.000**	Miễn	
45	1201574133	CÔNG TY TNHH MAY MẶC THỜI TRANG RENAISSANCE	Lô 97A Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	142.361.038.719	6	0	420.000	**420.000**	Miễn	
46	1201574140	CÔNG TY TNHH PHỤ KIỆN ỐNG THÉP HAI TIAN (VIỆT NAM)	Lô 61C Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	106.615.385.893	145	0	10.150.000	**10.150.000**	Miễn	
47	1201588168	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC WIN-VIET	Lô 61C2, 131B3, 131C2 Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	300.144.983.665	376	0	26.320.000	**26.320.000**	Miễn	
48	1201588425	CÔNG TY TNHH WANT WANT VIETNAM	Lô 23B, 25A, 29A, 30 Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	1.184.607.759.595	726	0	50.820.000	**50.820.000**	Miễn	
49	1201598254	CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM THỂ THAO GIẢI TRÍ BESTWAY VIỆT NAM	Lô 36B, 37B, 51A, 52 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	1.909.226.278.301	1.774	0	124.180.000	**124.180.000**	Miễn	
50	1201601651	CÔNG TY TNHH LỐP ADVANCE VIỆT NAM	Lô 105, 106, 107, 108, 109A, 109B, 109C, 109D, 110A2 Khu Côn, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	6.591.799.317.572	1.264	0	88.480.000	**88.480.000**	Miễn	

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
51	1201604042	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT KIM LOẠI YONGJIN VIỆT NAM	Lô 132A,133A, 135, 136A Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	3.669.983.037.973	415	0	29.050.000	**29.050.000**	Miễn	
52	1201620848	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐIỆN CƠ FANG DE VIỆT NAM	Lô 61C1 Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	253.525.307.275	211	0	14.770.000	**14.770.000**	Miễn	
53	1201626688	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ĐỒNG JINHONG VIỆT NAM	Lô 58A, 59A Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	225.058.832.146	3	0	210.000	**210.000**	Miễn	
54	1200724788	CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GENUWIN D&C TIỀN GIANG	Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	17.231.167.595	3	3.446.234	210.000	**3.656.234**		
55	1201496252	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GENUWIN SOLUTION	Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	20.088.734.720	28	4.017.747	1.960.000	**5.977.747**		
56	0100686174-270	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN TÂN PHƯỚC TIỀN GIANG	Khu IV, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang		33	500.000	2.310.000	**2.810.000**		
57	1201590689	CÔNG TY TNHH VIỆT ÚC - TÂN PHƯỚC	Xã Thạnh Hòa, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	100.071	0	500.000	0	**500.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
58	1201634713	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TRUNG KIÊN TÂN PHƯỚC	Xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.	26.000.000	0	500.000	0	**500.000**		
TỔNG						**1.018.564.706**	**2.730.910.000**	**3.749.474.706**		

PHỤ LỤC 8

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÁI BÈ

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.250.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	0315679219	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SEUNG BO	Ấp Mỹ Trung, Xã Mỹ Hội, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	1.339.878.578	0	500.000	0	**500.000**		
2	0315679219	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SEUNG BO	Ấp Mỹ Trung, Xã Mỹ Hội, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	1.339.878.578	0	500.000	0	**500.000**		
3	1200914651	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DREAM MEKONG.	Ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	476.330.849.680	2.081	95.266.170	130.062.500	**225.328.670**		
4	1201614347	CÔNG TY TNHH SBGEAR CÁI BÈ	Ấp Chợ, Xã An Thái Đông, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	69.096.435.080	974	13.819.287	60.875.000	**74.694.287**		
5	0300613198-017	CÔNG TY NÔNG SẢN THỰC PHẨM TIỀN GIANG	Ấp Bình, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang		283	500.000	17.687.500	**18.187.500**		
6	0100686174-264	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN CÁI BÈ	Khu 1A, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang		67	500.000	4.187.500	**4.687.500**		
7	1200526271	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TRẠM XĂNG DẦU LỮ ĐOÀN 29	Quốc lộ 1A, Ấp 2, Xã An Thái Trung, huyện Cái Bè	1.593.713	0	500.000	0	**500.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
8	1200477144	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÁI BÈ	Ấp Hòa Phú, Xã Hòa Khánh, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	86.992.278.059	15	17.398.456	937.500	**18.335.956**		
9	1201077124	CÔNG TY TNHH VIỆT KHÁNH	Ấp Hòa Phúc, Xã Hòa Khánh, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	156.048.063.706	1910	31.209.613	119.375.000	**150.584.613**		
10	1200434870	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁI BÈ	Số 349 Nguyễn Chí Công, khu 4, Thị trấn Cái Bè, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	71.613.183.612	104	14.322.637	6.500.000	**20.822.637**		
11	1200654890	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NÔNG DƯỢC HUỲNH HƯNG	Ấp 3, Xã An Hữu, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	78.668.566.140	9	15.733.713	562.500	**16.296.213**		
12	1200475612	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG THIÊN PHƯỚC	Ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	16.595.019.022	8	3.319.004	500.000	**3.819.004**		
13	1200661513	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÂN THUẬN THÀNH	Cụm công nghiệp An Thạnh, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	87.905.569.555	12	17.581.114	750.000	**18.331.114**		
14	1200190134	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT HƯNG	Khu phố Cầu Xéo, Xã Hậu Thành, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	485.145.178.704	28	97.029.036	1.750.000	**98.779.036**		
15	1200926431	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THANH HỒNG	ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	20.000.000.000	7	4.000.000	437.500	**4.437.500**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
16	1200639067	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG TÂN TIẾN	Số 176 Lê Quí Đôn, Khu 3, Thị trấn Cái Bè, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	56.362.809.630	13	11.272.562	812.500	**12.085.062**		
17	1200637119	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM ANH DŨNG	Ấp Thống, Xã Hòa Hưng, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	183.053.510.223	26	36.610.702	1.625.000	**38.235.702**		
18	1200620926	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ YẾN MẠNH	Quốc lộ 1A, Ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	22.047.787.308	3	4.409.557	187.500	**4.597.057**		
19	1200190511	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN TÀI 2	Ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	22.544.894.125	4	4.508.979	250.000	**4.758.979**		
20	1201614153	CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC BÌNH TÂY	Số 304 Khu phố Cầu Xéo, Xã Hậu Thành, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	88.166.232.180	6	17.633.246	375.000	**18.008.246**		
21	1201509159	CÔNG TY TNHH TM DV TẤN ĐẠT TG	Ấp An Lợi, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	20.792.486.595	7	4.158.497	437.500	**4.595.997**		
22	1201531965	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ BẢO HÂN	Tổ 11, Ấp 4, Xã Tân Thanh, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	14.260.272.847	0	2.852.055	0	**2.852.055**		
23	1200676157	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LAU BÓNG GẠO VŨ PHONG PHÚ	Ấp An Thạnh, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	15.094.442.795	13	3.018.889	812.500	**3.831.389**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
24	1200437871	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THÁI HƯNG II	Cầu Thông Lưu, Quốc lộ 1, Ấp An Thạnh, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	9.723.036.137	2	1.944.607	125.000	**2.069.607**		
25	1200190310	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÒA KHÁNH	Ấp Khu Phố, Xã Hòa Khánh, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	3.930.310.309	9	786.062	562.500	**1.348.562**		
26	1201108358	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI TÚ HỒNG	ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	2.535.298.521	1	507.060	62.500	**569.560**		
27	1200498754	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÂN HƯNG	Lô A4 Cụm Công nghiệp An Thạnh, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	8.896.477.022	9	1.779.295	562.500	**2.341.795**		
28	1201636862	CTY TNHH MTV LƯƠNG THỰC NGỌC TÀI	Tổ 11, Ấp An Hiệp, Xã Tân Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	18.000.000.000	0	3.600.000	0	**3.600.000**		
29	1201636358	CTY TNHH AFOODS	Số 220 tổ 6, ấp 3, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, Tiền Giang	19.988.000.000	0	3.997.600	0	**3.997.600**		
30	1201643683	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC KIM NGÂN	Tổ 17, Ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè, TG	26.359.917.535	22	5.271.984	1.375.000	**6.646.984**		
31	1201655311	CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN MEDIC TÂM AN CÁI BÈ	Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 30, Khu phố 3, Thị trấn Cái Bè, CB	17.568.666.799	20	3.513.733	1.250.000	**4.763.733**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
32	1201658175	CÔNG TY TNHH SX LT THIÊN PHÚC	Tổ 2 Ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè	30.533.027.357	0	6.106.605	0	**6.106.605**		
33	1200602638	CÔNG TY TNHH TMDVSX TUYÊN HUYỀN	Cụm công nghiệp An Thạnh, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè, Tiền Giang	126.309.236	0	500.000	0	**500.000**		
34	1201659997	CÔNG TY TNHH ĐÌNH HIẾU	Xã hòa Khánh, huyện Cái Bè,tỉnh Tiền Giang	15.000.000.000	0	3.000.000	0	**3.000.000**		
35	1201662326	CÔNG TY TNHH HẠT NGỌC TG	xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	15.000.000.000	0	3.000.000	0	**3.000.000**		
36	1201657968	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG LỘC PHÁT CÁI BÈ	Số 68 Tổ 3 Khu 4, Thị trấn Cái Bè, Huyện Cái Bè	20.000.000.000	0	4.000.000	0	**4.000.000**		
37	1201659147	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC HỒNG TÂY	Ấp An Hiệp, Xã Đông Hòa Hiệp, Huyện Cái Bè	30.000.000.000	0	6.000.000	0	**6.000.000**		
38	1201663016	CÔNG TY TNHH TRÁI CÂY 001	Ấp 3, Xã Tân Hưng, Huyện Cái Bè	20.000.000.000	0	4.000.000	0	**4.000.000**		
39	1201665101	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU TRÁI CÂY TÀI THỦY	Ấp 2, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, TG	39.000.000.000	0	7.800.000	0	**7.800.000**		
40	1201667028	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN VẠN AN	Tổ 15, Ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè	30.000.000.000	0	6.000.000	0	**6.000.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
TỔNG						**458.450.463**	**352.062.500**	**810.512.963**		

PHỤ LỤC 9

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ CAI LẬY

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.640.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1201480950	CÔNG TY TNHH MAY MẶC ECO TANK	Ấp Quí Trinh, xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	46.550.650.825	1.688	9.310.130	118.160.000	**127.470.130**		
2	0100111948-101	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂY TIỀN GIANG	Số 560 Quốc Lộ 1A, Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang		121	500.000	8.470.000	**8.970.000**		
3	0100686174-268	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH THỊ XÃ CAI LẬY TIỀN GIANG	Quốc lộ 1, Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang		81	500.000	5.670.000	**6.170.000**		
4	1200353036	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TÂN	Khu phố 3, Phường 4, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	237.176.826.519	1857	47.435.365	129.990.000	**177.425.365**		
5	1200505472	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY	Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	98.325.982.520	117	19.665.197	8.190.000	**27.855.197**		
6	1200100412	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ TIỀN GIANG	Quốc lộ 1A, Ấp Quy Thạnh, Xã Tân Hội, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	19.698.736.900	25	3.939.747	1.750.000	**5.689.747**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
7	1200445311	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CALAPHARCO	Quốc lộ 1, Phường 4, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	49.603.815.326	34	9.920.763	2.380.000	**12.300.763**		
8	1200225806	CÔNG TY TNHH TƯ TÂN PHÚ	Khu phố Mỹ Thuận, Phường Nhị Mỹ, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	133.961.766.494	42	26.792.353	2.940.000	**29.732.353**		
9	1200530422	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG HOÀNG THÀNH	Số 41 đường tỉnh 868, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	38.049.618.960	60	7.609.924	4.200.000	**11.809.924**		
10	1201106382	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE MÁY TRANG HOÀNG	Số 690/1 Khu phố 2, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	36.303.593.658	12	7.260.719	840.000	**8.100.719**		
11	1200547659	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÀNH TRUNG	Đường Phan Văn Khỏe, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	11.007.858.192	24	2.201.572	1.680.000	**3.881.572**		
12	1201448918	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUỐC TUẤN PHÁT	Số 01/21, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	5.861.626.830	1	1.172.325	70.000	**1.242.325**		
13	1201458313	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN VINH AN KHANG	Quốc lộ 1A, Ấp Mỹ An, Phường Nhị Mỹ, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	10.000.000.000	1	2.000.000	70.000	**2.070.000**		
14	1200359327	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY LẮP ĐIỆN XUÂN PHÁT	Số 82/2, Đường Thái Thị Kiểu, Khu phố 2, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	27.174.282.590	233	5.434.857	16.310.000	**21.744.857**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
15	1200600528	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HIỆP THÀNH ĐẠT	Quốc lộ 1A, Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	21.240.014.137	1	4.248.003	70.000	**4.318.003**		
16	1201603169	CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y VÀ THỦY SẢN TIẾN ĐẠT	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	8.146.054.347	4	1.629.211	280.000	**1.909.211**		
17	1201605952	CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN CAI LẬY	Số 4/19 Đường 868, Phường 4, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	20.000.000.000	0	4.000.000	0	**4.000.000**		
18	0301175691-039	CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP.HCM - CO.OPMART CAI LẬY	Số 79, Đường 30/4, Khu phố 2, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	-	83	500.000	5.810.000	**6.310.000**		
19	1200224351	CTY TNHH MTV NGỌC ẨN	Ấp Quí Lợi, Xã Nhị Quý, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	7.665.963.458	34	1.533.193	2.380.000	**3.913.193**		
20	1200597716	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THUẬN PHÁT	Khu 7, Phường 2, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	9.176.064.783		1.835.213	0	**1.835.213**		
21	1200224552	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TẤN PHÁT	Ấp Quí Phước, Xã Nhị Quý, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	19.320.987.064	3	3.864.197	210.000	**4.074.197**		
22	1201639246	CÔNG TY TNHH HOÀNG NGUYÊN LAND	Khu phố 1, Phường 4, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	19.982.019.876	1	3.996.404	70.000	**4.066.404**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
23	3700501381-005	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH NAM HÀN TẠI MIỀN TÂY	Quốc lộ 1A, Ấp Quí Phước, Xã Nhị Quý, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	-	3	500.000	210.000	**710.000**		
24	1201644888	CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN ĐẠI GIA AN	Khu phố Mỹ Lợi, Phường Nhị Mỹ, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	19.901.402.800	0	3.980.281	0	**3.980.281**		
25	1201658601	CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ & XÂY DỰNG TECHCONS	Ấp Long Phước, Xã Mỹ Phước Tây, Thị xã Cai Lậy	37.919.722	0	500.000	0	**500.000**		
26	1200224898	CÔNG TY TNHH TIẾN THÀNH TIỀN GIANG	96/1 Đường Đoàn Thị Nghiệp, Khu phố 2, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	1	0	500.000	0	**500.000**		
27	1200789880	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOA NAM	Số 9/36 Phan Văn Kiêu, Phường 4, Thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	221.340.146		500.000	0	**500.000**		
28	0100686174-268	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH THỊ XÃ CAI LẬY TIỀN GIANG	Quốc lộ 1, Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang		81	500.000	5.670.000	**6.170.000**		
TỔNG						**171.829.453**	**315.420.000**	**487.249.453**		

PHỤ LỤC 10

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.250.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	1201437426	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NICHIREI SUCO VIỆT NAM	Ấp Hòa Bình, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	170.332.390.354	70	34.066.478	4.375.000	**38.441.478**		
2	1201475421	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAY MẶC THIÊN QUANG	Số 49 Tỉnh Lộ 871, Tổ 2, Ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	69.506.290.572	143	13.901.258	8.937.500	**22.838.758**		
3	1201627184	CÔNG TY TNHH D.K GARMENT	Ấp Bồ Đề, Xã Kiểng Phước, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang	15.167.500.997	210	3.033.500	13.125.000	**16.158.500**		
4	1201624634	CÔNG TY TNHH RUNNING GLOBAL RUNNING	Lô 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24 Cụm Công nghiệp Gia Thuận, GCĐ, TG	1.246.792.648.437	5.938	100.000.000	371.125.000	**471.125.000**	Miễn	
5	1101294541	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỐC TẾ NAM SÀI GÒN	Số 406, ấp 6, Xã Tân Phước, Huyện Gò Công Đông	7.008.080.117.912		100.000.000	0	**100.000.000**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
6	1200498218	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NAM TUYỀN	Khu phố 2, Thị trấn Vàm Láng, Huyện Gò Công Đông	36.371.426.667	20	7.274.285	1.250.000	**8.524.285**		
7	1200673290	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI PHÚ ĐẠT	ấp Bà Lãnh, Xã Tân Đông, Huyện Gò Công Đông	151.811.274.968	348	30.362.255	21.750.000	**52.112.255**		
8	1200922998	CÔNG TY CỔ PHẦN KHO CẢNG NGOẠI QUAN VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NAM SÔNG HẬU GÒ CÔNG	Ấp Đôi Ma, Xã Kiểng Phước, Huyện Gò Công Đông	494.355.191.361	49	98.871.038	3.062.500	**101.933.538**		
9	1201049416	CÔNG TY TNHH THỦY SẢN MINH THẮNG	Số 487 Khu phố 1, Thị trấn Vàm Láng, Huyện Gò Công Đông	216.875.981.103		43.375.196	0	**43.375.196**		
10	1201576116	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NGỌC LONG	Ấp Xóm Rẫy, Xã Kiểng Phước, Huyện Gò Công Đông	16.236.449.221		3.247.290	0	**3.247.290**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
11	1201646067	CÔNG TY TNHH TM DV XUẤT NHẬP KHẨU KIM XUYẾN	Ấp 4, Xã Tân Phước, Huyện Gò Công Đông	10.047.753.947	7	2.009.551	437.500	**2.447.051**		
12	1201649702	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG HCG TIỀN GIANG	Thửa đất số 3712, 3713 tờ bản đồ số TPC3, ấp 3, Xã Tân Phước, Huyện Gò Công Đông	1.895.154.545		500.000	0	**500.000**		
13	0100686174-266	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG TIỀN GIANG	Số 55, đường 862, Khu phố Dương Phú, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang		39	500.000	2.437.500	**2.937.500**		
14	0301103908-204	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN-CHI NHÁNH GÒ CÔNG ĐÔNG	999 Tổ 6, Khu phố 2, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang		21	500.000	1.312.500	**1.812.500**		
TỔNG						**437.640.852**	**427.812.500**	**865.453.352**		

PHỤ LỤC 11
DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY VÀ HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
(Kèm theo Kế hoạch số 137/KH-PCTT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Tiền Giang)

Mức lương tối thiểu vùng: 3.250.000 đồng

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
1	0302914426-002	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU HẰNG SAO SÁNG TẠI TIỀN GIANG	Ấp Thạnh Yên, Xã Thạnh Trị, Huyện Gò Công Tây	6.306.929.600	2	1.261.386	125.000	**1.386.386**		
2	0302914426-002	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU HẰNG SAO SÁNG TẠI TIỀN GIANG	Ấp Thạnh Yên, Xã Thạnh Trị, Huyện Gò Công Tây	6.306.929.600	2	1.261.386	125.000	**1.386.386**		
3	1200335090	CÔNG TY TNHH THẠNH NHỰT	Ấp Bình Tây, Xã Thạnh Nhựt, Huyện Gò Công Tây	5.657.883.433	6	1.131.577	375.000	**1.506.577**		
4	1200484712	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ-XÂY DỰNG QUAN PHÁT	22 Thiện Chí ấp Thượng Vĩnh Bình, , Huyện Gò Công Tây	16.641.574.900		3.328.315	0	**3.328.315**		
5	1200674495	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ-XÂY DỰNG PHƯỚC HÙNG	Ấp Thạnh Thới, Xã Đồng Sơn, Huyện Gò Công Tây	76.156.031.448	214	15.231.206	13.375.000	**28.606.206**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
6	1201054857	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HƯNG MINH	Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, Huyện Gò Công Tây	16.044.236.686	26	3.208.847	1.625.000	**4.833.847**		
7	1201276384	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG HÒA ĐỒNG	Số 641, Tổ 44, Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, Huyện Gò Công Tây	8.022.816.973	17	1.604.563	1.062.500	**2.667.063**		
8	1201432361	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NHỰA PHÁT THÀNH TIỀN GIANG	Đường Nguyễn Văn Côn, Khu phố 5, Thị trấn Vĩnh Bình, Huyện Gò Công Tây	243.014.495.186	417	48.602.899	26.062.500	**74.665.399**		
9	1201531901	CÔNG TY TNHH TOÀN THẮNG GÒ CÔNG	Ấp Thọ Khương, Xã Bình Phú, Huyện Gò Công Tây	4.989.529.360		997.906	0	**997.906**		
10	1201555236	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI GLOVIS	Đường huyện 18, Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, Huyện Gò Công Tây	9.514.830.345		1.902.966	0	**1.902.966**		
11	1201622700	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DUY QUANG LAND	Ấp Bình Tây, Xã Thạnh Nhựt, Huyện Gò Công Tây	10.000.000		500.000	0	**500.000**		
12	1201623091	CÔNG TY CP SX-TM-DV PHI CÁC	Đường Huyện 15, Ấp Long Bình, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây	27.621.364.390	60	5.524.273	3.750.000	**9.274.273**		

TT	MST	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tổng Tài sản trên BCTC 2023	Số lượng lao động có tham gia BHXH (trên QT TNCN 2023)	Số tiền			Ưu đãi thuế TNDN 2023 (miễn, giảm)	Ghi chú
						Đơn vị	Người lao động	Tổng số		
13	1201660142	CÔNG TY TNHH THUẬN HƯNG TG	Ấp Long Bình, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây	19.940.958.342		3.988.192	0	**3.988.192**		
14	0100686174-265	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN GÒ CÔNG TÂY TIỀN GIANG	61B Nguyễn Văn Côn, KP5, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang		51	500.000	3.187.500	**3.687.500**		
15	0100686174-261	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG TIỀN GIANG	Ấp Tân Phú, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang		16	500.000	1.000.000	**1.500.000**		
TỔNG						**89.543.516**	**50.687.500**	**140.231.016**		